

CHƯƠNG 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

1. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu của lịch sử. 1
2. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ những chuyển biến về kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam dưới tác động chính sách cai trị của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. 3
3. Anh/Chị hãy trình bày các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng và nguyên nhân thất bại của các phong trào. 4
4. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với vai trò, công lao của Nguyễn Ái Quốc. 4
5. Anh/Chị hãy trình bày nguyên nhân ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929. Sự ra đời của các tổ chức cộng sản này đã phản ánh điều gì? 5
6. Anh/Chị hãy chứng minh: Bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo được phản ánh trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (2-1930). 6
7. Anh/Chị hãy trình bày phong trào cách mạng 1930-1931. Kết quả và ý nghĩa lịch sử của phong trào đó. 6
8. Anh/Chị hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) và Luận cương chính trị (10/1930). Qua đó chỉ ra mặt hạn chế của Luận cương. 8
9. Anh/Chị hãy trình bày chủ trương và nhận thức mới của Đảng Cộng sản Đông Dương về vấn đề dân tộc và dân chủ giai đoạn 1936 – 1939. 10

10. Theo Anh/Chị, tại sao Đảng đã mạnh các phong trào đấu tranh vận động dân chủ giai đoạn 1936-1939? Kể tên các phong trào và rút ra ý nghĩa lịch sử. **14**
11. Anh/Chị hãy phân tích chủ trương chiến lược mới của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939-1945. Và rút ra ý nghĩa lịch sử. **16**
12. Anh/Chị hãy chứng minh: Nghị quyết của hội nghị Trung ương Tám (tháng 5 -1941) đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong. **17**
13. Anh/Chị hãy phân tích nội dung và ý nghĩa của Chỉ thị “*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” ngày 12/3/1945. **19**
14. Anh/Chị hãy chứng minh: Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng trong cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một quyết định đúng thời cơ. **21**
15. Anh/Chị hãy chứng minh: tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình và tính dân chủ được thể hiện trong cách mạng tháng Tám năm 1945. **23**

CHƯƠNG 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THÔNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

1. Anh/Chị hãy phân tích tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 và chủ trương, sách lược của Đảng giải quyết tình thế khó khăn trên. **25**
2. Theo anh/chị, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam cần phát huy bài học kinh nghiệm gì từ sách lược ngoại giao của Đảng thời kỳ 1945-1946? **28**

3. Anh/Chị hãy phân tích nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) để làm rõ đây là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt. 30
4. Anh/Chị hãy phân tích những thuận lợi, khó khăn của tình hình quốc tế và trong nước sau ngày ký Hiệp định Giơnevơ năm (7-1954). Tình hình trên đặt ra yêu cầu bức thiết gì? 32
5. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ quá trình Đảng lãnh đạo chuyển hướng cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 – 1960). 33
6. Anh/Chị hãy phân tích nội dung Đại hội III (tháng 9-1960) để làm sáng tỏ đây là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà. 35
7. Anh/Chị hãy phân tích nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) và rút ra ý nghĩa lịch sử. 38
8. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc (1965-1968). Trình bày kết quả và ý nghĩa lịch sử. 40
9. Anh/chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này. 43
10. Anh/Chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này. 46
11. Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng thời kỳ 1954 – 1975, Đảng ta rút ra những kinh nghiệm gì? Hãy phân tích một kinh nghiệm anh/chị tâm đắc nhất. 47

CHƯƠNG 3

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NUỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY)

1. Anh/Chị hãy trình bày đường lối phát triển kinh tế của Đảng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976). Qua đó nêu hạn chế của chủ trương này? **50**
2. Anh/Chị hãy Phân tích những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V của Đảng (3-1982). Nêu ý nghĩa và hạn chế của Đại hội? **52**
3. Anh/Chị hãy chứng minh: Chủ trương công nghiệp hóa “tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu” thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3-1982) được đánh giá là một bước đi điều chỉnh đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam? **53**
4. Anh/Chị hãy phân tích ba bước đột phá kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới (1986). **55**
5. Anh/Chị hãy trình bày những chủ trương đổi mới kinh tế được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986). Rút ra nhận xét chủ trương trên. **56**
6. Anh/Chị hãy trình bày những nội dung và kết quả chỉ đạo đổi mới quan trọng của Đảng tại các Hội nghị Trung ương Đảng khóa VI trên lĩnh vực kinh tế. **58**
7. Anh/Chị hãy chứng minh: Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Rút ra ý nghĩa của Cương lĩnh. **60**
8. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa trong thời kỳ mới được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996). Qua đó làm rõ trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. **62**

9. Anh/Chị hãy làm rõ quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được thông qua tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7/1998). Qua đó, hãy nêu trách nhiệm của bản thân để đóng góp vào việc giữ gìn, phát huy, truyền bá các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam? **64**
10. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ bước trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001). **66**
11. Anh/Chị hãy trình bày đặc trưng mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được thông qua tại Đại hội toàn quốc lần thứ X (4-2006) và chỉ ra những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. **68**
12. Anh/Chị hãy trình bày những điểm bổ sung, phát triển của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991. **69**
13. Anh/Chị hãy trình bày một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay được thể hiện thông qua Nghị quyết số 12-NQ/TW do Hội nghị Trung ương 4 khóa XI ban hành ngày 16/1/2012. Qua đó, hãy đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay. **71**
14. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (6/2014). Qua đó, làm rõ đóng góp của bản thân vào việc xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp. **72**
15. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được thông qua tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013). Để đáp ứng với yêu cầu trên, sinh viên cần làm gì? **73**

16. Anh/Chị hãy trình bày sáu nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới được thông qua tại Đại hội XII (1/2016). Để phát huy nhân tố con người, sinh viên cần phải làm gì? 74
17. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới của Đảng tại Đại hội XIII (2021). Để “khai dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, trách nhiệm tiên phong của bản thân và sinh viên Việt Nam hiện nay là gì? 75
18. Anh/Chị hãy trình bày những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay. Qua đó, anh/chị cảm nhận bài học nào? Vì sao? 77

CHƯƠNG 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐÁU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

1. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu của lịch sử.

Từ hoàn cảnh lịch sử thế giới

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chính bước chuyển này đã làm cho mâu thuẫn trong thế giới TBCN ngày càng trở nên gay gắt. Mâu thuẫn này tạo ra tính tất yếu của cách mạng vô sản, phạm trù cách mạng thế giới chuyển sang phạm trù cách mạng vô sản, cách mạng XHCN. Cùng với mâu thuẫn nội tại trong bản thân mỗi nước tư bản thì thời điểm này cũng xuất hiện mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau do tranh giành thuộc địa, phân chia thị trường và khu vực ảnh hưởng. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914- 1918). Đặc biệt là sự thống trị tàn bạo của CNĐQ làm cho mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với CNĐQ thực dân ngày càng trở nên gay gắt và trở thành một vấn đề mang tính thời đại.

Các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác- Lê nin đã xây dựng nền học thuyết lý luận cách mạng không ngừng, với nội dung cơ bản: Giai cấp công nhân, sau khi đã trưởng thành về trình độ giác ngộ, trình độ tổ chức, có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo cuộc cách mạng dân chủ tư sản trên cơ sở liên minh với giai cấp nông dân đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế phong kiến. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trở thành lực lượng chủ yếu đánh đổ chế độ chuyên chế phong kiến, thành lập nhà nước chuyên chính cách mạng của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

Trong lúc phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là khi được trang bị bởi một học thuyết cách mạng và khoa học, cuộc cách mạng vô sản đầu tiên nổ ra và giành thắng lợi tại Nga năm 1917. Thắng lợi của cuộc cách mạng Tháng Mười đã cỗ vũ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, đặc biệt là nhân dân các nước thuộc địa.

Cuộc cách mạng Tháng Mười Nga 1917 cỗ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, dẫn tới sự ra đời của hàng loạt các đảng cộng sản. Tình hình đó đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế đứng ra lãnh đạo, tập trung sức mạnh của phong trào ở tất cả các quốc gia, dân tộc (Quốc tế II đã không còn vai trò tiên phong kể từ sau khi Ăngghen qua đời năm 1895). Tháng 3- 1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập, với khẩu hiệu "Vô sản thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại" đã đánh dấu một giai đoạn mới của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. "Lần đầu tiên trong lịch sử, quốc tế Cộng sản đã chỉ rõ sự đoàn kết tất yếu, liên minh chiến đấu giữa giai cấp vô sản và các dân tộc thuộc địa đang rên xiết dưới ách thống trị thực dân".

Đến yêu cầu lãnh đạo phong trào đấu tranh trong nước

Trước 1930, phong trào yêu nước ở Việt Nam nổ ra mạnh mẽ nhưng đều bị thất bại, do bị khủng hoảng về đường lối cách mạng. Tình hình đó đặt ra yêu cầu phải có Đảng của giai cấp tiên tiến nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Từ 1919 -1929, thông qua hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng. Nguyễn Ái Quốc đã ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác- Lê nin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị. Thành lập hội Việt Nam cách mạng thanh niên để thông qua tổ chức này truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê nin vào Việt Nam.

Những năm 1928 – 1929, chủ nghĩa Mác – Lê nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam, làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có đảng của gia cấp vô sản lãnh đạo. Đáp ứng yêu cầu đó ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Sự hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình cách mạng Việt Nam.

Cuối năm 1929, những người cách mạng Việt Nam trong các tổ chức cộng sản đã nhận thức được sự cần thiết và cấp bách phải thành lập một Đảng cộng sản thống nhất, chấm dứt tình trạng chia rẽ phong trào cộng sản ở Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức và chủ trì hội nghị hợp nhất Đảng tại Hương Cảng, Trung Quốc từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930. Hội nghị đã quyết định hợp nhất 3 tổ chức Đảng (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thông qua các văn kiện: Chánh cương văn tắt, Sách lược văn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ văn tắt của Đảng. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã quyết nghị lấy ngày 3-2 hàng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Đảng cộng sản ở Việt Nam thành một Đảng Cộng sản duy nhất, theo một đường lối chính trị đúng đắn đã tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng cả nước, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sự ra đời của Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam. Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta.

Sự ra đời của Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân trọn vẹn nhất cho sự kết hợp đó, là tiêu biểu sáng ngời cho sự kết hợp giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Việc thành lập Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử công nhân và của cách mạng Việt Nam, chứng tỏ giai cấp vô sản nước ta trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng, chấm dứt thời kì khủng hoảng về vai trò lãnh đạo và đường lối trong phong trào cách mạng Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng cộng sản.

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và việc ngay từ khi ra đời, Đảng đã có Cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản, chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nhanh chóng củng cố lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam; giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra đầu thế kỷ XX, mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước Việt Nam. Chính đường lối này là cơ sở đảm bảo cho sự tập hợp lực lượng và sự đoàn kết, thống nhất của toàn dân tộc cùng chung tư tưởng và hành động để tiến hành cuộc cách mạng vĩ đại giành những thắng lợi to lớn sau này. Đây cũng là điều kiện cơ bản quyết định phương hướng phát triển, bước đi của cách mạng Việt Nam trong suốt 86 năm qua.

Với chủ trương cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, ĐCSVN đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại làm nên những thắng lợi vẻ vang. Đồng thời cách mạng Việt Nam cũng góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

2. Anh/Chi hãy làm sáng tỏ những chuyển biến về kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam dưới tác động chính sách cai trị của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

* Chuyển biến về kinh tế

- Chuyển biến tích cực:

+ Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa du nhập vào Việt Nam, đem lại nhiều tiến bộ hơn so với phương thức sản xuất phong kiến.

+ Cùng với sự xuất hiện, phát triển của kinh tế hàng hóa, kinh tế Việt Nam bước đầu có sự hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

+ Hình thành các đô thị lớn (Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn – Chợ lớn,...), các trung tâm công nghiệp mới (Nam Định, Bến Thủy, Hòn Gai...),...

- Chuyển biến tiêu cực:

+ Tài nguyên thiên nhiên bị voi cạn.

+ Việt Nam trở thành thị trường cung cấp nguyên, nhiên liệu, nhân công và tiêu thụ hàng hóa độc chiếm của thực dân Pháp.

+ Thực dân Pháp không du nhập một cách hoàn chỉnh phương thức tư bản chủ nghĩa vào Việt Nam. Khi tiến hành khai thác thuộc địa, Pháp vẫn duy trì phương thức bóc lột phong kiến trong mọi lĩnh vực kinh tế. Vì vậy, kinh tế Việt Nam bị kìm hãm, phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Pháp; sự phát triển chỉ mang tính chất cục bộ ở một số địa phương, về cơ bản kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu, phát triển thiếu đồng bộ, mất cân đối.

* Chuyển biến về xã hội

- Các giai cấp cũ trong xã hội (địa chủ phong kiến và nông dân) có sự phân hóa sâu sắc:

+ Một bộ phận địa chủ cấu kết với đế quốc để áp bức, bóc lột nhân dân. Tuy nhiên, một số địa chủ vừa và nhỏ còn có tinh thần yêu nước nên đã tham gia vào các phong trào yêu nước, chống Pháp khi có điều kiện.

+ Giai cấp nông dân bị bần cùng hóa và phá sản trên quy mô lớn.

- Trong xã hội xuất hiện các giai cấp và tầng lớp mới:

+ Sự phát triển của nền công, thương nghiệp thuộc địa, dẫn đến sự hình thành của đội ngũ công nhân. Công nhân và gia đình họ bị thực dân, phong kiến và tư sản bóc lột nên sớm có tinh thần đấu tranh. Ở đầu thế kỷ XX, lực lượng công nhân Việt Nam còn ít (khoảng 10 vạn người); mục tiêu đấu tranh của họ chủ yếu đòi quyền lợi kinh tế (tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện sống và điều kiện làm việc,...); ngoài ra họ còn hưởng ứng các phong trào chống Pháp do các tầng lớp khác lãnh đạo.

+ Tầng lớp tiểu tư sản xuất hiện và ngày càng phát triển về số lượng. Cuộc sống của tiểu tư sản tuy có phần dễ chịu hơn công nhân, nông dân và dân nghèo thành thị, song vẫn bấp bênh. Họ là những người có ý thức dân tộc, lại sớm được tiếp thu với những tư tưởng tiến bộ (nhất là bộ phận giáo viên, học sinh, sinh viên,...), nên tích cực tham gia vào cuộc vận động cứu nước đầu thế kỷ XX.

+ Tầng lớp tư sản ra đời. Tư sản Việt Nam bị tư sản Pháp chèn ép, chính quyền thực dân kìm hãm. Song do bị lệ thuộc, yếu ớt về mặt kinh tế, nên họ chưa dám tỏ thái độ hưởng ứng hay tham gia vào các cuộc vận động yêu nước.

- Các sĩ phu yêu nước cũng có nhiều chuyển biến về tư tưởng chính trị. Họ bắt đầu tiếp thu trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản và khởi xướng ở Việt Nam một cuộc vận động giải phóng dân tộc diễn ra sôi nổi ở đầu thế kỷ XX.

* Mối quan hệ giữa chuyển biến kinh tế và chuyển biến xã hội:

- Chuyển biến về kinh tế là tiền đề của chuyển biến xã hội. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế Việt Nam dưới chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất đã làm cho xã hội ngày càng phân hóa sâu sắc.

- Dưới nền kinh tế phong kiến lạc hậu mới du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, phát triển một cách ì ạch, các giai cấp, tầng lớp mới được hình thành trong xã hội Việt Nam chưa thể lớn mạnh, đủ sức đứng ra cầm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

3. Anh/Chi hãy trình bày các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng và nguyên nhân thất bại của các phong trào.

Trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước lâu dài, gian khổ, dân tộc ta sớm hình thành truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất. Vì vậy, ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược, nhân dân ta liên tiếp đứng lên chống lại chúng. Từ năm 1858 đến trước năm 1930, hàng trăm cuộc khởi nghĩa, phong trào chống Pháp đã nổ ra theo nhiều khuynh hướng khác nhau, như khởi nghĩa của Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, phong trào Càn Vương, phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thục, Duy Tân; các cuộc khởi nghĩa do Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học... lãnh đạo. Các cuộc khởi nghĩa, phong trào đấu tranh đó vô cùng anh dũng, nhưng đã bị thực dân Pháp đàn áp tàn bạo và đều thất bại.

Nguyên nhân cơ bản dẫn tới thất bại của các phong trào đấu tranh là do những người đứng đầu các cuộc khởi nghĩa, các phong trào chưa tìm được con đường cứu nước phản ánh đúng nhu cầu phát triển của xã hội Việt Nam. Cách mạng nước ta đứng trước sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Việc tìm một con đường cứu nước đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc và thời đại là nhu cầu bức thiết nhất của dân tộc ta lúc bấy giờ.

4. Anh/Chi hãy chứng minh: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với vai trò, công lao của Nguyễn Ái Quốc.

Giữa lúc cách mạng Việt Nam đang lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, ngày 5-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) ra nước ngoài, bắt đầu đi tìm con đường cứu nước. Người đã qua nhiều nơi trên thế giới, vừa lao động, vừa học tập, nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm các cuộc cách mạng tư sản điển hình (Pháp, Mỹ), tích cực tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Người rất ngưỡng mộ cuộc cách mạng đó, kính phục V.I.Lênin và đã tham gia nhiều hoạt động ủng hộ, bảo vệ cách mạng Nga; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Những hoạt động cách mạng phong phú đó đã giúp Người từng bước rút ra những bài học quý báu và bổ ích cho sự lựa chọn con đường cách mạng của mình.

Tháng 7- 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin. Luận cương đã giải đáp trúng những vấn đề mà Nguyễn Ái Quốc đang trăn trở. Từ đây, Người đã tìm ra con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản!; xác định những vấn đề cơ bản của đường lối giải phóng dân tộc. Đó là con đường giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản phải nắm lấy ngọn cờ giải phóng dân tộc, gắn cách mạng dân tộc từng nước với phong trào cách mạng vô sản thế giới.

Đối với Nguyễn Ái Quốc, đây là bước ngoặt từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản, từ một chiến sĩ giải phóng dân tộc trở thành một chiến sĩ cộng sản quốc tế. Sự kiện đó cũng đánh dấu bước ngoặt mở đường thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào nước ta, tìm ra con đường đúng đắn giải phóng dân tộc Việt Nam.

Trở thành chiến sĩ cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực tham gia hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cách mạng thuộc địa; nghiên cứu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam qua các báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân* và sau này là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925).

Sau một thời gian ngắn tham gia học tập ở Liên Xô và hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) trực tiếp chỉ đạo việc chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại đây, Người sáng lập và trực tiếp huấn luyện Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, sáng lập và viết bài cho báo *Thanh niên*, xuất bản tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927)... nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê nin vào trong nước. Người tổ chức đào tạo bồi dưỡng cán bộ cốt cán, tiếp tục chuẩn bị về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng.

5. Anh/Chỉ hãy trình bày nguyên nhân ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929. Sự ra đời của các tổ chức cộng sản này đã phản ánh điều gì?

Chủ nghĩa Mác - Lê nin và các tài liệu tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc được giới cấp công nhân và nhân dân Việt Nam đón nhận nhưng *người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn*. Nó lôi cuốn những người yêu nước Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản; làm dậy lên cao trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi khắp cả nước, trong đó giới cấp công nhân ngày càng trở thành một lực lượng chính trị độc lập. Sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào phong trào quần chúng và phong trào công nhân, làm cho phong trào đấu tranh của giới cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải có tổ chức đảng chính trị lãnh đạo. Vì vậy, các tổ chức cộng sản lần lượt được thành lập:

- Ngày 17-6-1929, Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập ở Bắc Kỳ.

- Mùa Thu năm 1929, An Nam Cộng sản Đảng được thành lập ở Nam Kỳ.

- Ngày 1-1-1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được thành lập ở Trung Kỳ.

Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, ở Việt Nam đã có ba tổ chức cộng sản tuyên bố thành lập. Điều đó phản ánh xu thế tất yếu của phong trào đấu tranh cách mạng ở Việt Nam, đồng thời sự tồn tại của ba tổ chức cộng sản hoạt động biệt lập trong một quốc gia có nguy cơ dẫn đến chia rẽ lớn. Yêu cầu bức thiết của cách mạng đặt ra là cần có một đảng cộng sản duy nhất để lãnh đạo phong trào cách mạng của giới cấp

công nhân và nhân dân Việt Nam. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - cán bộ của Quốc tế Cộng sản, người chiến sĩ cách mạng lỗi lạc của dân tộc Việt Nam - là người duy nhất có đủ năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu thống nhất các tổ chức cộng sản.

6. Anh/Chi hãy chứng minh: Bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo được phản ánh trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (2-1930).

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: “chủ trương là tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản
 - Xác định nhiệm vụ:
 - Xác định rõ nội dung của cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn đế quốc phong kiến; làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập; lập chính quyền công nông binh.
 - Về kinh tế: thủ tiêu hết các thứ quốc trái, tịch thu toàn bộ tài sản của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý; giành lại ruộng đất cho dân cày nghèo, bãi bỏ sưu thuế
 - Về văn hóa – xã hội: dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ quyền, phổ thông giáo dục theo công nông hóa
 - Xác định lực lượng cách mạng: công nhân, nông dân là gốc của cách mạng, kết hợp cùng các tầng lớp khác trong xã hội Việt Nam.
 - Xác định phương pháp đấu tranh: theo con đường bạo lực cách mạng.
 - Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế, cương lĩnh chỉ rõ trong khi thực hiện phong dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.
 - Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giải phóng cho được đại bộ phận giai cấp của mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.”
- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh một cách súc tích các luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam; thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến VN trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc VN, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc

7. Anh/Chi hãy trình bày phong trào cách mạng 1930-1931. Kết quả và ý nghĩa lịch sử của phong trào đó.

- Nguyên nhân của phong trào cách mạng 1930 – 1931:

- + Việt Nam là thuộc địa của Pháp nên cũng chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933);
- + Mâu thuẫn trong xã hội ngày càng sâu sắc, nổi lên với hai mâu thuẫn cơ bản là: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến;
- + Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã kịp thời lãnh đạo cách mạng và đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên phạm vi toàn quốc.

- Diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 – 1931:

- + Đầu năm 1930, một số cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác đã nổ ra với mục tiêu đòi cải thiện đời sống, đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm suru thuế,...
- + Từ tháng 5/1930, phong trào phát triển mạnh mẽ trong phạm vi cả nước
- + Đến tháng 9 và tháng 10/1930, phong trào đạt đến đỉnh cao, quyết liệt nhất là ở Nghệ An và Hà Tĩnh
- + Thực dân Pháp tiến hành khủng bố cực kì tàn bạo, cho máy bay ném bom tàn sát cuộc biểu tình của 8000 nông dân Hưng Nguyên ngày 12/9/1930
- + Đầu năm 1931, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp, khủng bố phong trào. Nhiều tổ chức của Đảng bị phá vỡ, hàng vạn cán bộ, đảng viên, người yêu nước bị bắt giam. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 tạm thời lắng xuống
- Những biểu hiện chứng tỏ Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931 là:
 - + Những cuộc biểu tình của nông dân ở Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Nghi Lộc, được sự hướng ứng của công nhân Vinh - Bến Thuỷ đã làm bộ máy chính quyền của thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, ở một số thôn, xã bị tan rã
 - + Chính quyền nhân dân được thành lập ở một số thôn, xã của Nghệ An

Hà Tĩnh dưới hình thức các xã viết. Chính quyền Xô viết đã ban hành và thực hiện các chính sách tiên bộ

- Ý nghĩa lịch sử: khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng. Từ trong phong trào, khôi liên minh công - nông được hình thành, để lại nhiều bài học quý báu cho phong trào cách mạng sau này
8. Anh/Chi hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) và Luận cương chính trị (10/1930). Qua đó chỉ ra mặt hạn chế của Luận cương.
- * **Giống nhau**
- **Phương hướng chiến lược:** đều tiến hành 2 giai đoạn là cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đi theo đường lối cách mạng Việt Nam được đề ra trong Hội nghị thành lập Đảng là “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”.
 - **Mâu thuẫn cơ bản:** đều chỉ ra 2 mâu thuẫn cơ bản của nước ta trong thời điểm đó là mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp. Hai mâu thuẫn này được ngầm thể hiện thông qua 2 nhiệm vụ cách mạng là đánh đế quốc và đánh phong kiến. Trong đó, đánh đế quốc để giải quyết mâu thuẫn dân tộc, đánh phong kiến để giải quyết mâu thuẫn giai cấp.
 - **Nhiệm vụ cách mạng:** đều thực hiện 2 nhiệm vụ là đánh đế quốc và đánh phong kiến.
 - **Lực lượng cách mạng:** đều chỉ ra lực lượng nòng cốt của cách mạng Việt Nam là công nhân và nông dân. Lực lượng lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân với đội tiên phong là Đảng Cộng sản
 - **Mối quan hệ với cách mạng thế giới:** cách mạng Việt Nam (cách mạng Đông Dương) là một bộ phận của cách mạng thế giới.
- * **Khác nhau**

Nội dung	Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930)	Luận cương chính trị (10/1930)
Phạm vi	Việt Nam	Đông Dương
Nội dung về	Chỉ thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc, giành độc lập dân tộc, không bao	Bao gồm cả nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất

cách mạng tư sản dân quyền	gồm cách mạng ruộng đất	
Mâu thuẫn chủ yếu	Mâu thuẫn dân tộc	Mâu thuẫn giai cấp
Nhiệm vụ chủ yếu	Đánh đế quốc	Đánh phong kiến
Thứ tự thực hiện các nhiệm vụ chiến lược	<p>+ Đè cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đánh đế quốc trước, đánh phong kiến sau</p> <p>+ Nhiệm vụ chống đế quốc là nhiệm vụ quan trọng số 1, xuyên suốt của cách mạng</p> <p>Việt Nam</p>	<p>+ Đè cao nhiệm vụ giải phóng giai cấp, đánh phong kiến trước, đánh đế quốc sau</p> <p>+ Chưa thấy được mâu thuẫn chính của đất nước khi đó là mâu thuẫn dân tộc, đặt nặng chiến tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất</p>
Lực lượng cách mạng	<p>+ Công nhân, nông dân là nòng cốt.</p> <p>+ Tri thức, tiểu tư sản, phú nông, trung tiểu địa chủ, tư sản dân tộc có thể lôi kéo, lợi dụng trung lập.</p> <p>⇒ Đánh giá đúng khả năng làm cách mạng của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội. Chủ trương xây dựng đại đoàn kết dân tộc, tập hợp các lực lượng</p>	<p>+ Chỉ có công nhân và nông dân.</p> <p>⇒ Không nhận thức được khả năng làm cách mạng của các giai cấp khác trong xã hội như tiểu tư sản, tư sản dân tộc,...không ý thức được khả năng có thể lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ yêu nước đi theo con đường cách mạng.</p>

	yêu nước cùng đứng lên giải phóng dân tộc, chống đế quốc	
--	---	--

* **Những hạn chế của Luận cương chính trị 10-1930 bao gồm:**

- Chưa xác định được mâu thuẫn chủ yếu của ta là mâu thuẫn dân tộc: nhân dân >< thực dân Pháp.
- Chưa tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân cùng đấu tranh lật đổ đế quốc mà xác định động lực cách mạng là: công nhân và nông dân.

9. Anh/Chị hãy trình bày chủ trương và nhận thức mới của Đảng Cộng sản Đông Dương về vấn đề dân tộc và dân chủ giai đoạn 1936 – 1939.

a) Hoàn cảnh lịch sử.

Tình hình thế giới:

Cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm 1929-1933 ở các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản ngày càng gay gắt và phong trào cách mạng của quần chúng dâng cao.

Chủ nghĩa phátxít đã xuất hiện và thăng thế ở một số nơi như phátxít Hitle ở Đức, phátxít Phrăngcô ở Tây Ban Nha, phátxít Múttxôlini ở Italia và phái Sĩ quan trẻ ở Nhật Bản. Chế độ độc tài phátxít là nền chuyên chính của những thế lực phản động nhất, sôvanh nhất, tàn bạo và dã man nhất. Chúng tiến hành chiến tranh xâm lược, bành trướng và nô dịch các nước khác. Tập đoàn phátxít cầm quyền ở Đức, Italia và Nhật đã liên kết với nhau thành khối "Trục", ráo riết chuẩn bị chiến tranh để chia lại thị trường thế giới và thực hiện mưu đồ tiêu diệt Liên Xô - thành trì cách mạng thế giới — nhằm hy vọng đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản đang phát triển mạnh mẽ. Nguy cơ chủ nghĩa phátxít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Trước tình hình đó, Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản họp tại Mátxcova (tháng 7-1935) dưới sự chủ trì của G.Đimitorôp. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu đã tham dự đại hội.

Đại hội xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phátxít.

Đại hội vạch ra nhiệm vụ truớc mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành chính quyền, mà là đấu tranh chống chủ nghĩa phátxít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình.

Để thực hiện nhiệm vụ cấp bách đó, các đảng cộng sản và nhân dân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ của mình, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phátxít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hòa bình và cải thiện đời sống.

Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, Đại hội chỉ rõ: Do tình hình thế giới và trong nước thay đổi nên vấn đề lập mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt.

Tình hình trong nước:

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã tác động sâu sắc không những đến đời sống các giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động, mà còn đến cả những nhà tư sản, địa chủ hạng vừa và nhỏ. Trong khi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét, bóc lột, bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ và thi hành chính sách khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

Tình hình trên đây làm cho các giai cấp và tầng lớp tuy có quyền lợi khác nhau, nhưng đều căm thù thực dân, tư bản độc quyền Pháp và đều có nguyện vọng chung trước mắt là đấu tranh đòi được quyền sống, quyền tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Trong lúc này, hệ thống tổ chức của Đảng và các cơ sở cách mạng của quần chúng đã được khôi phục. Mặt khác, Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp ban hành một số chính sách dân chủ có lợi cho các thuộc địa. Đây là những yếu tố rất quan trọng, quyết định bước phát triển mới của phong trào cách mạng nước ta.

b) Chủ Chương và nhận thức mới của Đảng.

Trước những biến chuyển của tình hình trong nước và thế giới, đặc biệt dưới ánh sáng của chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, trong những năm 1936-1939, Ban chấp hành Trung ương, Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp Hội nghị lần thứ hai (tháng 7-1936), lần thứ ba (tháng 3-1937), lần thứ tư (tháng 9-1937), lần thứ năm (tháng 3-1938)... để ra những chủ trương mới về chính trị, tổ chức và hình thức đấu tranh phù hợp với tình hình cách mạng nước ta.

- Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh:

Ban Chấp hành Trung ương xác định, cách mạng ở Đông Dương vẫn là "cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa- lập chính quyền của công nông bằng hình thức Xô Viết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa". Song, xét rằng, cuộc vận động quần chúng hiện thời cả về chính trị và tổ chức chưa tới tình độ trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp, lập chính quyền công nông, giải quyết vấn đề điền địa. Trong khi đó, yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân ta lúc này là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống. Vì vậy, Đảng phải nắm lấy những yêu cầu để phát động quần chúng đấu tranh, tạo nền để đưa cách mạng tiến lên bước cao hơn sau này.

Về kẻ thù của cách mạng: Kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.

Về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng: Chống phátxít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Để thực hiện những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng, Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập Mặt trận nhân dân phản đế, bao gồm các giai cấp, dân tộc, đảng phái, đoàn thể chính trị, xã hội và tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, với nòng cốt là liên minh công - nông. Để phù hợp với yêu cầu tập hợp lực lượng cách mạng trong tình hình mới, Mặt trận nhân dân phản đế đã được đổi tên thành Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Về đoàn kết quốc tế: Để tập trung, cô lập và chia mũi nhọn đấu tranh vào bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng ở Đông Dương, đòi các quyền tự do, dân chủ, dân sinh, thì không những phải đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Pháp, "ủng hộ mặt trận nhân dân Pháp", mà còn phải để ra khẩu hiệu "ủng hộ Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp" để cùng nhau chống lại kẻ thù chung là Phátxít ở Pháp và bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương.

Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh: Phải chuyển hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm làm cho Đảng mở rộng sự quan hệ với quần chúng, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng các hình thức và khẩu hiệu thích hợp. Trong khi tranh thủ mở rộng các hình thức tổ chức đấu tranh công khai, hợp pháp thì tránh sa vào chủ nghĩa công khai, mà phải giữ vững nguyên tắc cung cõi và tăng cường tổ chức và hoạt động bí mật của Đảng, giữ vững mối quan hệ giữa bí mật và công khai, hợp pháp và không hợp

pháp và phải đảm bảo sự lãnh đạo của tổ chức Đảng bí mật đối với những tổ chức và hoạt động công khai, hợp pháp.

- Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ:

Trong khi đề ra chủ trương mới đề lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh nhằm thực hiện các quyền dân chủ, dân sinh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và diền địa trong cách mạng ở Đông Dương. Trong văn kiện Chung quanh vấn đề chiến sách mới công bố tháng 10-1936, Đảng đã nêu một quan điểm mới: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng diền địa. Nghĩa là không thể nói rằng muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng diền địa, muốn giải quyết vấn đề diền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng". Vì vậy, tuy hoàn cảnh hiện thực bắt buộc, nếu nhiệm vụ chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, còn vấn đề giải quyết diền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể trước tập trung đánh đổ đế quốc rồi sau mới giải quyết vấn đề diền địa.

Nhưng cũng có khi vấn đề diền địa và phản đế phải liên tiếp giải quyết, vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích của cuộc vận động. Nghĩa là, cuộc phản đế phát triển tới trình độ vũ trang tranh đấu kịch liệt, đồng thời, vì muốn tăng thêm lực lượng tranh đấu chống đế quốc, cần phải phát triển cuộc cách mạng diền địa. "Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc đấu tranh chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải iựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng".

Đây là nhận thức mới của Ban Chấp hành Trung ương, phù hợp với tinh thần trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và bước đầu khắc phục những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930.

Tháng 3-1939, Đảng ra bản Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc, nêu rõ họa pháxít đang đến gần, chính phủ Pháp hiện đã nghiêng về phái hữu, ra sức bóp nghẹt tự do dân chủ, tăng cường bóc lột nhân dân và ráo riết chuẩn bị chiến tranh. Tuyên ngôn kêu gọi các tầng lớp nhân dân phải thống nhất hành động hơn nữa trong việc đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc. Tháng 7-1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tác phẩm Tự chỉ trích. Tác phẩm đã phân tích những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng, tổng kết kinh nghiệm cuộc vận động dân chủ của Đảng; nhất là về đường lối xây dựng Mặt trận dân chủ Đông Dương — một vấn đề chính trị trung tâm của Đảng lúc đó. Tác phẩm Tự chỉ trích chẳng những có tác dụng lớn trong cuộc đấu tranh để khắc phục những lạch lác, sai lầm trong phong trào vận động dân chủ, tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, mà còn là một văn kiện

lý luận quan trọng về xây dựng Đảng, về công tác vận động thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi trong đấu tranh cách mạng ở Việt Nam.

Tóm lại, trong những năm 1936-1939, chủ trương mới của Đảng đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng, các mối quan hệ giữa liên minh công - nông và mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi, giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa phong trào cách mạng Đông Dương, phong trào cách mạng ở Pháp và trên thế giới; đề ra các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, thích hợp nhằm hướng dẫn quần chúng đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh cao hơn vì độc lập và tự do.

Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương trong thời kỳ này đánh dấu bước trưởng thành của Đảng về chính trị và tư tưởng; thể hiện bản lĩnh và tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng, mở ra một cao trào mới trong cả nước.

Cao trào dân chủ 1936-1939 thực sự là cuộc vận động cách mạng sâu rộng, hiếm có ở một xứ thuộc địa, đã tuyên truyền đường lối, chủ trương cách mạng của Đảng cho quảng đại nhân dân, mở rộng lực lượng và trận địa cách mạng, sáng tạo nên những hình thức tổ chức, hình thức đấu tranh mới linh hoạt, gắn kết phong trào cách mạng Đông Dương với cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa phát xít của nhân dân thế giới.

Xem thêm tại: <https://loigiaihay.com/trong-nhung-nam-1936-1939-c125a20155.html>

10. Theo Anh/Chi, tại sao Đảng đẩy mạnh các phong trào đấu tranh dân chủ giai đoạn 1936-1939? Kể tên các phong trào và rút ra ý nghĩa lịch sử.

Giai đoạn 1936-1939, tình hình thế giới và trong nước có những biến đổi quan trọng, tạo điều kiện để Đảng đẩy mạnh các phong trào đấu tranh dân chủ:

1. Tình hình thế giới:

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) ảnh hưởng sâu sắc đến các thuộc địa, trong đó có Việt Nam, khiến đời sống nhân dân vô cùng khó khăn.
- Chủ nghĩa phát xít trỗi dậy ở Đức, Ý, Nhật và đe dọa hòa bình thế giới. Phong trào chống phát xít, bảo vệ hòa bình dân chủ trở thành xu thế chung của các lực lượng tiến bộ.
- Năm 1935, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản kêu gọi thành lập **Mặt trận Nhân dân chống phát xít**, đấu tranh đòi dân chủ, cải thiện đời sống.

2. Tình hình trong nước:

- Thực dân Pháp thi hành chính sách bóc lột, đàn áp tàn bạo khiến mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng sâu sắc.
- Sau khi Mặt trận Nhân dân Pháp (do Đảng Xã hội lãnh đạo) lên nắm quyền, một số chính sách dân chủ được áp dụng, tạo điều kiện cho các phong trào đấu tranh dân chủ phát triển.

3. Chủ trương của Đảng:

- Hội nghị Trung ương Đảng (1936) xác định nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
 - Thành lập **Mặt trận Dân chủ Đông Dương** để tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân vào phong trào đấu tranh.
-

Các phong trào đấu tranh tiêu biểu giai đoạn 1936-1939

1. Phong trào Đông Dương đại hội (1936):

- Đảng phát động phong trào tổ chức các cuộc họp, hội nghị để nhân dân bày tỏ nguyện vọng, đòi quyền tự do dân chủ.
- Đây là phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp, thu hút đông đảo các tầng lớp tham gia.

2. Phong trào báo chí công khai (1937-1939):

- Các tờ báo tiến bộ như *Dân chúng*, *Le Travail*, *Tiếng dân*... được xuất bản, tuyên truyền tinh thần dân chủ, chống chế độ phản động thuộc địa.

3. Phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và tiểu tư sản:

- Công nhân đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm.
- Nông dân biểu tình đòi giảm thuế, giảm địa tô.
- Tiểu tư sản và trí thức tổ chức mít tinh, biểu tình, đòi tự do báo chí, tự do lập hội.

4. Phong trào kỷ niệm các ngày lịch sử cách mạng:

- Các ngày Quốc tế Lao động (1-5), Cách mạng Tháng Mười Nga (7-11) được tổ chức để nâng cao ý thức đấu tranh và đoàn kết giai cấp.
-

Ý nghĩa lịch sử của phong trào dân chủ 1936-1939

1. Về nhận thức và tổ chức:

- Phong trào đã góp phần nâng cao nhận thức chính trị và ý thức dân chủ cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giai cấp công nhân và nông dân.
- Đảng Cộng sản Đông Dương củng cố và mở rộng lực lượng, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn sau.

2. Về kinh nghiệm đấu tranh:

- Phong trào giúp Đảng rút ra kinh nghiệm quý báu trong việc tổ chức đấu tranh công khai, hợp pháp và lãnh đạo quần chúng.
- Xây dựng và mở rộng Mặt trận Dân chủ Đông Dương, phát triển hình thức đấu tranh kết hợp chính trị với kinh tế.

3. Về tác động xã hội:

- Phong trào gây sức ép lớn đối với chính quyền thực dân, buộc chúng phải nhượng bộ một số yêu sách của nhân dân.
- Thể hiện tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường của các tầng lớp nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành tự do, dân chủ.

4. **Đặt nền tảng cho giai đoạn cách mạng sau này:**

- Phong trào dân chủ 1936-1939 đã chuẩn bị lực lượng, kinh nghiệm và niềm tin cho Cách mạng Tháng Tám 1945.

11. Anh/Chi hãy phân tích chủ trương chiến lược mới của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939-1945. Và rút ra ý nghĩa lịch sử.

Kể từ khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ sáu (tháng 11-1939), Hội nghị lần thứ bảy (tháng 11-1940) và Hội nghị lần thứ tám (tháng 5-1941). Trên cơ sở nhận định khẩn cấp diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai và cẩn trọng vào tình hình cụ thể trong nước, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định chuyển hướng chiến lược như sau:

Một là, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Ban chấp hành Trung ương nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu ở nước ta đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với Đế quốc, phát xít Pháp - Nhật. Bởi “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến năm cũng không đòi lại được”. Để tập trung cho nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng lúc này, Ban Chấp hành Trung ương quyết định tạm gác lại khẩu hiệu “Đánh đổ đế quốc, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian cho dân cày nghèo, “chia lại ruộng đất công cho công bằng và giảm tô, giảm túc”...

Hai là, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ “tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý”. “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”. Từ quan điểm đó, hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung.

Ba là, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, “không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản xứ, ai có lòng yêu thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc”. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu

quốc”.

Bốn là, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ, một hình thức nhà nước “của chung cả toàn thể dân tộc”. Hội nghị chỉ rõ, “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xô viết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hiệp và thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa”

Năm là, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân, “phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù”. Trong những hoàn cảnh nhất định thì “với lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”. Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và thời cơ tổng khởi nghĩa.

Hội nghị lần thứ 8 BCHTW Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị 11/1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị 10/1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đầy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

→ Ý nghĩa

- Thể hiện sự phát triển mới trong nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng
- Là nguyên nhân trực tiếp quyết định đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

12. Anh/Chi hãy chứng minh: Nghị quyết của hội nghị Trung ương Tám (tháng 5 -1941) đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong.

Hội nghị Trung ương Tám (tháng 5/1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì là một sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu bước ngoặt trong cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã đưa ra những nghị quyết đúng đắn, sáng tạo, giải quyết triệt để mối quan hệ giữa dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong, đặt nền móng cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.

1. Hoàn cảnh lịch sử đặt ra vấn đề dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong

• Trong nước:

- Thực dân Pháp và phát xít Nhật cấu kết thống trị, áp bức nhân dân Việt Nam.
- Mâu thuẫn dân tộc giữa nhân dân Việt Nam và thực dân Pháp, phát xít Nhật trở nên gay gắt nhất.

- Đời sống nhân dân ngày càng khốn khổ, đặc biệt là nạn đói năm 1940-1941 khiến hàng triệu người chết.
- **Thế giới:**
 - Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn khốc liệt, các nước đồng minh đang chống phát xít.
 - Quốc tế Cộng sản kêu gọi các dân tộc thuộc địa đấu tranh giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa phát xít.

- **Trong phong trào cách mạng Việt Nam:**

- Từ năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương giải quyết cả hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ. Tuy nhiên, nhiệm vụ cụ thể và phương pháp thực hiện cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương Tám (5/1941)

Ưu tiên hàng đầu: Giải phóng dân tộc

- Hội nghị khẳng định: Nhiệm vụ cách mạng trước mắt là giải phóng dân tộc, đặt vấn đề dân tộc lên trên hết và trước hết.
- Đề cao khẩu hiệu: “*Dánh đuổi phát xít Nhật - Pháp, giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc*”.

Giải quyết mối quan hệ giữa phản đế và phản phong

- Hội nghị xác định:
 - Phong kiến không còn là kẻ thù chính trước mắt, mà kẻ thù chủ yếu là **thực dân Pháp** và **phát xít Nhật**.
 - Phong kiến chỉ bị đánh đổ khi cản trở cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Do đó, Hội nghị chủ trương tập trung toàn bộ sức mạnh vào đấu tranh chống thực dân, phát xít, tạm gác các mâu thuẫn khác để đoàn kết toàn dân tộc.

Thành lập Mặt trận Việt Minh

- Hội nghị quyết định thành lập **Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội (Việt Minh)** để tập hợp mọi tầng lớp nhân dân.
- Đây là một sáng tạo chiến lược, mở rộng liên minh dân tộc, kể cả các tầng lớp địa chủ yêu nước, nhằm tập trung lực lượng đấu tranh giải phóng dân tộc.

Giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và dân chủ

- Hội nghị xác định:
 - Cách mạng lúc này là cách mạng giải phóng dân tộc, nhưng cách mạng dân chủ vẫn là một phần trong cuộc đấu tranh chung.
 - Sau khi giành độc lập, nhiệm vụ dân chủ và cải cách xã hội sẽ được thực hiện triệt để.

- Điều này chứng tỏ sự linh hoạt và đúng đắn trong việc xác định thứ tự ưu tiên giữa hai nhiệm vụ lớn của cách mạng.
-

3. Ý nghĩa của Nghị quyết Hội nghị Trung ương Tám

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ

- Hội nghị nhấn mạnh: Mâu thuẫn dân tộc là mâu thuẫn chính yếu cần được giải quyết trước.
- Đặt nhiệm vụ dân tộc lên trên nhiệm vụ dân chủ là sự lựa chọn hợp lý trong bối cảnh thực dân và phát xít đang thống trị.

Giải quyết mối quan hệ phản đế và phản phong

- Tập trung vào nhiệm vụ phản đế (chống Pháp - Nhật) làm trọng tâm, nhưng không bỏ qua vấn đề phản phong khi cần thiết.
- Cách tiếp cận mềm dẻo này đã tập hợp được nhiều lực lượng tham gia vào cuộc đấu tranh chung.

Đặt nền tảng cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945

- Việc thành lập Mặt trận Việt Minh đã huy động được sức mạnh toàn dân, kể cả các tầng lớp trung gian và yêu nước trong xã hội.
- Nghị quyết tạo ra một đường lối cách mạng phù hợp, thống nhất được mục tiêu, phương pháp và lực lượng, dẫn tới sự thành công của Cách mạng Tháng Tám.

13. Anh/Chị hãy phân tích nội dung và ý nghĩa của Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12/3/1945.

Chỉ thị này do Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ban hành, là văn kiện quan trọng trong thời kỳ chuẩn bị trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám 1945.

1. Hoàn cảnh ra đời Chỉ thị

1. Tình hình quốc tế:

- Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Phát xít Đức và Nhật đang thất bại nặng nề trên các chiến trường.
- Quân Đồng minh chuẩn bị đẩy mạnh chiến dịch đánh Nhật tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

2. Tình hình trong nước:

- Ngày 9/3/1945, Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương.
- Sự kiện này làm tan rã bộ máy cai trị cũ của Pháp, gây ra tình trạng khủng hoảng chính trị sâu sắc trong bộ máy thống trị ở Việt Nam.

- Nhân dân Việt Nam chịu sự bóc lột và áp bức nặng nề của phát xít Nhật, đặc biệt là nạn đói khùng khiếp đầu năm 1945 làm hơn 2 triệu người chết.

3. Chủ trương của Đảng:

- Trước tình thế mới, Đảng nhận định rằng thời cơ cách mạng đang đến gần, cần kịp thời điều chỉnh chiến lược và phương pháp hành động.
-

2. Nội dung chính của Chỉ thị

Nhận định tình hình

- Chỉ thị khẳng định: Cuộc đảo chính Nhật - Pháp là cơ hội cho cách mạng Việt Nam, vì:
 - Sự mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp làm suy yếu cả hai thế lực thực dân.
 - Chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã bị tan rã, tạo khoảng trống quyền lực.
 - Phát xít Nhật tuy chiếm ưu thế nhưng đang suy yếu do thất bại trên chiến trường quốc tế và không đủ khả năng duy trì cai trị lâu dài.

Xác định nhiệm vụ cách mạng trước mắt

- Nhiệm vụ hàng đầu là: **Động viên toàn dân chuẩn bị khởi nghĩa, sẵn sàng hành động khi thời cơ đến.**
- Cụ thể:
 - Tăng cường tuyên truyền, giác ngộ quần chúng về tình hình mới và mục tiêu cách mạng.
 - Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống Nhật, tổ chức các cuộc biểu tình, bãi công, phá kho thóc để cứu đói.
 - Mở rộng lực lượng Việt Minh, xây dựng căn cứ địa cách mạng để làm điểm tựa cho khởi nghĩa.

Chỉ đạo phương pháp đấu tranh

- Chỉ thị nhấn mạnh: Tạm thời chuyển từ hình thức đấu tranh **bán công khai, hợp pháp** sang **đấu tranh công khai và trực tiếp**.
- Chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa từng phần, tiến tới **tổng khởi nghĩa khi thời cơ chín muồi**.

Dự báo thời cơ cách mạng

- Chỉ thị nhận định: Thời cơ cách mạng chỉ đến khi:
 - Nhật thất bại hoàn toàn trong chiến tranh thế giới thứ hai.
 - Phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam đủ mạnh để giành chính quyền.
-

3. Ý nghĩa lịch sử của Chỉ thị

1. Về nhận thức chiến lược

- Chỉ thị thể hiện sự phân tích chính xác và sắc bén của Đảng về tình hình quốc tế và trong nước.

- Đảng đã nhanh chóng nhận ra **thời cơ cách mạng đang hình thành**, từ đó đề ra chủ trương kịp thời, chuyển hướng chiến lược từ chuẩn bị lâu dài sang chuẩn bị trực tiếp cho khởi nghĩa.

2. Về tổ chức và hành động

- Chỉ thị trở thành kim chỉ nam hành động, giúp phong trào cách mạng chuyển sang giai đoạn sẵn sàng khởi nghĩa.
- Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Việt Minh đã đẩy mạnh các phong trào cứu đói, biếu tình, phá kho thóc, tạo tiền đề cho cao trào cách mạng toàn quốc.

3. Về thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945

- Chỉ thị góp phần quyết định vào sự thành công của Cách mạng Tháng Tám bằng cách:
 - Chuẩn bị lực lượng quần chúng và cơ sở cách mạng sẵn sàng hành động.
 - Định hướng chiến lược đúng đắn, tận dụng khoảng trống quyền lực sau đảo chính Nhật - Pháp.

14. Anh/Chi hãy chứng minh: Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng trong cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một quyết định đúng thời cơ.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một sự kiện lịch sử trọng đại, đưa dân tộc Việt Nam từ kiếp thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương được thực hiện trong bối cảnh thời cơ cách mạng "ngàn năm có một", thể hiện sự nhạy bén, bản lĩnh và tài lãnh đạo của Đảng.

1. Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến Tổng khởi nghĩa

Tình hình thế giới

- Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc:**
 - Ngày 9/5/1945, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh.
 - Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.
 - Sự thất bại của phe phát xít tạo nên khoảng trống quyền lực tại các thuộc địa của Nhật Bản, trong đó có Việt Nam.

Tình hình trong nước

- Chính trị:**
 - Phát xít Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), nhưng sau đó cũng bị suy yếu nặng nề. Bộ máy chính quyền Nhật - Pháp hoàn toàn rối loạn.
 - Chính quyền bù nhìn của Bảo Đại không còn thực quyền, mất hoàn toàn sự ủng hộ từ nhân dân.
- Kinh tế - xã hội:**

- Hậu quả của nạn đói khùng khiếp dầu năm 1945 làm hơn 2 triệu người chết, khiến lòng dân căm phẫn ché độ thực dân, phát xít.
 - Nhân dân sẵn sàng tham gia cách mạng để thay đổi cuộc sống.
- **Phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ:**
 - Việt Minh phát triển rộng khắp, xây dựng được căn cứ địa cách mạng, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và trung du.
 - Các phong trào biểu tình, đấu tranh vũ trang, phá kho thóc cứu đói diễn ra liên tục, thể hiện sự sẵn sàng hành động của quần chúng.
-

2. Quyết định đúng thời cơ của Đảng trong phát động Tống khôi nghĩa

Thời cơ "ngàn năm có một"

- **Kẻ thù chính bị suy yếu hoàn toàn:**
 - Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng (15/8/1945), bộ máy cai trị Nhật ở Đông Dương bị tê liệt.
 - Thực dân Pháp chưa kịp khôi phục quyền lực ở Đông Dương sau khi bị Nhật lật đổ.
- **Khoảng trống quyền lực:**
 - Hệ thống cai trị của Nhật và tay sai tan rã, tạo điều kiện cho các lực lượng cách mạng nôì dậy giành chính quyền.
 - Đồng minh chưa kịp vào Đông Dương, tạo cơ hội để Việt Minh giành chính quyền trước khi quân đội nước ngoài can thiệp.
- **Lòng dân sẵn sàng:**
 - Nhân dân cả nước đã được giác ngộ cách mạng thông qua các phong trào cứu đói, đấu tranh chống phát xít, và tuyên truyền của Việt Minh.
 - Quần chúng nhân dân phấn khởi và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Việt Minh.

Chỉ đạo kịp thời và đúng đắn của Đảng

- **Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945) tại Tân Trào:**
 - Quyết định phát động Tống khôi nghĩa trên phạm vi cả nước.
 - Xác định thời cơ đã chín muồi, khẳng định: "*Dù hy sinh bao nhiêu cũng phải giành được độc lập hoàn toàn*".
- **Đại hội Quốc dân (16/8/1945):**
 - Đồng lòng ủng hộ Tống khôi nghĩa, bầu Ủy ban Giải phóng Dân tộc Việt Nam, tạo tính chính danh cho cách mạng.
- **Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh (16/8/1945):**
 - "Giờ quyết định vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta."

Kết quả của quyết định đúng thời cơ

- Chỉ trong vòng 15 ngày (14-28/8/1945), Tống khởi nghĩa thành công trên cả nước:
 - Ngày 19/8, giành chính quyền tại Hà Nội.
 - Ngày 23/8, giành chính quyền tại Huế.
 - Ngày 25/8, giành chính quyền tại Sài Gòn.
 - Ngày 2/9/1945, Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
-

3. Ý nghĩa của quyết định phát động Tống khởi nghĩa

Về chính trị

- Thể hiện sự nhạy bén và bản lĩnh chính trị của Đảng trong việc nắm bắt thời cơ.
- Đảng đã lãnh đạo cách mạng giành thắng lợi nhanh chóng, hạn chế tối đa tổn thất về người và của.

Về lịch sử dân tộc

- Kết thúc hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.
- Tạo tiền đề cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong các giai đoạn sau.

Về bài học lãnh đạo cách mạng

- Bài học về nghệ thuật chớp thời cơ, tập hợp lực lượng và phát động quần chúng.
- Khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc.

15. Anh/Chi hãy chứng minh: tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình và tính dân chủ được thể hiện trong cách mạng tháng Tám năm 1945.

Cách mạng Tháng Tám 1945 không chỉ là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tiêu biểu mà còn chứa đựng những yếu tố cách mạng dân chủ sâu sắc, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam.

1. Tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình

Mục tiêu trọng tâm là giành độc lập dân tộc

- Cách mạng Tháng Tám nhằm giải quyết mâu thuẫn cơ bản nhất lúc bấy giờ: **mâu thuẫn dân tộc** giữa nhân dân Việt Nam và thực dân Pháp - phát xít Nhật.
- Khẩu hiệu nổi bật: “*Độc lập dân tộc*”.
- Kết quả:
 - Lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật.
 - Xóa bỏ chính quyền tay sai phong kiến Bảo Đại, lập nên **nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa** vào ngày 2/9/1945.

Quy mô và sự lãnh đạo mang tính dân tộc toàn diện

- **Quy mô toàn quốc:** Cuộc khởi nghĩa diễn ra ở mọi miền đất nước, từ đô thị lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn đến các vùng nông thôn xa xôi.
- **Lực lượng tham gia:**
 - Toàn dân, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, vùng miền.
 - Việt Minh trở thành tổ chức cách mạng trung tâm, tập hợp sức mạnh dân tộc.

Tính chất điển hình trong lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc

- Cách mạng Tháng Tám là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua tổ chức của Đảng Cộng sản.
- Khẳng định tính chất điển hình cho phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa trên thế giới:
 - Kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.
 - Đánh dấu thắng lợi của tư tưởng độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội.

2. Tính dân chủ của Cách mạng Tháng Tám 1945

Giải quyết mâu thuẫn giai cấp trong xã hội

- Bên cạnh việc xóa bỏ ách thống trị thực dân, cách mạng Tháng Tám còn xóa bỏ chế độ phong kiến kéo dài hàng ngàn năm.
- Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, mở ra một xã hội mới với nền tảng dân chủ nhân dân:
 - Chính quyền cách mạng là chính quyền của nhân dân lao động.
 - Quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động được khẳng định, như quyền bầu cử, ứng cử, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí.

Thể hiện quyền làm chủ của quần chúng nhân dân

- **Vai trò quần chúng trong cách mạng:**
 - Quần chúng là lực lượng nòng cốt trong Tông khởi nghĩa, từ công nhân, nông dân đến trí thức, thanh niên và phụ nữ.
 - Cách mạng thành công nhờ vào sự đồng lòng, nhất trí của toàn dân.
- **Tổ chức chính quyền dân chủ:**
 - Ủy ban dân tộc giải phóng được thành lập ở các địa phương do nhân dân bầu ra.
 - Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được tuyên bố là chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Tính chất cách mạng dân chủ nhân dân

- Dù chưa thực hiện triệt để cách mạng dân chủ (xóa bỏ toàn bộ tàn dư phong kiến), nhưng cách mạng Tháng Tám đã tạo tiền đề để thực hiện các cải cách xã hội sâu rộng sau này:
 - Cải cách ruộng đất, chia lại ruộng đất cho nông dân.
 - Xóa bỏ các tàn dư bất công của xã hội phong kiến.

3. Ý nghĩa lịch sử của tính cách mạng giải phóng dân tộc và dân chủ

Đối với dân tộc Việt Nam

- Mở ra kỷ nguyên mới: **kỷ nguyên độc lập, tự do** gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- Đặt nền móng cho sự phát triển của cách mạng dân chủ nhân dân, tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Đánh dấu sự sụp đổ của chế độ thuộc địa nửa phong kiến, xác lập một chính quyền dân chủ nhân dân.

Đối với thế giới

- Cách mạng Tháng Tám trở thành nguồn cỗ vũ mạnh mẽ cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.
- Khẳng định một mô hình cách mạng thành công, kết hợp giải phóng dân tộc với xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân.

CHƯƠNG 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

1. Anh/Chị hãy phân tích tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 và chủ trương, sách lược của Đảng giải quyết tình thế khó khăn trên.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn vô cùng khó khăn, thử thách. Tình thế lúc bấy giờ được ví như “ngàn cân treo sợi tóc” do những áp lực và nguy cơ

lớn từ cả bên trong lẫn bên ngoài. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam đã vượt qua thử thách, giữ vững độc lập và xây dựng chính quyền cách mạng.

1. Tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” sau Cách mạng Tháng Tám 1945

1.1. Khó khăn về chính trị

- **Chính quyền cách mạng non trẻ:**
 - Chính quyền cách mạng mới thành lập, chưa có kinh nghiệm quản lý và tổ chức, chưa được quốc tế công nhận.
 - Lực lượng ủng hộ cách mạng còn phân tán và thiếu tổ chức vững chắc.
- **Kẻ thù bao vây tứ phía:**
 - Từ phía Bắc: Quân Tưởng Giới Thạch theo chân quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, âm mưu hỗ trợ các lực lượng phản động (Việt Quốc, Việt Cách) để lật đổ chính quyền cách mạng.
 - Từ phía Nam: Quân Anh kéo theo quân Pháp trở lại Đông Dương, với ý đồ tái thiết lập chế độ thực dân.
 - Quân Nhật tuy đã đầu hàng nhưng vẫn chiếm giữ một số vị trí quan trọng, tạo thêm áp lực cho chính quyền cách mạng.

1.2. Khó khăn về kinh tế - xã hội

- **Hậu quả chiến tranh và nạn đói:**
 - Nền kinh tế bị kiệt quệ sau nhiều năm chiến tranh.
 - Nạn đói đầu năm 1945 vẫn để lại hậu quả nặng nề, khiến hàng triệu người thiêu ăn.
- **Nạn lạm phát và khủng hoảng tài chính:**
 - Đồng tiền Đông Dương mất giá trầm trọng.
 - Chính quyền cách mạng thiếu ngân sách để duy trì hoạt động.

1.3. Khó khăn về xã hội và văn hóa

- **Trình độ dân trí thấp:**
 - Hơn 90% dân số mù chữ, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng và phát triển đất nước.
- **Tàn dư phong kiến và thực dân:**
 - Các thế lực phản động trong nước vẫn âm mưu chống phá cách mạng, đặc biệt là các tổ chức tay sai như Việt Quốc, Việt Cách.

2. Chủ trương, sách lược của Đảng để giải quyết tình thế khó khăn

Trước tình thế nguy nan, Đảng Cộng sản Đông Dương đã đề ra những chủ trương và sách lược kịp thời, sáng suốt để củng cố chính quyền cách mạng và giữ vững độc lập dân tộc.

2.1. Củng cố chính quyền cách mạng

- **Thành lập Chính phủ lâm thời:**
 - Tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2/9/1945), khẳng định nền độc lập của dân tộc và quyền tự quyết của nhân dân.
 - Tổ chức Tổng tuyển cử (6/1/1946) bầu ra Quốc hội, thiết lập một chính quyền hợp pháp và chính danh.
- **Xây dựng lực lượng vũ trang:**
 - Thành lập Quân đội Quốc gia Việt Nam để bảo vệ chính quyền cách mạng.
 - Đẩy mạnh phong trào dân quân tự vệ ở các địa phương, sẵn sàng ứng phó với nguy cơ quân sự.

2.2. Sách lược đối ngoại khôn khéo

- **Hòa hoãn với Tưởng Giới Thạch:**
 - Ký hiệp định với Tưởng, nhượng bộ một số quyền lợi nhỏ như cho Việt Quốc, Việt Cách tham gia chính phủ để tạm thời tránh xung đột lớn.
 - Tận dụng thời gian để tập trung lực lượng đánh Pháp ở miền Nam.
- **Nhượng bộ tạm thời với Pháp:**
 - Ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946, chấp nhận sự hiện diện của 15.000 quân Pháp ở miền Bắc để thay thế quân Tưởng.
 - Thông qua đàm phán, kéo dài thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

2.3. Giải quyết các khó khăn kinh tế - xã hội

- **Chống đói:**
 - Phát động phong trào “Nhường cơm sẻ áo”, “Hũ gạo cứu đói”.
 - Tổ chức khai hoang, tăng gia sản xuất để đảm bảo nguồn lương thực.
- **Chống giặc đốt:**
 - Mở các lớp học bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ trên phạm vi cả nước.
 - Khẩu hiệu: “Mỗi người biết chữ dạy một người chưa biết chữ”.
- **Khắc phục khủng hoảng tài chính:**
 - Phát động phong trào quyên góp vàng, tài sản để xây dựng ngân khố quốc gia.
 - Phát hành đồng tiền Việt Nam để thay thế đồng tiền Đông Dương của thực dân.

2.4. Tăng cường đoàn kết toàn dân

- **Thành lập Mặt trận Liên Việt:**
 - Tập hợp tất cả các lực lượng yêu nước và tiến bộ, không phân biệt đảng phái, giai cấp.
 - Đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, tạo sức mạnh tổng hợp để bảo vệ chính quyền.
- **Đẩy mạnh tuyên truyền:**
 - Nâng cao nhận thức của nhân dân về quyền làm chủ và nghĩa vụ bảo vệ độc lập dân tộc.
 - Kêu gọi tinh thần yêu nước, đoàn kết chống thù trong giặc ngoài.

3. Ý nghĩa của chủ trương, sách lược

- **Về chính trị:**

- Củng cố chính quyền cách mạng non trẻ, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- **Về đối ngoại:**

- Tận dụng mâu thuẫn giữa các thế lực thù địch, từng bước loại bỏ nguy cơ từ quân Tưởng và quân Pháp.

- **Về kinh tế - xã hội:**

- Giải quyết các vấn đề cấp bách, ổn định đời sống nhân dân và khôi phục sản xuất.

- **Về lịch sử dân tộc:**

- Thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và sự lãnh đạo tài tình của Đảng trong việc xử lý tình thế hiểm nghèo, đưa cách mạng vượt qua thử thách.

2. Theo anh/chị, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam cần phát huy bài học kinh nghiệm gì từ sách lược ngoại giao của Đảng thời kỳ 1945-1946?

Trong giai đoạn 1945-1946, trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc," Đảng ta đã thực hiện những sách lược ngoại giao khôn khéo, linh hoạt để bảo vệ nền độc lập non trẻ. Những bài học quý giá từ thời kỳ này vẫn còn nguyên giá trị, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam hiện nay khi đang hội nhập quốc tế sâu rộng và đối mặt với nhiều thách thức mới.

1. Bài học kinh nghiệm từ sách lược ngoại giao thời kỳ 1945-1946

1.1. Linh hoạt và mềm dẻo, không nhượng bộ về nguyên tắc

- **Thời kỳ 1945-1946:**

- Đảng đã khéo léo ký kết **Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946)** và **Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946)**, tạm thời nhượng bộ một số lợi ích nhỏ để bảo vệ nền độc lập và kéo dài thời gian chuẩn bị lực lượng.
- Tận dụng mâu thuẫn giữa các thế lực lớn (quân Tưởng, Pháp, Nhật) để bảo vệ chính quyền cách mạng.

- **Bài học cho hiện tại:**

- Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, Việt Nam cần giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế, đồng thời vận dụng sự linh hoạt để duy trì cân bằng quyền lực và lợi ích quốc gia.

1.2. Tận dụng mâu thuẫn giữa các đối thủ để bảo vệ lợi ích dân tộc

- **Thời kỳ 1945-1946:**
 - Đảng đã khai thác mâu thuẫn giữa Pháp và quân Tưởng để từng bước loại bỏ cả hai thế lực khỏi Việt Nam.
- **Bài học cho hiện tại:**
 - Việt Nam cần tận dụng sự cạnh tranh giữa các nước lớn (như Mỹ, Trung Quốc, EU) để tìm kiếm cơ hội phát triển kinh tế, công nghệ và củng cố vị thế trên trường quốc tế.

1.3. Đè cao chính nghĩa, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế

- **Thời kỳ 1945-1946:**
 - Việt Nam đã sử dụng các hoạt động ngoại giao chính nghĩa để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ và dư luận quốc tế, đồng thời khẳng định lập trường hòa bình, độc lập của dân tộc.
- **Bài học cho hiện tại:**
 - Việt Nam cần tiếp tục khẳng định vị trí là một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế thông qua việc tham gia các tổ chức quốc tế (ASEAN, Liên Hợp Quốc, WTO) và đóng góp vào các vấn đề toàn cầu như hòa bình, biến đổi khí hậu.

1.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- **Thời kỳ 1945-1946:**
 - Đảng đã khai thác triệt để tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết của dân tộc, kết hợp với những yếu tố quốc tế thuận lợi để bảo vệ độc lập.
- **Bài học cho hiện tại:**
 - Việt Nam cần phát huy nội lực kinh tế, khoa học công nghệ và nhân tài, kết hợp với việc hội nhập quốc tế để tạo ra sức mạnh tổng hợp, nâng cao vị thế quốc gia.

2. Ý nghĩa của bài học trong giai đoạn hiện nay

2.1. Ứng phó với các thách thức khu vực và toàn cầu

- Tranh chấp trên Biển Đông, biến đổi khí hậu, và cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc đặt ra yêu cầu phải linh hoạt trong ngoại giao để bảo vệ lợi ích quốc gia.

2.2. Giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế

- Bài học về việc không nhượng bộ các nguyên tắc cốt lõi giúp Việt Nam bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời tận dụng tối đa các cơ hội kinh tế, văn hóa trong hội nhập toàn cầu.

2.3. Xây dựng hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế

- Tinh thần ngoại giao chính nghĩa từ năm 1945-1946 là cơ sở để Việt Nam khẳng định vai trò là một quốc gia yêu chuộng hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế và cam kết phát triển bền vững.

2.4. Kết hợp ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa

- Trong bối cảnh hiện nay, bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm mạnh tinh thần quan trọng của việc sử dụng ngoại giao để thu hút đầu tư, hợp tác công nghệ và quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

3. Anh/Chi hãy phân tích nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) để làm rõ đây là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (hợp tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951) diễn ra trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước vào giai đoạn quyết định. Đại hội đã đánh dấu bước phát triển vượt bậc về tư tưởng, tổ chức và đường lối cách mạng, tạo tiền đề quan trọng để Đảng lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến và xây dựng đất nước.

1. Hoàn cảnh lịch sử của Đại hội

1.1. Tình hình quốc tế

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển với Liên Xô là trụ cột chính, phong trào cách mạng thế giới đạt nhiều thành tựu.
- Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai phe tư bản và xã hội chủ nghĩa ngày càng căng thẳng.

1.2. Tình hình trong nước

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang bước vào giai đoạn cam go: Quân và dân ta đạt nhiều thắng lợi, nhưng thực dân Pháp vẫn chiếm giữ nhiều vùng đất và được Mỹ viện trợ mạnh mẽ.
 - Về tổ chức, Đảng Cộng sản Đông Dương hoạt động bí mật từ năm 1930; đến lúc này, yêu cầu đặt ra là phải công khai hóa sự lãnh đạo để tập hợp quần chúng và phát triển lực lượng cách mạng.
-

2. Nội dung cơ bản của Đại hội

2.1. Về chính trị: Khẳng định đường lối cách mạng dân tộc và dân chủ

- Đại hội xác định: “**Cách mạng Việt Nam trước mắt là cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân nhằm đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập và thống nhất đất nước.**”
- Nhấn mạnh sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất trong việc đoàn kết mọi lực lượng yêu nước.
- Đề ra nhiệm vụ cơ bản: **Tiến hành kháng chiến toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mạnh của toàn dân.**

2.2. Về tổ chức: Đổi tên Đảng, khẳng định vai trò lãnh đạo

- Đảng quyết định công khai hoạt động dưới tên mới là **Đảng Lao động Việt Nam**.
 - Tên gọi này phù hợp với tình hình thực tiễn, tập hợp rộng rãi lực lượng lao động, đồng thời khẳng định Đảng là tổ chức của giai cấp công nhân, nông dân và trí thức.

- Thành lập **Đảng bộ riêng cho Lào và Campuchia**, giúp các dân tộc này xây dựng tổ chức lãnh đạo cách mạng của riêng mình, phù hợp với điều kiện đặc thù từng nước.

2.3. Về kinh tế và xã hội: Đề ra phương hướng xây dựng nền tảng kháng chiến

- Tiếp tục thực hiện **kháng chiến toàn dân**, phát động phong trào tăng gia sản xuất, tự lực cánh sinh để phục vụ kháng chiến.
- Chú trọng xây dựng căn cứ địa cách mạng, nhất là ở vùng Việt Bắc, làm hậu phương vững chắc cho cuộc chiến đấu.

2.4. Về công tác tư tưởng: Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng

- Đại hội nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị và tư tưởng trong việc củng cố niềm tin và ý chí chiến đấu của quần chúng nhân dân.
- Tăng cường phổ biến tư tưởng Mác-Lênin và đường lối cách mạng của Đảng đến mọi tầng lớp nhân dân.

2.5. Bầu cử và nhân sự lãnh đạo

- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gồm các đồng chí tiêu biểu của cách mạng Việt Nam.
- **Hồ Chí Minh** được bầu làm Chủ tịch Đảng, tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo cao nhất trong sự nghiệp cách mạng.

3. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội lần thứ II

3.1. Về tư tưởng và đường lối cách mạng

- Khẳng định đường lối cách mạng dân tộc và dân chủ nhân dân là phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo cơ sở để phát huy sức mạnh toàn dân trong kháng chiến.
- Công khai hóa tên Đảng là bước tiến về nhận thức chính trị, giúp Đảng mở rộng cơ sở quần chúng và khẳng định vai trò lãnh đạo trong kháng chiến.

3.2. Về tổ chức

- Củng cố bộ máy lãnh đạo, kiện toàn tổ chức Đảng, từ Trung ương đến cơ sở.
- Phân tách Đảng bộ ở Lào và Campuchia, phù hợp với đặc điểm từng nước, góp phần mở rộng và phát triển phong trào cách mạng Đông Dương.

3.3. Về lãnh đạo kháng chiến

- Đại hội đề ra đường lối kháng chiến toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mạnh toàn dân, phù hợp với điều kiện thực tiễn và giúp nhân dân Việt Nam tiến tới những thắng lợi quan trọng, đặc biệt là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

4. Bước tiến mới của Đảng về mọi mặt

- **Về chính trị:** Đường lối cách mạng rõ ràng, tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân.

- **Về tổ chức:** Công khai hóa tổ chức, đổi tên Đảng để phù hợp với nhiệm vụ lịch sử.
- **Về kinh tế - xã hội:** Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, củng cố hậu phương kháng chiến.
- **Về tư tưởng:** Tăng cường giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

4. Anh/Chi hãy phân tích những thuận lợi, khó khăn của tình hình quốc tế và trong nước sau ngày ký Hiệp định Giơnevơ năm (7-1954). Tình hình trên đặt ra yêu cầu bức thiết gì?

Hiệp định Giơnevơ được ký kết vào ngày 21/7/1954, chấm dứt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Đông Dương. Tuy nhiên, tình hình sau Hiệp định đặt ra nhiều cơ hội và thách thức mới, đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải có những chủ trương và hành động phù hợp.

1. Tình hình quốc tế sau Hiệp định Giơnevơ

1.1. Thuận lợi

- **Hệ thống xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ:** Liên Xô và Trung Quốc tiếp tục hỗ trợ tích cực cho phong trào cách mạng ở Việt Nam và các nước Đông Dương.
- **Phong trào giải phóng dân tộc lan rộng:** Các quốc gia thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đấu tranh mạnh mẽ, tạo động lực và sự đoàn kết quốc tế cho Việt Nam.
- **Môi trường quốc tế hòa dịu hơn:** Hiệp định Giơnevơ phản ánh xu hướng giải quyết xung đột bằng con đường hòa bình, mở ra cơ hội ổn định cho Việt Nam và Đông Dương.

1.2. Khó khăn

- **Căng thẳng trong chiến tranh lạnh:** Mỹ gia tăng chiến lược ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản, can thiệp vào Đông Dương và thay thế vai trò của Pháp tại miền Nam Việt Nam.
- **Phân hóa trong phong trào cách mạng:** Mâu thuẫn giữa các quốc gia trong hệ thống xã hội chủ nghĩa bắt đầu xuất hiện, ảnh hưởng đến sự đoàn kết quốc tế.
- **Sự can thiệp của Mỹ:** Mỹ không tham gia ký kết Hiệp định Giơnevơ và tuyên bố tiếp tục viện trợ, bảo trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam.

2. Tình hình trong nước sau Hiệp định Giơnevơ

2.1. Thuận lợi

- **Thắng lợi trong kháng chiến chống Pháp:** Hiệp định Giơnevơ là kết quả của cuộc đấu tranh anh dũng của dân tộc, khẳng định vị thế của cách mạng Việt Nam trên trường quốc tế.
- **Miền Bắc được giải phóng:** Miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc, tạo điều kiện để xây dựng xã hội chủ nghĩa và làm cơ sở cho công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.
- **Lòng dân vững mạnh:** Tinh thần yêu nước và niềm tin vào Đảng, Bác Hồ là động lực to lớn để vượt qua khó khăn, thách thức.

2.2. Khó khăn

- **Đất nước bị chia cắt:** Miền Nam do chính quyền Ngô Đình Diệm kiểm soát, với sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Mỹ, gây trở ngại lớn cho việc thống nhất đất nước.
- **Tàn dư của chiến tranh:** Hậu quả của cuộc chiến kéo dài khiến kinh tế kiệt quệ, cơ sở hạ tầng bị tàn phá, đời sống nhân dân khó khăn.
- **Sự phá hoại của địch:** Mỹ và chính quyền miền Nam tiến hành nhiều hoạt động phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đàn áp các lực lượng yêu nước tại miền Nam.

3. Yêu cầu bức thiết đặt ra cho cách mạng Việt Nam

3.1. Giữ vững hòa bình và ổn định

- Thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ, tranh thủ hòa bình để củng cố lực lượng và xây dựng miền Bắc vững mạnh.

- Đối phó với các âm mưu phá hoại của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, tránh để xảy ra xung đột lớn trong thời gian trước mắt.

3.2. Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa

- Miền Bắc được xác định là hậu phương lớn cho cách mạng cả nước, cần tập trung xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội để trở thành mô hình mẫu mực cho cả nước.
- Phát động phong trào cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

3.3. Đầu tranh thống nhất đất nước

- Kiên trì đấu tranh chính trị, yêu cầu tổ chức tổng tuyển cử theo quy định của Hiệp định Ginevo để thống nhất đất nước.
- Chuẩn bị lực lượng lâu dài để đối phó với các âm mưu xâm lược và thống trị của Mỹ tại miền Nam.

3.4. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc

- Kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân cả nước, đặc biệt là các tầng lớp nhân dân miền Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất dân tộc.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa miền Bắc và miền Nam, đảm bảo sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân.

3.5. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế

- Tiếp tục củng cố quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc.
- Tăng cường công tác ngoại giao để vận động sự ủng hộ của các lực lượng tiên bộ trên thế giới.

5. Anh/Chi hãy làm sáng tỏ quá trình Đảng lãnh đạo chuyển hướng cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 – 1960).

Sau Hiệp định Ginevo năm 1954, tình hình cách mạng Việt Nam đổi mới với nhiều khó khăn, đặc biệt là ở miền Nam. Chính quyền Ngô Đình Diệm với sự hậu thuẫn của Mỹ đã tiến hành các biện pháp khủng bố, đàn áp cách mạng, cản trở việc thực hiện Hiệp định. Trong bối cảnh đó, Đảng đã lãnh đạo cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đặt nền tảng cho phong trào cách mạng trong những năm tiếp theo.

1. Hoàn cảnh lịch sử và yêu cầu đặt ra

1.1. Tình hình miền Nam

- Chính quyền Ngô Đình Diệm phá hoại Hiệp định Ginevo:**
 - Không tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo quy định của Hiệp định.
 - Tuyên bố thành lập “**Cộng hòa Việt Nam**” (1955), áp đặt chế độ độc tài đinh trị.
- Mỹ can thiệp sâu vào miền Nam:** Thay thế vai trò của Pháp, viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Ngô Đình Diệm, biến miền Nam thành tiền đồn chống cộng sản ở Đông Nam Á.
- Chính sách khủng bố, đàn áp cách mạng:** Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách “tố cộng”, “diệt cộng” trên diện rộng, đàn áp dã man các lực lượng yêu nước và cách mạng.

1.2. Tình hình miền Bắc

- Miền Bắc được giải phóng, bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương lớn của cách mạng cả nước.

- Miền Bắc luôn hướng về miền Nam, hỗ trợ phong trào cách mạng chống lại sự thống trị của Mỹ - Diệm.

1.3. Yêu cầu cách mạng

- Bảo vệ lực lượng cách mạng ở miền Nam trước chính sách khủng bố, đàn áp của Mỹ - Diệm.
 - Tìm phương hướng đấu tranh phù hợp, từng bước chuyển từ thế phòng thủ sang thế tiến công, tạo điều kiện cho cách mạng miền Nam phát triển.
-

2. Quá trình chuyển hướng cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công

2.1. Giai đoạn giữ gìn lực lượng (1954 – 1959)

- **Chủ trương của Đảng:**
 - Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (7/1954) xác định miền Bắc là hậu phương vững chắc, nhiệm vụ của miền Nam là đấu tranh chính trị, giữ gìn lực lượng, tránh xung đột trực diện với Mỹ - Diệm.
 - Tập trung vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng bí mật.
- **Hoạt động cách mạng tại miền Nam:**
 - Phong trào hòa bình và đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ diễn ra sôi nổi ở các đô thị như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.
 - Các phong trào đấu tranh của nông dân, công nhân, trí thức yêu nước đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ được duy trì.
 - Lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề do chính sách đàn áp tàn bạo của Mỹ - Diệm.

2.2. Giai đoạn chuyển sang thế tiến công (1959 – 1960)

- **Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (1/1959):**
 - Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 đã đề ra đường lối cách mạng mới ở miền Nam: **Cho phép sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.**
 - Khẳng định đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị là con đường duy nhất để giành thắng lợi.
- **Phong trào cách mạng ở miền Nam phát triển mạnh mẽ:**
 - Lực lượng vũ trang cách mạng được xây dựng và mở rộng, tiêu biểu là phong trào “Đồng Khởi” ở Bến Tre (1/1960).
 - Hình thành các vùng căn cứ cách mạng ở nhiều địa phương, làm cơ sở cho cuộc kháng chiến lâu dài.
 - Các cuộc nổi dậy của nông dân ở nông thôn chống chính sách dồn dân lập áp chiến lược của Mỹ - Diệm diễn ra rộng khắp.

- **Thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (12/1960):**
 - Đây là tổ chức chính trị - quân sự tập hợp mọi tầng lớp nhân dân miền Nam, nhằm lãnh đạo cách mạng và đấu tranh chống lại chế độ Mỹ - Diệm.
-

3. Ý nghĩa của quá trình chuyển hướng cách mạng miền Nam

3.1. Về tư tưởng và đường lối

- Đánh dấu sự thay đổi chiến lược quan trọng, chuyển từ đấu tranh chính trị thuần túy sang kết hợp chính trị và vũ trang, đáp ứng đúng yêu cầu thực tiễn cách mạng miền Nam.
- Khẳng định bạo lực cách mạng là con đường duy nhất để đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam.

3.2. Về tổ chức lực lượng

- Hệ thống cơ sở cách mạng được củng cố và mở rộng, lực lượng vũ trang từng bước hình thành, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài.
- Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời, trở thành tổ chức lãnh đạo cách mạng miền Nam, tập hợp đông đảo lực lượng yêu nước.

3.3. Về phong trào cách mạng

- Phong trào Đồng Khởi năm 1960 là bước ngoặt quan trọng, đánh dấu sự chuyển biến từ thế phòng thủ sang thế tiến công trên toàn miền Nam.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng miền Nam bước vào giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

6. Anh/Chi hãy phân tích nội dung Đại hội III (tháng 9-1960) để làm sáng tỏ đây là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III được tổ chức từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960 tại Hà Nội. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đặt ra đường lối chiến lược vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

1. Hoàn cảnh lịch sử của Đại hội III

1.1. Tình hình trong nước

- **Miền Bắc:**
 - Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), miền Bắc được giải phóng, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh. Việc cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế đã đạt được một số kết quả quan trọng, song vẫn cần định hướng và kế hoạch dài hạn.
- **Miền Nam:**
 - Chính quyền Ngô Đình Diệm với sự hậu thuẫn của Mỹ thực hiện chính sách đàn áp tàn bạo cách mạng, phá hoại Hiệp định Geneva.
 - Phong trào cách mạng ở miền Nam phát triển mạnh, đặc biệt sau Nghị quyết 15 (1959) và phong trào Đồng Khởi (1960), đánh dấu bước chuyển sang thế tiến công.

1.2. Tình hình quốc tế

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh, đặc biệt là sự hỗ trợ từ Liên Xô, Trung Quốc đối với phong trào cách mạng Việt Nam.
 - Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh phát triển mạnh mẽ, tạo môi trường thuận lợi cho cách mạng Việt Nam.
 - Chiến tranh lạnh giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa tiếp tục căng thẳng, trong đó Mỹ gia tăng can thiệp vào Đông Dương.
-

2. Nội dung chính của Đại hội III

2.1. Xác định hai nhiệm vụ chiến lược

Đại hội xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

- **Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.**
- **Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.**

Hai nhiệm vụ này có mối quan hệ mật thiết, trong đó miền Bắc giữ vai trò là hậu phương vững chắc cho sự nghiệp cách mạng miền Nam.

2.2. Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

- **Về kinh tế:**
 - Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh.
 - Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển công nghiệp nhẹ và nông nghiệp.
 - Khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.
- **Về văn hóa - xã hội:**
 - Xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.
 - Phát triển giáo dục, nâng cao trình độ dân trí, đào tạo cán bộ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
 - Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- **Về quốc phòng:**

- Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

2.3. Đường lối đấu tranh giải phóng miền Nam

- **Phương châm:**

- Tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- Động viên toàn dân miền Nam đứng lên chống Mỹ - Diệm, xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng.

- **Thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam (20/12/1960):**

- Mặt trận là tổ chức lãnh đạo, tập hợp các lực lượng yêu nước chống lại chế độ Mỹ - Diệm.

2.4. Công tác xây dựng Đảng

- Đại hội khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, đề cao nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn mới.
 - Thông qua Điều lệ Đảng sửa đổi, bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất.
-

3. Ý nghĩa của Đại hội III

3.1. Về lý luận và chiến lược

- Đại hội xác định rõ con đường cách mạng Việt Nam, phù hợp với tình hình thực tế: vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh giải phóng miền Nam.
- Đặt cơ sở cho sự phối hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược, khẳng định vai trò của miền Bắc là hậu phương lớn của cách mạng cả nước.

3.2. Về thực tiễn

- Định hướng cụ thể cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.
- Đưa phong trào cách mạng miền Nam sang giai đoạn mới, tạo tiền đề cho những thắng lợi lớn sau này, đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

3.3. Về tổ chức và lãnh đạo

- Củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong cả hai miền Nam - Bắc.
- Thành lập các tổ chức chính trị phù hợp với từng nhiệm vụ cụ thể, đặc biệt là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam.

7. Anh/Chi hãy phân tích nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) và rút ra ý nghĩa lịch sử.

Trong bối cảnh Mỹ tăng cường can thiệp vào chiến tranh Việt Nam, đặc biệt là sau khi đưa quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam (1965), Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp và bàn thảo chiến lược kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hội nghị lần thứ 11 và 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 1965 là những sự kiện quan trọng, đưa ra những quyết sách chiến lược quyết định cho cuộc kháng chiến.

1. Hội nghị lần thứ 11 (3/1965): Đánh giá tình hình và phương hướng chiến lược mới

1.1. Tình hình trong nước và quốc tế

• Tình hình trong nước:

- Chính quyền Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ từ năm 1963, nhưng sự can thiệp của Mỹ trong chính trị và quân sự ngày càng gia tăng.
- Cuộc chiến tranh ở miền Nam ngày càng gay gắt, với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh vũ trang và chính trị, nhưng lực lượng cách mạng chưa đủ mạnh để đánh bại quân đội Mỹ.

• Tình hình quốc tế:

- Mỹ đã can thiệp mạnh mẽ vào Việt Nam, bắt đầu đưa quân vào miền Nam từ năm 1965, mở ra giai đoạn chiến tranh quy mô lớn.
- Mặc dù Liên Xô và Trung Quốc ủng hộ Việt Nam, nhưng sự can thiệp của Mỹ đã đặt ra một thử thách lớn cho cách mạng Việt Nam.

1.2. Nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ

• Xác định kẻ thù chính:

Hội nghị xác định rằng Mỹ là kẻ xâm lược chính, là đối tượng chủ yếu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

- **Đấu tranh bền bỉ, lâu dài:** Hội nghị khẳng định rằng cuộc chiến tranh chống Mỹ sẽ kéo dài, yêu cầu phải tổ chức lực lượng, chuẩn bị một cuộc chiến tranh nhân dân, phối hợp đấu tranh vũ trang và chính trị.

• Tổ chức kháng chiến:

- Tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, mở rộng chiến tranh nhân dân toàn diện.
- Phối hợp giữa quân đội nhân dân, lực lượng vũ trang của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, các chiến khu, căn cứ địa cách mạng.

- **Giải pháp quân sự:**

Đẩy mạnh các cuộc tấn công vũ trang vào các mục tiêu quan trọng của kẻ địch, tấn công cả vào các căn cứ quân sự của Mỹ, tạo áp lực chiến lược mạnh mẽ.

- **Giải pháp chính trị:**

Tăng cường đấu tranh chính trị, khôi phục và phát triển Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, xây dựng khối đoàn kết rộng rãi trong dân chúng.

1.3. Ý nghĩa và kết quả của Hội nghị 11

- Hội nghị lần thứ 11 đánh dấu sự chuyển hướng chiến lược quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Quyết định kháng chiến bền bỉ, lâu dài, đặt nền tảng cho sự chuẩn bị và bước vào giai đoạn kháng chiến chống Mỹ một cách toàn diện, với sự kết hợp giữa lực lượng quân sự và chính trị.

2. Hội nghị lần thứ 12 (12/1965): Xác định bước đi chiến lược và phát động cuộc kháng chiến toàn diện

2.1. Tình hình chiến trường và chính trị

- **Tình hình chiến trường:**

- Quân đội Mỹ đã mở rộng can thiệp vào miền Nam, điều quân và thiết lập các căn cứ quân sự lớn. Lực lượng cách mạng miền Nam đã gia tăng hoạt động, đặc biệt là qua các trận đánh quy mô lớn.

- **Tình hình chính trị:**

- Mỹ không chỉ can thiệp quân sự mà còn can thiệp vào chính trị, xây dựng chính quyền tay sai ở miền Nam. Trong bối cảnh đó, cách mạng Việt Nam đã tạo ra những bước phát triển mới trong chiến tranh nhân dân và chiến tranh chính trị.

2.2. Nội dung đường lối tại Hội nghị 12

- **Chiến tranh nhân dân và chiến tranh toàn dân:**

- Đảng khẳng định phương châm chiến tranh nhân dân, với mục tiêu huy động mọi lực lượng trong xã hội tham gia vào cuộc đấu tranh chống Mỹ.
- Tăng cường sự kết hợp chặt chẽ giữa chiến tranh du kích ở miền Nam và chiến tranh chính quy ở miền Bắc.

- **Đấu tranh chính trị:**

- Đảng tiếp tục duy trì và phát triển Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, làm hạt nhân đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, phát động các phong trào đấu tranh chính trị.

- **Chủ trương quân sự:**

- Tăng cường kháng chiến vũ trang, phát triển lực lượng quân sự, phát động các chiến dịch lớn như chiến dịch "**Đồng Khoi**" và các hoạt động quân sự quy mô lớn tại các chiến trường trọng điểm.
- **Đối phó với sự can thiệp của Mỹ:**
 - Tổ chức các trận đánh tiêu diệt sinh lực địch, tấn công vào các căn cứ quân sự, bẻ gãy các cuộc hành quân lớn của quân đội Mỹ.

2.3. Ý nghĩa của Hội nghị 12

- Hội nghị lần thứ 12 tiếp tục xác định chiến lược toàn diện cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, chuyển từ đấu tranh chính trị sang chiến tranh toàn diện. Đường lối này đã tạo ra một chiến lược kiên cường, quyết liệt và toàn diện cho cuộc chiến tranh.
-

3. Ý nghĩa lịch sử của hai Hội nghị

3.1. Về mặt chiến lược quân sự

- Đánh dấu sự chuyển đổi rõ rệt trong chiến lược kháng chiến của Đảng từ "phòng thủ" sang "tấn công". Hội nghị 11 và 12 đã xác định một chiến lược quân sự toàn diện, kết hợp cả đấu tranh vũ trang và chính trị để tiêu diệt kẻ thù, phát triển lực lượng cách mạng và tạo ra chiến tranh nhân dân.

3.2. Về mặt chính trị

- Cả hai Hội nghị đều tập trung vào cõi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam và tạo ra sự đoàn kết rộng rãi trong toàn xã hội. Đặc biệt, phong trào đấu tranh chính trị được tiếp tục phát triển song song với chiến tranh vũ trang.

3.3. Về mặt đối ngoại

- Quyết định của Đảng đã giúp Việt Nam có được sự ủng hộ mạnh mẽ từ Liên Xô, Trung Quốc, và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đồng thời cô lập Mỹ trên trường quốc tế, tạo ra một môi trường thuận lợi cho cách mạng Việt Nam.

8. Anh/Chi hãy làm sáng tỏ chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc (1965-1968). Trình bày kết quả và ý nghĩa lịch sử.

Trong giai đoạn từ 1965 đến 1968, đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược "chiến tranh phá hoại" miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu khả năng chiến đấu của miền Bắc và ngăn cản sự tiếp tế, hậu cần cho miền Nam. Để đối phó với chiến tranh phá hoại, Đảng Cộng sản Việt Nam đã triển khai các chủ trương xây dựng hậu phương vững chắc và đấu tranh kiên cường chống lại các cuộc tấn công của Mỹ.

1. Hoàn cảnh và yêu cầu đặt ra

1.1. Tình hình chiến tranh sau năm 1965

- Mỹ quyết định đưa quân vào miền Nam Việt Nam từ năm 1965 và mở rộng cuộc chiến tranh, bao gồm cả chiến tranh không quân tàn phá miền Bắc.
- Bước vào giai đoạn chiến tranh phá hoại, Mỹ đã thực hiện các cuộc oanh tạc lớn, đặc biệt là cuộc "**Chiến dịch Rolling Thunder**" (1965-1968), nhằm phá hoại cơ sở hạ tầng, giao thông, công nghiệp và các cơ sở quân sự ở miền Bắc.

1.2. Yêu cầu đặt ra cho miền Bắc

- Đề tiếp tục hỗ trợ miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, miền Bắc cần duy trì một hậu phương vững mạnh về cả vật chất và tinh thần.
 - Đôi phó với chiến tranh phá hoại đế quốc Mỹ không chỉ là bảo vệ cơ sở vật chất mà còn phải đảm bảo sự ổn định, phát triển sản xuất, giữ vững lòng dân, và cung cấp sức mạnh quân sự.
-

2. Chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương và chống chiến tranh phá hoại (1965-1968)

2.1. Xây dựng hậu phương vững chắc

- **Tổ chức sản xuất, ổn định đời sống nhân dân:**
 - Đảng chủ trương tổ chức sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ở miền Bắc sao cho không bị gián đoạn, đặc biệt trong bối cảnh chiến tranh phá hoại.
 - Nâng cao năng suất lao động, đảm bảo sản xuất lương thực và nhu yếu phẩm cho chiến trường miền Nam và đời sống của nhân dân miền Bắc.
 - Chính sách ổn định đời sống nhân dân được coi trọng, để duy trì tinh thần đoàn kết và quyết tâm chiến đấu.
- **Cải tạo và phát triển công nghiệp:**
 - Xây dựng và phát triển các nhà máy, xí nghiệp quốc doanh, đặc biệt là các nhà máy sản xuất vũ khí, đạn dược phục vụ cho quân đội.
 - Hướng dẫn và khuyến khích nhân dân tham gia vào các phong trào sản xuất tự lực cánh sinh, bảo vệ sản xuất trong tình hình chiến tranh.
- **Củng cố quốc phòng:**
 - Tăng cường xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, từ lực lượng chính quy đến dân quân tự vệ.
 - Tiến hành các công tác phòng thủ, xây dựng các hầm hào, công sự để đối phó với chiến tranh không quân của Mỹ.

2.2. Chống chiến tranh phá hoại của Mỹ

- **Chủ động đối phó với chiến tranh không quân:**

- Đảng chỉ đạo quân và dân miền Bắc tiến hành các biện pháp đối phó với các cuộc tấn công không quân của Mỹ, đặc biệt là qua việc cải tiến công sự, hầm trú ẩn, tăng cường hệ thống phòng không và bảo vệ các cơ sở quân sự, công nghiệp.
- Dự báo và thông báo kịp thời về các cuộc oanh tạc của địch để nhân dân có sự chuẩn bị ứng phó.

- **Đảm bảo giao thông và liên lạc:**

- Các tuyến giao thông, đường sắt, đường bộ và các tuyến đường thủy được tổ chức lại, sửa chữa và bảo vệ để tiếp tục cung cấp lương thực, vũ khí từ miền Bắc vào miền Nam.
- Việc bảo vệ các tuyến đường giao thông và các cơ sở hạ tầng quan trọng, như các kho hàng, xí nghiệp, và các khu vực chiến lược, là nhiệm vụ ưu tiên.

- **Tuyên truyền và vận động tinh thần nhân dân:**

- Đảng chú trọng công tác tuyên truyền, động viên nhân dân tham gia phòng chống chiến tranh phá hoại, giữ vững tinh thần đoàn kết, kiên cường trong mọi hoàn cảnh.
- Các khẩu hiệu như "Tất cả vì miền Nam ruột thịt" được phát động, tạo nên một phong trào thi đua ái quốc rộng lớn trong toàn dân.

3. Kết quả và ý nghĩa lịch sử

3.1. Kết quả đạt được

- **Tăng cường sức mạnh quốc phòng:**

- Đến cuối những năm 1960, quân đội nhân dân Việt Nam đã củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng được một hệ thống phòng không mạnh mẽ, tiêu diệt hàng nghìn máy bay Mỹ trong chiến dịch "Điện Biên Phủ trên không" (1972).
- Các cuộc tấn công không quân của Mỹ không thể làm suy yếu được sức chiến đấu của quân dân miền Bắc.

- **Đảm bảo sản xuất và hậu cần cho chiến trường miền Nam:**

- Các cơ sở sản xuất của miền Bắc duy trì được sự ổn định, cung cấp vũ khí, đạn dược cho miền Nam, đồng thời sản xuất lương thực và các nhu yếu phẩm cho chiến trường.
- Các khu vực dân cư đã tổ chức lại và duy trì đời sống, giữ vững tinh thần cho chiến tranh kéo dài.

- **Giữ vững tinh thần nhân dân:**

- Tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước của nhân dân miền Bắc không bị dao động trước chiến tranh phá hoại.
- Các phong trào thi đua sản xuất, chiến đấu chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã tạo ra sức mạnh vô cùng lớn cho toàn xã hội miền Bắc.

3.2. Ý nghĩa lịch sử

- Về mặt quân sự:**

- Đảng đã xây dựng một hậu phương vững chắc, giữ vững khả năng chiến đấu của quân đội miền Bắc và hỗ trợ đắc lực cho cuộc kháng chiến ở miền Nam.
- Sự đồi phó thành công với chiến tranh không quân của Mỹ, đặc biệt là trong các chiến dịch phòng không, đã góp phần làm thất bại chiến lược phá hoại của Mỹ.

- Về mặt chính trị:**

- Đảm bảo được sự ổn định chính trị và tâm lý của nhân dân miền Bắc trong suốt những năm chiến tranh phá hoại.
- Giữ vững niềm tin của nhân dân miền Nam vào sự giúp đỡ của miền Bắc, tạo ra một phong trào chiến tranh nhân dân mạnh mẽ trong cả nước.

- Về mặt đối ngoại:**

- Đảng Cộng sản Việt Nam nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc. Các chiến lược xây dựng hậu phương của miền Bắc đã được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, góp phần làm suy yếu vị thế của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam.

9. Anh/chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này.

Trong giai đoạn từ 1965 đến 1968, Mỹ thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam, nhằm duy trì và bảo vệ chính quyền Sài Gòn thông qua việc tăng cường quân số và sử dụng lực lượng quân sự mạnh mẽ. Đây là giai đoạn cực kỳ căng thẳng, đế quốc Mỹ quyết định đưa quân đội chính quy vào miền Nam và triển khai các chiến dịch quân sự quy mô lớn để đối phó với phong trào giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quân dân miền Nam đã kiên cường đánh bại chiến lược này.

1. Tình hình và chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968)

1.1. Chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ

- Quyết định đưa quân Mỹ vào miền Nam:**

Năm 1965, Mỹ quyết định triển khai lực lượng quân đội chính quy vào miền Nam để thay thế các lực lượng quân đội Sài Gòn, với mục tiêu giành lại quyền kiểm soát các vùng chiến lược và ngăn chặn sự mở rộng của phong trào cách mạng. Mỹ gửi quân đến, lên tới hơn 500,000 quân vào năm 1968.

- **Các chiến dịch quân sự lớn:**

Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện nhiều chiến dịch quân sự, bao gồm các cuộc hành quân quy mô lớn như “Chiến dịch Rolling Thunder” (oanh tạc miền Bắc) và các chiến dịch tấn công quy mô lớn ở miền Nam như "Chiến dịch Masher" (1966).

1.2. Mục tiêu của chiến lược

- **Phá vỡ kháng chiến của quân dân miền Nam:**

Mỹ hy vọng sẽ bằng lực lượng quân sự mạnh mẽ làm suy yếu phong trào cách mạng, phá vỡ cơ sở hạ tầng và chiến lược vũ trang của quân giải phóng miền Nam.

- **Tạo ra một chế độ ổn định ở miền Nam:**

Mỹ muốn gia tăng ảnh hưởng của chính quyền Sài Gòn thông qua việc thiết lập các vùng an toàn, bảo vệ các khu vực đô thị và quân sự quan trọng.

2. Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược của Mỹ

2.1. Chủ trương của Đảng trong kháng chiến (1965-1968)

- **Đấu tranh chính trị và quân sự toàn diện:**

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định chiến lược kháng chiến toàn diện, kết hợp giữa đấu tranh vũ trang và chính trị. Đảng lãnh đạo việc phát triển lực lượng quân đội cách mạng, củng cố căn cứ địa, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh chính trị trong các vùng giải phóng.

Đặc biệt, Đảng đã phát động các phong trào, thi đua sản xuất, chiến đấu trong toàn dân, huy động sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc.

- **Xây dựng lực lượng vũ trang và chiến tranh nhân dân:**

Đảng chỉ đạo quân giải phóng phát triển thành các lực lượng mạnh mẽ, từ các đơn vị bộ đội chủ lực đến dân quân tự vệ. Các chiến khu được củng cố, vững chắc. Chiến tranh nhân dân với phương châm "toàn dân đánh giặc" đã được triển khai rộng rãi, đảm bảo sự phối hợp giữa các lực lượng quân sự, chính trị và quần chúng.

2.2. Đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ”

- **Tấn công và làm thất bại các chiến dịch lớn của Mỹ:**

Các chiến dịch quân sự của Mỹ ở miền Nam như **Chiến dịch Masher** (1966), **Chiến dịch Rolling Thunder** (1965-1968) đã gặp phải sự kháng cự quyết liệt từ quân dân miền Nam. Mặc dù Mỹ sử dụng lực lượng quân sự rất mạnh mẽ, nhưng nhờ sự chỉ đạo linh hoạt, sáng suốt của Đảng, quân dân miền Nam đã tổ chức các cuộc phản công mạnh mẽ và hiệu quả.

- **Đặc biệt là Tết Mậu Thân 1968:**

Một trong những dấu mốc quan trọng trong việc đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” là cuộc **Tổng**

tấn công và nỗi dậy Tết Mậu Thân 1968. Quân Giải phóng đã tiến hành một loạt các cuộc tấn công vào các thành phố và căn cứ quân sự lớn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Mặc dù cuộc tấn công không đạt được thắng lợi về mặt quân sự ngay lập tức, nhưng nó đã khiến Mỹ và chính quyền Sài Gòn bị bất ngờ và tạo ra một cú sốc về tâm lý, khiến chính quyền Mỹ phải thay đổi chiến lược.

- **Tạo sức ép chính trị và quốc tế:**

Cuộc tấn công Tết Mậu Thân 1968, mặc dù bị thiệt hại nặng nề, đã chứng tỏ khả năng chiến đấu mạnh mẽ của quân giải phóng và đã gây được sự chú ý của dư luận quốc tế. Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược, giảm dần sự can thiệp quân sự trực tiếp vào miền Nam và đẩy mạnh chiến tranh bằng không quân, hải quân.

3. Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này

3.1. Những điểm mạnh trong chỉ đạo của Đảng

- **Chủ động và linh hoạt trong chiến lược:**

Đảng đã thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt khi chủ động đưa ra những quyết sách quân sự và chính trị phù hợp với tình hình chiến trường. Từ việc duy trì lực lượng vũ trang ở miền Nam, đến việc tổ chức các cuộc tấn công bất ngờ như Tết Mậu Thân, Đảng đã khéo léo điều động lực lượng của mình để tạo ra một chiến lược đa dạng, không chỉ tập trung vào chiến tranh quân sự mà còn cả chiến tranh chính trị.

- **Tăng cường sức mạnh của phong trào quần chúng:**

Đảng đã phát động các phong trào, trong đó có phong trào "tòan dân đánh giặc", không chỉ dựa vào lực lượng quân đội mà còn phát huy sức mạnh của nhân dân. Đảng chú trọng đến việc giữ vững tinh thần chiến đấu của nhân dân miền Nam, đồng thời tổ chức các hoạt động cứu trợ, động viên và củng cố hậu phương.

- **Khả năng chỉ đạo chiến lược quân sự tài tình:**

Đảng đã biết tận dụng sự yếu kém trong chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ. Bằng việc sử dụng chiến tranh du kích, tổ chức các cuộc tấn công vũ trang bất ngờ, Đảng đã làm suy yếu sức mạnh quân sự của Mỹ, buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược và giảm bớt sự can thiệp trực tiếp.

3.2. Những hạn chế trong chỉ đạo của Đảng

- **Thách thức trong tổ chức và phối hợp lực lượng:**

Mặc dù quân giải phóng đã có sự chuẩn bị tốt, nhưng các cuộc tấn công lớn như Tết Mậu Thân vẫn chưa đạt được chiến thắng quyết định. Còn có một số khó khăn trong việc phối hợp giữa các lực lượng quân sự và các mặt trận khác (chính trị, ngoại giao), đôi khi có sự thiếu hụt về hậu cần, đặc biệt trong giai đoạn Mỹ tăng cường chiến tranh phá hoại.

- **Thiệt hại về lực lượng và vật chất:**

Các cuộc tấn công lớn, dù có hiệu quả về mặt chiến lược và tâm lý, cũng gây thiệt hại lớn về người và vật chất cho quân giải phóng, đẩy chiến tranh vào giai đoạn kéo dài và khó khăn hơn.

10. Anh/Chi hấy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này.

Trong giai đoạn 1969-1975, chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ trở thành trung tâm trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Được triển khai từ sau khi Tổng thống Nixon lên nắm quyền, chiến lược này có mục tiêu chủ yếu là giảm dần sự tham gia trực tiếp của quân đội Mỹ, giao lại toàn bộ trách nhiệm chiến đấu cho quân đội Sài Gòn, trong khi Mỹ vẫn tiếp tục cung cấp viện trợ quân sự, huấn luyện và không quân. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quân dân miền Nam đã đánh bại chiến lược này, tiến tới giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc.

1. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và tình hình sau năm 1969

1.1. Nội dung chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"

- **Mục tiêu:**

Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" được Mỹ đưa ra nhằm giảm bớt sự tham gia của quân đội Mỹ và đẩy trách nhiệm chiến đấu chủ yếu lên quân đội Sài Gòn, trong khi Mỹ sẽ tiếp tục cung cấp viện trợ, huấn luyện và không quân hỗ trợ. Mỹ hy vọng bằng cách này sẽ giảm được gánh nặng cho quân đội Mỹ và tạo ra một chính quyền Sài Gòn mạnh mẽ, có khả năng tự bảo vệ đất nước.

- **Biện pháp thực hiện:**

- Mỹ tăng cường viện trợ quân sự và huấn luyện cho quân đội Sài Gòn.
- Mỹ rút dần quân đội chiến đấu, chỉ duy trì một lực lượng quân sự nhỏ ở Việt Nam, chủ yếu là không quân và hải quân.
- Sự can thiệp của quân đội Mỹ chủ yếu thông qua các cuộc oanh tạc và các hoạt động phá hoại chiến tranh của quân đội Sài Gòn.

1.2. Tình hình quân sự và chính trị trong nước sau năm 1969

- Sau cái chết của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969), Đảng tiếp tục tập trung vào việc củng cố phong trào cách mạng, đặc biệt là trong bối cảnh Mỹ rút quân và quân đội Sài Gòn được nâng cấp về số lượng và trang bị.
 - Mặc dù chiến lược "Việt Nam hóa" đã làm giảm bớt sự tham gia của quân đội Mỹ trực tiếp, nhưng quân đội Sài Gòn vẫn không đủ sức mạnh để đương đầu với quân giải phóng miền Nam. Đồng thời, Mỹ cũng bắt đầu nhận thấy sự thất bại của chiến lược này, và các cuộc tấn công mạnh mẽ của quân giải phóng miền Nam vào các thành phố lớn và chiến lược cản cứ quân sự khiến tình hình ngày càng căng thẳng.
-

2. Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"

2.1. Chủ trương của Đảng trong giai đoạn 1969-1975

- **Tiếp tục phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân:**

Đảng chủ trương phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân, kết hợp giữa lực lượng quân đội và nhân dân. Đảng đã tiếp tục phát triển các chiến lược quân sự linh hoạt, huy động mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào cuộc kháng chiến, và đặc biệt là tổ chức các cuộc tấn công vào các khu vực trọng điểm của chính quyền Sài Gòn.

- **Mở rộng các chiến dịch tấn công quân sự:**

Đảng đã chỉ đạo quân Giải phóng mở rộng các chiến dịch quân sự, đặc biệt là các cuộc tấn công vào các thành phố lớn như **Chiến dịch Tết Mậu Thân 1968**, **Chiến dịch Hồ Chí Minh** vào năm 1975. Mặc dù

Mỹ đã rút quân, nhưng chiến lược của Đảng vẫn luôn đặt mục tiêu chủ yếu là giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước.

- **Chiến lược quân sự và chính trị phù hợp:**

Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam chuyển từ thế phòng ngự sang thế tiến công, triển khai các cuộc tấn công vào các căn cứ quân sự, cơ sở hạ tầng quan trọng của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Đồng thời, Đảng tổ chức các chiến dịch ngoại giao nhằm tạo ra sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc kháng chiến, đặc biệt từ các nước xã hội chủ nghĩa và các tổ chức chống chiến tranh thế giới.

2.2. Các chiến dịch quân sự quan trọng

- **Chiến dịch “Mùa hè đỏ lửa” (1972):**

Đây là một chiến dịch quân sự lớn của quân Giải phóng miền Nam, nhằm mở rộng vùng giải phóng và gây áp lực lên chính quyền Sài Gòn. Chiến dịch này đã cho thấy sự mạnh mẽ của lực lượng cách mạng, dù phải đối mặt với sự chống trả quyết liệt từ quân đội Sài Gòn và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Mỹ.

- **Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975):**

Đây là chiến dịch quyết định cuối cùng của quân giải phóng, với mục tiêu giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước. Sau các cuộc tấn công vào các khu vực quan trọng như Đà Nẵng, Huế, quân giải phóng đã nhanh chóng tiến vào Sài Gòn, kết thúc cuộc kháng chiến và đưa đất nước bước vào kỷ nguyên thống nhất.

3. Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn 1969-1975

3.1. Những điểm mạnh trong chỉ đạo của Đảng

- **Tinh kiền cường và chiến lược linh hoạt:**

Đảng đã lãnh đạo quân dân miền Nam kiên cường trong suốt giai đoạn chiến tranh, ngay cả khi chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ được triển khai. Đảng đã đưa ra các chiến lược linh hoạt, kết hợp giữa chiến tranh quân sự và chính trị, đồng thời huy động được sự ủng hộ mạnh mẽ từ các tầng lớp nhân dân, giúp quân giải phóng duy trì được thế mạnh.

- **Tận dụng thời cơ và phát động các chiến dịch quyết định:**

Đảng đã biết tận dụng các thời cơ, nhất là sau khi Mỹ rút quân, để đẩy mạnh chiến đấu, chuyển từ thế phòng ngự sang thế tiến công. Các chiến dịch lớn như **Mùa hè đỏ lửa** (1972) và **Chiến dịch Hồ Chí Minh** (1975) đã thể hiện sự chỉ đạo sáng suốt, giúp quân giải phóng giành thắng lợi quyết định.

- **Tạo dựng sự đoàn kết dân tộc và quốc tế:**

Đảng đã duy trì sự đoàn kết dân tộc vững chắc, qua đó khơi dậy tinh thần yêu nước, quyết tâm chiến đấu của nhân dân. Đồng thời, Đảng đã tranh thủ sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và cộng đồng quốc tế, tạo được áp lực chính trị đối với Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

3.2. Những hạn chế trong chỉ đạo của Đảng

- **Khó khăn trong việc đảm bảo hậu cần và vật chất:**

Giai đoạn 1969-1975 là thời kỳ khó khăn về nguồn lực và vật chất. Việc duy trì các chiến dịch quân sự và bảo đảm hậu cần cho lực lượng chiến đấu ở miền Nam gặp nhiều khó khăn do các cuộc tấn công phá hoại từ quân đội Mỹ và sự khan hiếm nguồn lực.

- **Tổ chức chiến tranh du kích và quân sự chưa đồng đều:**

Dù có nhiều chiến thắng lớn, nhưng vẫn có những chiến dịch quân sự chưa đạt được hiệu quả tối đa, phần lớn do các vấn đề về tổ chức và điều phối giữa các lực lượng vũ trang.

11. Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng thời kỳ 1954 – 1975, Đảng ta rút ra những kinh nghiệm gì? Hãy phân tích một kinh nghiệm anh/chí tâm đắc nhất.

Trong giai đoạn từ 1954 đến 1975, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo toàn dân, toàn quân vượt qua những khó khăn, thách thức to lớn để giành được thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, và giành lại độc lập, thống nhất cho Tổ quốc. Qua quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã đúc rút nhiều kinh

nghiệm quý báu. Dưới đây là một số kinh nghiệm tiêu biểu mà Đảng ta đã rút ra từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ này.

1. Các kinh nghiệm Đảng ta rút ra trong thời kỳ 1954 – 1975

1.1. Sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự và chính trị

Một trong những bài học quan trọng mà Đảng ta rút ra là sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị. Đảng đã chỉ đạo triển khai các chiến dịch quân sự đồng thời phát động các phong trào chính trị rộng rãi, xây dựng chính quyền cách mạng, củng cố khối đoàn kết dân tộc, và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

1.2. Đoàn kết dân tộc và phát huy sức mạnh toàn dân

Đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là sự tham gia của quần chúng nhân dân trong các phong trào, các cuộc kháng chiến, là yếu tố quyết định đến thắng lợi của cách mạng. Đảng ta đã biết phát huy tinh thần yêu nước, lòng kiên cường và trí tuệ của nhân dân trong việc chiến đấu chống lại các thế lực xâm lược.

1.3. Kiên trì, linh hoạt trong đấu tranh và quyết tâm chiến thắng

Đảng ta đã luôn kiên trì, dù trong những thời điểm khó khăn nhất, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, Đảng cũng rất linh hoạt trong việc điều chỉnh chiến lược, chiến thuật để ứng phó với sự thay đổi của tình hình, đặc biệt trong việc đối phó với chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, từ đó tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong giai đoạn 1969-1975.

1.4. Xây dựng hậu phương vững mạnh và chủ động phòng thủ

Để đảm bảo lực lượng cho tiền tuyến, Đảng ta đã đặc biệt chú trọng xây dựng hậu phương vững mạnh, cả về kinh tế và quân sự. Đồng thời, Đảng đã chủ động triển khai các biện pháp phòng thủ, bảo vệ các tuyến giao thông quan trọng và khu vực căn cứ chiến lược để duy trì sự chiến đấu bền bỉ.

1.5. Đẩy mạnh chiến tranh nhân dân và phát huy sức mạnh toàn dân

Chiến tranh nhân dân, dựa vào nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân, được Đảng xem là yếu tố quyết định sự thành công. Các lực lượng vũ trang không chỉ gồm quân đội mà còn có lực lượng công an, dân quân tự vệ, và các phong trào quần chúng.

2. Phân tích một kinh nghiệm: Sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự và chính trị

Trong tất cả các bài học mà Đảng ta rút ra, **sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự và chính trị** là một trong những kinh nghiệm tâm đắc và quyết định đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1954-1975.

2.1. Tại sao sự kết hợp giữa quân sự và chính trị là quan trọng?

- **Quân sự và chính trị là hai mặt không thể tách rời trong cách mạng:** Một cuộc chiến đấu không chỉ là trận đánh trên chiến trường mà còn là cuộc đấu tranh chính trị nhằm giành lấy sự ủng hộ của nhân dân, các tầng lớp trong xã hội, và quốc tế. Trong khi quân sự giúp giải phóng lãnh thổ, chính trị tạo ra nền tảng vững chắc để xây dựng chính quyền cách mạng, phát triển xã hội và củng cố lực lượng.
- **Chiến thắng quân sự cần được củng cố bằng chiến thắng chính trị:** Một cuộc chiến thắng quân sự không có sự hỗ trợ của chiến thắng chính trị sẽ dễ dàng dẫn đến sự phân rã, thiếu sự đoàn kết, và có thể tái diễn các cuộc chiến tranh cục bộ. Chính sự kết hợp này giúp Đảng duy trì được sự đoàn kết dân tộc, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong các giai đoạn khó khăn nhất.

2.2. Thực hiện sự kết hợp trong thực tiễn

Trong giai đoạn từ 1954 đến 1975, Đảng đã thể hiện rõ sự kết hợp giữa quân sự và chính trị qua một số ví dụ nổi bật:

- **Phong trào “Ba Phong trào thi đua yêu nước” (1958-1960):** Đảng đã tổ chức phong trào thi đua yêu nước, huy động mọi lực lượng tham gia vào công cuộc kháng chiến, vừa phục vụ cho yêu cầu quân sự vừa tạo ra phong trào chính trị mạnh mẽ trong toàn dân. Điều này không chỉ góp phần tích cực vào công cuộc bảo vệ miền Bắc mà còn tạo ra một nền tảng chính trị vững mạnh cho chiến trường miền Nam.
- **Chiến dịch Tết Mậu Thân 1968:** Mặc dù quân đội Mỹ và quân Sài Gòn đã cố gắng đẩy lùi cuộc tấn công của quân Giải phóng, nhưng về mặt chính trị, chiến dịch đã làm đảo lộn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, đồng thời làm lung lay niềm tin của người dân miền Nam đối với chính quyền Sài Gòn. Cùng với đó, phong trào chính trị tại miền Nam ngày càng mạnh mẽ, tạo động lực cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy sau này.
- **Các chiến dịch quân sự quyết định trong năm 1975:** Đảng chỉ đạo thực hiện những chiến dịch quân sự lớn để tiến tới giải phóng miền Nam, trong đó có sự phối hợp chặt chẽ với công tác chính trị, ngoại giao, tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế, và củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

2.3. Ý nghĩa và bài học cho hiện nay

Kinh nghiệm này có ý nghĩa sâu sắc trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức trong công cuộc phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Sự kết hợp giữa phát triển kinh tế (quân sự) và củng cố hệ thống chính trị (chính trị) vẫn luôn là yếu tố quan trọng, giúp bảo đảm sự ổn định quốc gia, giữ gìn độc lập và chủ quyền, đồng thời duy trì sự ủng hộ của nhân dân và cộng đồng quốc tế.

CHƯƠNG 3

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NUỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY)

1. Anh/Chi hãy trình bày đường lối phát triển kinh tế của Đảng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976). Qua đó nêu han chế của chủ trương này?

1. Đường lối phát triển kinh tế tại Đại hội IV (12-1976)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1976) diễn ra trong bối cảnh đất nước vừa mới được thống nhất sau chiến tranh, nhưng phải đổi mới với nhiều khó khăn kinh tế, xã hội và các vấn đề hậu quả chiến tranh. Đại hội đã thông qua các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, với mục tiêu chính là khôi phục và phát triển nền kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Các nội dung chính của đường lối phát triển kinh tế tại Đại hội IV gồm:

• Xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp:

Đảng xác định rằng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sẽ phát triển theo hướng kế hoạch hóa tập trung, với việc nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong mọi lĩnh vực kinh tế, kiểm soát và chỉ đạo tất cả các hoạt động sản xuất và phân phối.

• Tập trung vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa:

Đại hội IV khẳng định mục tiêu quan trọng là tập trung phát triển công nghiệp nặng, đặc biệt là công nghiệp quốc phòng và các ngành công nghiệp cơ bản. Đây là bước đi cần thiết để xây dựng nền tảng vững chắc cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

• Chú trọng phát triển nông nghiệp:

Nông nghiệp được xem là nền tảng của nền kinh tế, và các chính sách phát triển nông nghiệp trong giai đoạn này bao gồm việc phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, cải cách ruộng đất và đẩy mạnh sản xuất hàng hóa nông sản.

• Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp:

Đảng đề ra yêu cầu thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư nhân còn lại, đặc biệt là trong các ngành thương mại và dịch vụ. Đồng thời, Đảng thúc đẩy việc xóa bỏ các mối quan hệ sản xuất cũ và thay thế chúng bằng các mô hình hợp tác xã và tập thể.

• Tăng cường các quan hệ kinh tế quốc tế:

Đảng xác định việc phát triển quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là các nước trong khối SEV (Hội đồng Tương trợ Kinh tế) và các đối tác quốc tế, nhằm tạo nguồn lực và thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nền kinh tế Việt Nam.

2. Hạn chế của chủ trương phát triển kinh tế trong giai đoạn này

Mặc dù các chủ trương của Đại hội IV đã đưa ra định hướng lớn cho sự phát triển đất nước sau thống nhất, nhưng trong thực tế, những chính sách này đã bộc lộ một số hạn chế lớn, đặc biệt là khi áp dụng trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam sau chiến tranh.

Một số hạn chế chính của chủ trương phát triển kinh tế này bao gồm:

- Kinh tế tập trung, bao cấp thiếu linh hoạt:**

Mặc dù mục tiêu là xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa theo kế hoạch hóa tập trung, nhưng chính sách này lại dẫn đến tình trạng quan liêu, thiếu sáng tạo và không phù hợp với thực tế. Việc quản lý kinh tế theo kiểu bao cấp không khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo trong sản xuất, gây ra tình trạng trì trệ trong nền kinh tế và sự thiếu hụt các mặt hàng tiêu dùng cơ bản. Kinh tế thiếu cạnh tranh, sản phẩm kém chất lượng và không đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Thiếu sự phát triển đồng đều giữa các vùng miền:**

Đường lối tập trung vào công nghiệp hóa nặng đã khiến các vùng miền, đặc biệt là nông thôn, không được chú trọng phát triển, dẫn đến tình trạng phát triển không đồng đều giữa các khu vực. Việc tập trung quá nhiều vào các ngành công nghiệp nặng và quốc phòng đã làm cho nông nghiệp và các ngành sản xuất nhẹ bị bỏ ngỏ, gây khó khăn cho đời sống của người dân, đặc biệt là ở các khu vực miền núi và nông thôn.

- Khó khăn trong việc cải tạo các thành phần kinh tế tư nhân:**

Việc thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư nhân và các hợp tác xã đã gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ từ các tầng lớp chủ đất, thương nhân và người dân. Các cải cách này gặp khó khăn trong việc thực hiện vì các mô hình hợp tác xã nông nghiệp và công nghiệp chưa thực sự phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam và thiếu các yếu tố cần thiết để đảm bảo hiệu quả.

- Chủ trương chưa chú trọng phát triển thị trường và nền kinh tế mở:**

Mặc dù Đại hội IV đưa ra kế hoạch phát triển quan hệ quốc tế, nhưng sự phát triển của nền kinh tế còn thiếu sự mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Kinh tế Việt Nam chủ yếu vẫn phụ thuộc vào các nguồn lực từ các nước xã hội chủ nghĩa, thiếu sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường và khuyến khích các hoạt động kinh tế tư nhân.

- Tình trạng thiếu hụt hàng hóa và khó khăn về lương thực:**

Trong suốt giai đoạn này, Việt Nam đã đối mặt với tình trạng thiếu hụt hàng hóa tiêu dùng, đặc biệt là lương thực, thực phẩm. Chính sách bao cấp không giải quyết được nhu cầu sản xuất thực tế và đời sống của người dân, khiến đất nước gặp phải tình trạng khan hiếm và khó khăn trong việc cung ứng hàng hóa cơ bản cho dân cư.

2. Anh/Chi hãy Phân tích những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V của Đảng (3-1982). Nêu ý nghĩa và hạn chế của Đại hội?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam (3-1982) diễn ra trong bối cảnh đất nước đang đối mặt với nhiều khó khăn về kinh tế, đặc biệt là sau cuộc khủng hoảng kinh tế đầu thập niên 1980. Đại hội V không chỉ đánh dấu sự tiếp nối các chính sách trước đó mà còn đưa ra một số quan điểm mới về phát triển kinh tế và xã hội, phản ánh sự điều chỉnh trong nhận thức và chiến lược của Đảng trong tình hình mới.

1. Những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V (3-1982)

1.1. Đổi mới và điều chỉnh trong phát triển kinh tế

Tại Đại hội V, Đảng đã nhận định rõ ràng về sự khủng hoảng kinh tế và nạn thiếu hụt nghiêm trọng hàng hóa, thực phẩm và các yếu tố sản xuất cơ bản. Để giải quyết tình trạng này, Đảng đề ra một số quan điểm quan trọng về phát triển kinh tế:

- **Chuyển hướng từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo:**
Mặc dù vẫn khẳng định vai trò quan trọng của nền kinh tế kế hoạch hóa, Đại hội V đã nêu rõ cần phải chuyển hướng và xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nhưng cũng phải khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân và tập thể phát triển.
- **Tăng cường cai quản lý và đổi mới phương thức phân phối:**
Để khắc phục tình trạng khan hiếm hàng hóa, Đại hội V nhấn mạnh cai cách công tác quản lý kinh tế, đặc biệt là việc phân phối hàng hóa và sử dụng nguồn lực. Đảng đề ra chính sách khuyến khích sản xuất hàng tiêu dùng, thúc đẩy nền sản xuất hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước.
- **Tăng cường các mối quan hệ kinh tế đối ngoại và cải cách kinh tế mở cửa:**
Đại hội V đã đề ra việc thúc đẩy hợp tác quốc tế, đặc biệt là hợp tác kinh tế với các quốc gia và tổ chức quốc tế, nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ và mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm trong nước. Đồng thời, việc cải thiện chính sách đối ngoại cũng được coi là một yếu tố quan trọng để hỗ trợ sự phát triển của nền kinh tế.

1.2. Quan điểm về phát triển xã hội

Bên cạnh các quan điểm về kinh tế, Đại hội V cũng nhấn mạnh các vấn đề xã hội, đặc biệt là về phát triển giáo dục, y tế và an sinh xã hội. Đảng nhận thức rằng việc phát triển xã hội phải đi đôi với phát triển kinh tế, không thể tách rời. Các chính sách về cải thiện chất lượng cuộc sống, giáo dục và y tế được chú trọng.

- **Đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống người dân:**
Đảng chú trọng đến việc tăng cường các chính sách xã hội, đặc biệt là hỗ trợ những đối tượng yếu thế, xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội, y tế và giáo dục để đảm bảo mọi người dân đều được hưởng các phúc lợi xã hội cơ bản.
- **Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo:**
Để phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế, Đại hội V đã nhấn mạnh sự cần thiết phải nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

2. Ý nghĩa của Đại hội V

2.1. Đưa ra chiến lược phát triển mới trong bối cảnh khó khăn

Đại hội V có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đưa ra các chiến lược phát triển kinh tế mới nhằm giải quyết khủng hoảng và tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam. Quan điểm chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một bước đi quan trọng trong việc mở cửa nền kinh tế, tạo điều kiện cho sự phát triển và cải cách.

2.2. Khẳng định vai trò của Đảng trong công cuộc cải cách

Đại hội V khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt trong việc điều chỉnh chính sách và xác định hướng đi mới cho đất nước. Các chính sách đổi mới của Đảng tại Đại hội V tạo ra bước đi quan trọng để tiến tới công cuộc cải cách sâu rộng trong những năm tiếp theo.

2.3. Tạo nền tảng cho chính sách Đổi mới sau này

Đại hội V được coi là tiền đề cho các chính sách Đổi mới (từ Đại hội VI năm 1986), mở đầu quá trình cải cách nền kinh tế, chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Hạn chế của chủ trương tại Đại hội V

Mặc dù Đại hội V đã đề ra nhiều quan điểm mới, nhưng chủ trương này cũng bộc lộ một số hạn chế, đặc biệt là khi thực hiện trong bối cảnh khó khăn và chưa có đầy đủ cơ sở để tiến hành các cải cách sâu rộng.

3.1. Chuyển đổi chưa đủ mạnh mẽ và đồng bộ

Mặc dù Đại hội V đã đề ra hướng đi mới về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhưng việc chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường không được thực hiện đồng bộ và mạnh mẽ. Các cơ chế, chính sách chưa đủ linh hoạt để thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng và bền vững. Điều này dẫn đến sự chậm trễ trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế.

3.2. Chính sách đối ngoại và hợp tác quốc tế chưa đủ hiệu quả

Mặc dù Đại hội V đã nhấn mạnh đến việc thúc đẩy quan hệ kinh tế đối ngoại, nhưng trong thực tế, các mối quan hệ này chưa được triển khai một cách mạnh mẽ và hiệu quả. Do đó, việc thu hút đầu tư nước ngoài và hợp tác quốc tế chưa đạt được kết quả mong muốn.

3.3. Khó khăn trong việc triển khai các cải cách xã hội

Mặc dù Đại hội V nhấn mạnh đến việc nâng cao chất lượng giáo dục và y tế, cải thiện đời sống xã hội, nhưng các chính sách xã hội và công tác triển khai còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế còn nghèo nàn và thiếu thốn. Điều này đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu về an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống.

3. Anh/Chi hãy chứng minh: Chủ trương công nghiệp hóa “tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu” thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3-1982) được đánh giá là một bước điều chỉnh đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3-1982) diễn ra trong bối cảnh Việt Nam đang phải đổi mới với tình trạng khủng hoảng kinh tế, đặc biệt là tình hình khó khăn trong sản xuất nông nghiệp và thiếu hụt lương thực. Chính vì vậy, tại Đại hội V, Đảng đã đề ra một chủ trương quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, đó là tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là "mặt trận hàng đầu" trong công cuộc công nghiệp hóa đất nước. Chủ trương này được đánh giá là một bước điều chỉnh đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam vào thời điểm đó, vì nó không chỉ tập trung vào các yếu tố cơ bản của nền kinh tế mà còn phản ánh các nhu cầu cấp thiết về xã hội và đời sống nhân dân.

1. Chủ trương tập trung phát triển mạnh nông nghiệp tại Đại hội V (1982)

Tại Đại hội V, Đảng đã xác định nông nghiệp là nền tảng của nền kinh tế quốc dân và là điều kiện quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa đất nước. Các nội dung cơ bản trong chủ trương này bao gồm:

- Tăng cường sản xuất nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia:**

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam còn nghèo nàn và thiếu thốn, đặc biệt là tình trạng thiếu lương thực, Đại hội V xác định rằng nông nghiệp phải được phát triển mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu lương thực cho dân cư và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- **Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp:**

Đảng đã đưa ra chủ trương đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, bao gồm việc cải tạo giống cây trồng, vật nuôi, áp dụng các phương pháp canh tác tiên tiến và phát triển hệ thống thủy lợi để tăng năng suất nông nghiệp.

- **Khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp:**

Một trong những chủ trương quan trọng là củng cố và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, nhằm tăng cường sức mạnh sản xuất tập thể, giúp nông dân có điều kiện phát huy tiềm năng sản xuất và nâng cao hiệu quả công việc.

- **Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn:**

Để hỗ trợ phát triển nông nghiệp, Đại hội V đề ra các chính sách đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông thôn, bao gồm đường xá, điện, nước, để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển bền vững.

2. Điều chỉnh đúng đắn và phù hợp với thực tiễn

Chủ trương "tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp" tại Đại hội V được đánh giá là một bước điều chỉnh đúng đắn và phù hợp với thực tiễn của Việt Nam trong thời kỳ đó vì những lý do sau:

- **Nông nghiệp là cơ sở cho nền kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn hậu chiến tranh:**

Sau chiến tranh, nền kinh tế Việt Nam chủ yếu dựa vào nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực để cung cấp cho cả dân cư và quân đội. Vì vậy, phát triển nông nghiệp là ưu tiên hàng đầu để đảm bảo ổn định an ninh lương thực và nền tảng cho công nghiệp hóa. Việc tăng cường đầu tư cho nông nghiệp đã giúp giải quyết vấn đề thiếu lương thực và cải thiện đời sống của người dân.

- **Khắc phục tình trạng thiếu hụt lương thực và thực phẩm:**

Nông nghiệp lúc này không chỉ đóng vai trò chủ đạo trong sản xuất lương thực mà còn là nền tảng để cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến, bao gồm thực phẩm, dệt may, giấy... Vì thế, đầu tư vào nông nghiệp giúp giải quyết vấn đề thiếu thốn các mặt hàng tiêu dùng cơ bản và giảm áp lực cho các ngành sản xuất khác.

- **Đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa trong giai đoạn đầu:**

Trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho công nghiệp nặng cần nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp (nguyên liệu thô như bông, lúa gạo, cùi gỗ, v.v.). Vì vậy, phát triển mạnh mẽ nông nghiệp không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực mà còn tạo ra nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp.

- **Phù hợp với điều kiện tự nhiên và nguồn lực quốc gia:**

Việt Nam có nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, với phần lớn dân cư sinh sống ở nông thôn và làm

nông nghiệp. Do đó, tập trung phát triển nông nghiệp là bước đi thực tế và phù hợp với điều kiện quốc gia. Cải thiện sản xuất nông nghiệp giúp nâng cao đời sống nông dân và giảm thiểu bất ổn xã hội.

3. Hạn chế của chủ trương phát triển mạnh nông nghiệp

Mặc dù chủ trương phát triển mạnh nông nghiệp tại Đại hội V là một bước đi đúng đắn, nhưng cũng tồn tại một số hạn chế:

- Chưa chú trọng đầy đủ đến công nghiệp chế biến nông sản:**

Mặc dù Đảng đã chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp, nhưng công nghiệp chế biến nông sản chưa được đầu tư phát triển tương xứng. Điều này dẫn đến tình trạng xuất khẩu thô các sản phẩm nông sản mà không có giá trị gia tăng, gây thiệt hại cho nền kinh tế.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn chưa được đầu tư đủ mạnh:**

Mặc dù có chủ trương đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông thôn, nhưng việc thực hiện còn chậm và thiếu đồng bộ, khiến sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm và phát triển bền vững.

- Vẫn duy trì mô hình hợp tác xã nông nghiệp chưa hiệu quả:**

Mặc dù hợp tác xã nông nghiệp được khuyến khích, nhưng thực tế mô hình này chưa thực sự đem lại hiệu quả cao, do thiếu sự đổi mới trong quản lý và chưa phù hợp với các nhu cầu thực tế của nông dân.

- Tập trung quá mức vào nông nghiệp mà thiếu sự quan tâm đến các ngành công nghiệp khác:**

Chủ trương tập trung mạnh vào phát triển nông nghiệp đã khiến một số ngành công nghiệp nhẹ, chế tạo và dịch vụ chưa được chú trọng phát triển, dẫn đến sự mất cân đối trong cơ cấu nền kinh tế.

4. Anh/Chi hãy phân tích ba bước đột phá kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới (1986).

Trong giai đoạn trước đổi mới (trước năm 1986), nền kinh tế Việt Nam đối mặt với rất nhiều khó khăn, đặc biệt là do tác động của chiến tranh, các chính sách kinh tế không phù hợp, và sự khủng hoảng trong các lĩnh vực sản xuất, phân phối. Tuy nhiên, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những bước đột phá quan trọng trong việc định hình chiến lược phát triển kinh tế, nhằm cải thiện tình hình và tạo nền tảng cho công cuộc đổi mới sau này. Dưới đây là ba bước đột phá kinh tế mà Đảng đã thực hiện trong thời kỳ trước đổi mới.

1. Bước đột phá trong phát triển nông nghiệp (1954-1980)

Một trong những bước đột phá quan trọng đầu tiên của Đảng trong thời kỳ trước đổi mới là tập trung vào phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trong việc cải cách hệ thống hợp tác xã nông nghiệp.

- Cải cách ruộng đất (1954-1956):** Sau khi chiến tranh kết thúc, Đảng tiến hành cải cách ruộng đất ở miền Bắc, nhằm xóa bỏ chế độ phong kiến và tạo ra nền tảng vững chắc cho phát triển nông nghiệp. Cải cách ruộng đất giúp phân chia lại đất đai cho nông dân, thúc đẩy sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Mặc dù cải cách này gặp một số khó khăn và sai lầm trong quá trình thực hiện, nhưng nó đã góp phần quan trọng vào việc ổn định nền nông nghiệp.

- Mô hình hợp tác xã (1956-1980):** Đảng cũng quyết định triển khai mô hình hợp tác xã nông nghiệp để tạo ra các tổ chức sản xuất quy mô lớn, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm bớt tình trạng sản xuất manh mún. Mặc dù mô hình này chưa đạt được hiệu quả như mong đợi, nhưng nó tạo ra một bước đột phá trong việc tổ chức lại nền nông nghiệp và là cơ sở để phát triển sản xuất lớn trong những năm sau.

- **Công tác thủy lợi và giống cây trồng:** Đảng cũng chú trọng đầu tư vào công tác thủy lợi, cải tạo đất đai, và áp dụng các giống cây trồng mới nhằm nâng cao năng suất nông nghiệp. Đây là một yếu tố quan trọng trong việc giải quyết vấn đề an ninh lương thực và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn.

Ý nghĩa: Bước đột phá này đã giúp giải quyết phần lớn vấn đề về lương thực trong nước, tạo ra một nền tảng vững chắc để phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

2. Bước đột phá trong xây dựng công nghiệp (1960-1980)

Trong giai đoạn 1960-1980, Đảng đã triển khai một loạt các kế hoạch công nghiệp hóa đất nước, đặc biệt là xây dựng các ngành công nghiệp trọng điểm như công nghiệp nặng, khai khoáng và chế biến.

- **Công nghiệp hóa nặng:** Đảng đã xác định công nghiệp nặng là lĩnh vực then chốt để xây dựng nền kinh tế quốc dân. Một số ngành công nghiệp quan trọng như khai thác than, điện, thép và cơ khí được chú trọng phát triển. Các dự án lớn như Nhà máy Thép Thái Nguyên, Nhà máy điện Hải Phòng, và các nhà máy xi măng lớn đã được xây dựng trong giai đoạn này.
- **Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến:** Bên cạnh công nghiệp nặng, Đảng cũng chú trọng đến việc phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thủ công mỹ nghệ và các ngành sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu trong nước.
- **Mô hình công nghiệp tập trung:** Để đạt được mục tiêu công nghiệp hóa, Đảng thực hiện mô hình công nghiệp hóa tập trung, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc đầu tư và quản lý các ngành công nghiệp. Mặc dù việc phát triển công nghiệp nặng đã giúp Việt Nam có những cơ sở hạ tầng công nghiệp quan trọng, nhưng kết quả chưa đáp ứng được yêu cầu và kỳ vọng trong công nghiệp hóa.

Ý nghĩa: Bước đột phá này đã giúp xây dựng được một số cơ sở công nghiệp quan trọng, tạo tiền đề cho sự chuyển mình của nền kinh tế trong giai đoạn công nghiệp hóa tiếp theo. Tuy nhiên, do thiếu cơ chế quản lý hiệu quả và các yếu tố ngoại lực, nền công nghiệp phát triển không đồng đều.

3. Bước đột phá trong quản lý và tổ chức kinh tế (1980-1985)

Trong giai đoạn cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980, Đảng nhận thấy sự cần thiết phải điều chỉnh và cải tiến các mô hình quản lý kinh tế, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bộc lộ nhiều hạn chế.

- **Thực hiện kế hoạch 5 năm:** Để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, Đảng triển khai các kế hoạch 5 năm, nhằm tới mục tiêu cụ thể về sản lượng nông nghiệp, công nghiệp và các mặt hàng tiêu dùng. Mặc dù kế hoạch này gặp nhiều khó khăn do thiếu các điều kiện thực tiễn, nhưng nó vẫn phản ánh sự quyết tâm của Đảng trong việc đưa nền kinh tế Việt Nam ra khỏi khủng hoảng.
- **Cải cách trong các khu vực doanh nghiệp nhà nước:** Trong giai đoạn này, Đảng bắt đầu nhận thấy sự bất cập trong việc điều hành các doanh nghiệp nhà nước, và có các biện pháp cải cách, tuy nhiên, các cải cách này chưa đủ mạnh mẽ và sâu rộng.
- **Hướng tới mở rộng quan hệ quốc tế:** Đảng bắt đầu chú trọng đến việc mở rộng hợp tác kinh tế với các quốc gia ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhằm thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, việc mở cửa nền kinh tế vẫn còn rất hạn chế và chưa phát huy hết tiềm năng.

Ý nghĩa: Bước đột phá trong quản lý và tổ chức kinh tế đã giúp Đảng nhận diện và điều chỉnh một số vấn đề trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Tuy nhiên, vì các cải cách chưa đủ mạnh mẽ, nền kinh tế vẫn gặp khó khăn và chưa đạt được kết quả như mong đợi, dẫn đến sự chuyển mình mạnh mẽ hơn vào những năm 1986 với công cuộc Đổi mới.

5. Anh/Chị hãy trình bày những chủ trương đổi mới kinh tế được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986). Rút ra nhận xét chủ trương trên.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang đổi mới với tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng: tăng trưởng thấp, lạm phát cao, và tình trạng thiếu hụt lương thực, hàng hóa thiết yếu. Để giải quyết các vấn đề này và thúc đẩy nền kinh tế phát triển, Đại hội VI đã đưa ra những chủ trương đổi mới quan trọng. Đây là bước ngoặt lớn trong lịch sử phát triển kinh tế

của Việt Nam, đánh dấu sự chuyển mình từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường

Đại hội VI đã khẳng định chủ trương chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, sang nền kinh tế thị trường, trong đó các yếu tố thị trường được xác định là động lực quan trọng để phát triển kinh tế.

- Xóa bỏ cơ chế bao cấp:** Một trong những bước đột phá lớn là Đảng đã quyết định từ bỏ cơ chế bao cấp, trong đó Nhà nước cấp phát hàng hóa và dịch vụ cho các ngành, tạo ra sự kém hiệu quả trong sản xuất. Thay vào đó, Nhà nước sẽ chỉ đảm nhận vai trò quản lý vĩ mô, còn các doanh nghiệp và người dân sẽ chủ động trong việc sản xuất và tiêu thụ.
- Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển:** Đảng đã đưa ra chủ trương tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế, bao gồm kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đều được tự do cạnh tranh và phát triển. Mặc dù vẫn giữ vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, nhưng Đảng đã tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế khác.

2. Đổi mới hệ thống quản lý kinh tế và phát triển các hình thức sở hữu

- Tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước:** Đại hội VI đề ra chủ trương cải cách hệ thống doanh nghiệp Nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, khuyến khích các doanh nghiệp tự chủ trong sản xuất và kinh doanh, đồng thời giám sát sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của doanh nghiệp.
- Khuyến khích đầu tư nước ngoài và hợp tác quốc tế:** Để cải thiện tình trạng thiếu vốn và công nghệ, Đại hội VI đã xác định việc thu hút đầu tư nước ngoài là một yếu tố quan trọng trong phát triển nền kinh tế. Các chính sách ưu đãi đối với đầu tư nước ngoài, đặc biệt là việc mở cửa cho các doanh nghiệp FDI (đầu tư trực tiếp nước ngoài), đã được đưa vào nghị quyết của Đại hội VI.

3. Cải cách nông nghiệp và phát triển sản xuất

- Cải cách hệ thống ruộng đất và khuyến khích phát triển nông nghiệp:** Đại hội VI tiếp tục thực hiện các cải cách trong nông nghiệp, đặc biệt là việc khuyến khích phát triển sản xuất nông sản theo hướng thị trường. Đặc biệt, Đảng đã đề ra chính sách khoán 10 (hay còn gọi là "khoán sản phẩm") trong nông nghiệp, trao quyền chủ động cho nông dân trong sản xuất, với mục tiêu nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất.
- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến nông sản:** Đảng cũng đề ra các biện pháp để phát triển công nghiệp chế biến nông sản, nhằm tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp và thúc đẩy xuất khẩu.

4. Đổi mới chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Tăng cường hội nhập quốc tế:** Đại hội VI nhấn mạnh việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đặc biệt là với các nước khu vực Đông Nam Á và các đối tác phát triển. Đảng đã quyết định đẩy mạnh hợp tác kinh tế, thương mại với các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời tham gia vào các tổ chức quốc tế.
- Hướng tới xây dựng nền kinh tế mở:** Để thu hút vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm từ bên ngoài, Đảng đã chỉ đạo xây dựng một nền kinh tế mở, thúc đẩy xuất nhập khẩu và tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức kinh tế quốc tế.

Nhận xét về chủ trương đổi mới kinh tế tại Đại hội VI

1. Những điểm mạnh của chủ trương:

- Khởi đầu cho công cuộc đổi mới và phát triển bền vững:** Chủ trương của Đại hội VI đã mở ra một hướng đi mới cho nền kinh tế Việt Nam, chuyển từ mô hình kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường. Đây là một bước đi quan trọng giúp Việt Nam thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế và hướng tới phát triển bền vững.
- Tạo môi trường cạnh tranh và phát triển cho các thành phần kinh tế:** Việc tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển và thúc đẩy đầu tư nước ngoài là một chiến lược đúng đắn, giúp nền kinh tế Việt Nam hòa nhập với kinh tế thế giới, thu hút nguồn lực và chuyển giao công nghệ.

- **Tăng trưởng kinh tế nhanh chóng:** Sau Đại hội VI, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong phát triển kinh tế, với mức tăng trưởng GDP cao, giảm bớt tình trạng thiếu lương thực, nâng cao đời sống nhân dân và phát triển cơ sở hạ tầng.

2. **Những hạn chế và thách thức:**

- **Chuyển đổi quá nhanh có thể dẫn đến khó khăn trong quản lý:** Việc chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường có thể gặp khó khăn trong quá trình điều chỉnh, vì các cơ chế quản lý vĩ mô chưa đủ mạnh để điều tiết nền kinh tế trong bối cảnh mới.
- **Khó khăn trong cải cách doanh nghiệp Nhà nước:** Mặc dù đã có chủ trương cải cách doanh nghiệp Nhà nước, nhưng việc thực hiện vẫn còn chậm và gặp nhiều khó khăn, do các vấn đề về cơ chế quản lý và sự thiếu hiệu quả trong việc điều hành doanh nghiệp.
- **Bất bình đẳng trong phát triển:** Mặc dù chủ trương của Đại hội VI đã thúc đẩy sự phát triển của nhiều thành phần kinh tế, nhưng vẫn có sự bất bình đẳng trong phân phối lợi ích, nhất là giữa các khu vực thành thị và nông thôn, giữa các ngành công nghiệp và nông nghiệp.

6. Anh/Chỉ huy trình bày những nội dung và kết quả chỉ đạo đổi mới quan trọng của Đảng tại các Hội nghị Trung ương Đảng khóa VI trên lĩnh vực kinh tế.

Trong giai đoạn từ năm 1986 đến 1991, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành các hội nghị Trung ương quan trọng để định hướng và chỉ đạo công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế. Đại hội VI (12/1986) đánh dấu mốc khởi đầu cho công cuộc đổi mới, và các Hội nghị Trung ương khóa VI sau đó tiếp tục đưa ra các chỉ đạo quan trọng để thúc đẩy tiến trình này. Những quyết định của các hội nghị đã tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm tiếp theo.

Dưới đây là những nội dung và kết quả chỉ đạo đổi mới quan trọng của Đảng tại các Hội nghị Trung ương Đảng khóa VI trong lĩnh vực kinh tế.

1. Hội nghị Trung ương 3 (1988) - Đổi mới hệ thống quản lý và cải cách doanh nghiệp nhà nước

Nội dung chỉ đạo:

- Hội nghị Trung ương 3 (1988) chủ yếu tập trung vào việc đổi mới hệ thống quản lý kinh tế và cải cách doanh nghiệp nhà nước. Đảng đã nhận thấy sự yếu kém và lãng phí trong hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, do cơ chế quản lý kém hiệu quả và thiếu sự cạnh tranh.
- Đảng đã quyết định triển khai một loạt các biện pháp cải cách:
 - **Tách biệt quản lý sản xuất và phân phối:** Các doanh nghiệp nhà nước cần được giao quyền tự chủ trong sản xuất và phân phối. Tuy nhiên, Nhà nước vẫn giữ vai trò kiểm soát những lĩnh vực quan trọng như điện, nước, giao thông, và các ngành chiến lược.
 - **Cải cách tổ chức sản xuất và quản lý:** Doanh nghiệp nhà nước cần được tổ chức lại theo mô hình hoạt động linh hoạt hơn, nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả. Đảng cũng khuyến khích doanh nghiệp Nhà nước tự chủ trong việc sử dụng các nguồn lực và tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

Kết quả:

- Đến cuối những năm 1980, các doanh nghiệp nhà nước bắt đầu có sự chuyển đổi nhất định trong quản lý và hoạt động sản xuất. Các doanh nghiệp này dần có sự tự chủ lớn hơn, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất, tuy nhiên vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với khu vực ngoài quốc doanh.

2. Hội nghị Trung ương 4 (1989) - Cải cách cơ cấu nông nghiệp và chính sách đất đai

Nội dung chỉ đạo:

- Hội nghị Trung ương 4 (1989) tập trung vào việc đổi mới cơ cấu nông nghiệp và chính sách đất đai. Đây là bước đi quan trọng trong quá trình cải cách nông nghiệp, để nâng cao năng suất và phát triển kinh tế nông thôn.
- Đảng quyết định triển khai **chế độ khoán 10** trong nông nghiệp (khoán sản phẩm), cho phép nông dân tự quyết định sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của mình. Đây là bước chuyển lớn từ hình thức hợp tác xã nông nghiệp sang hệ thống sản xuất nông hộ, nơi người nông dân được giao quyền quyết định trong sản xuất.
- Đảng cũng chú trọng đến việc **cải cách chính sách đất đai**. Đặc biệt, Đảng quyết định **giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ gia đình** để khuyến khích người dân đầu tư sản xuất và phát triển nông nghiệp.

Kết quả:

- **Chế độ khoán 10** đã thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp, tăng năng suất và cải thiện đời sống của người nông dân. Kinh tế nông thôn phát triển nhanh chóng, đặc biệt trong việc tăng trưởng sản xuất lương thực và xuất khẩu nông sản. Chính sách đất đai cũng đã tạo ra sự khởi sắc trong đầu tư sản xuất nông nghiệp.
- Tuy nhiên, chính sách đất đai cũng gặp phải một số vấn đề liên quan đến phân bổ đất đai không đồng đều, dẫn đến tình trạng mất cân đối trong phát triển.

3. Hội nghị Trung ương 5 (1990) - Đổi mới chính sách đối ngoại và mở cửa hội nhập

Nội dung chỉ đạo:

- Hội nghị Trung ương 5 (1990) đã đặt ra những chủ trương đổi mới trong chính sách đối ngoại và mở cửa hội nhập quốc tế để thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.
- Đảng đã xác định chính sách **mở cửa và đa phương hóa quan hệ quốc tế** là một trong những biện pháp cần thiết để thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và tham gia vào các thị trường quốc tế.
- Đảng chỉ đạo phát triển các **quan hệ đối tác chiến lược với các nước khu vực và trên thế giới**, nhất là trong việc mở rộng quan hệ kinh tế với các nước ASEAN, Trung Quốc và các nước phương Tây.

Kết quả:

- Việt Nam bắt đầu ký kết các hiệp định hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư từ các nguồn ngoại quốc, đặc biệt là nguồn vốn FDI (Đầu tư trực tiếp nước ngoài). Chính sách này góp phần làm tăng trưởng nền kinh tế,

mở ra cơ hội để tiếp nhận công nghệ hiện đại, cải tiến hạ tầng cơ sở, và phát triển các ngành công nghiệp xuất khẩu.

4. Hội nghị Trung ương 6 (1991) - Đẩy mạnh cải cách và hội nhập kinh tế quốc tế

Nội dung chỉ đạo:

- Hội nghị Trung ương 6 (1991) tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới trong lĩnh vực kinh tế với việc **xác định các ưu tiên cải cách sâu rộng** trong mọi lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, và tài chính.
- Đảng nhấn mạnh vai trò của **kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa** và tăng cường **hợp tác với các tổ chức quốc tế** như IMF, Ngân hàng Thế giới (WB), và ADB. Đặc biệt, Đảng đã xác định cần phải **phát triển nền kinh tế mở**, hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

Kết quả:

- Chính sách này đã đưa Việt Nam vào một giai đoạn hội nhập quốc tế mạnh mẽ, thu hút sự chú ý của các đối tác kinh tế, đặc biệt là trong việc gia nhập các tổ chức quốc tế như APEC và tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) sau này.

Nhận xét về kết quả đổi mới của Đảng tại các Hội nghị Trung ương khóa VI

- Thành công:** Các chỉ đạo đổi mới của Đảng tại các Hội nghị Trung ương khóa VI đã tạo ra những bước tiến quan trọng trong phát triển kinh tế. Sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, việc cải cách doanh nghiệp nhà nước và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp đã tạo đà phát triển mạnh mẽ cho nền kinh tế, tăng trưởng GDP ổn định và nâng cao đời sống người dân.

Những cải cách về chính sách đất đai, đổi mới tổ chức sản xuất nông nghiệp đã giúp Việt Nam vượt qua khó khăn, đảm bảo an ninh lương thực và tạo ra những thành tựu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp.

- Hạn chế:** Tuy nhiên, các cải cách cũng gặp phải nhiều khó khăn trong việc thực hiện, đặc biệt là trong việc **cải cách doanh nghiệp nhà nước và đảm bảo sự công bằng trong phân phối đất đai**. Chính sách đổi mới đôi khi chưa đủ mạnh mẽ để giải quyết triệt để các vấn đề về phân bổ tài nguyên, cải thiện năng suất lao động, và phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn.

Mặc dù các kết quả đạt được khá tích cực, nhưng Việt Nam vẫn đối mặt với sự chênh lệch trong phát triển giữa các khu vực, giữa thành thị và nông thôn, cũng như thiếu hụt về cơ sở hạ tầng, công nghệ.

7. Anh/Chi hãy chứng minh: Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Rút ra ý nghĩa của Cương lĩnh.

Cương lĩnh năm 1991, được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ VII, đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc định hướng đường lối cách mạng của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh này không chỉ đề cập đến những mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam mà còn làm rõ giải pháp về lý luận và thực tiễn trong bối cảnh mới, khi đất nước đang trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

1. Vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Theo Cương lĩnh 1991, vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được giải quyết thông qua các quan điểm chủ yếu sau:

- **Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một quá trình lâu dài, phức tạp:** Cương lĩnh khẳng định rằng, Việt Nam sẽ xây dựng chủ nghĩa xã hội từ nền tảng kinh tế thấp và chậm phát triển, với điều kiện đất nước còn nghèo, lạc hậu. Vì vậy, quá trình này sẽ phải trải qua nhiều bước phát triển, không thể thực hiện một cách vội vã.
- **Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:** Đây là điểm mới trong Cương lĩnh 1991, khi Đảng xác định mô hình "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" là con đường phát triển trong thời kỳ quá độ. Điều này giải quyết vấn đề mấu chốt là làm sao phát triển kinh tế thị trường mà không đi vào mô hình tư bản chủ nghĩa, mà vẫn bảo vệ và phát triển các giá trị xã hội chủ nghĩa.
- **Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam:** Cương lĩnh khẳng định rằng Đảng phải là lực lượng lãnh đạo duy nhất, đóng vai trò quyết định trong việc xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội. Đảng sẽ lãnh đạo nhà nước, toàn dân để xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo sự lãnh đạo độc lập và sáng tạo trong bối cảnh mới.
- **Nhân tố con người và dân chủ trong quá trình quá độ:** Cương lĩnh 1991 đề cập đến việc xây dựng một xã hội dân chủ, với quyền làm chủ của nhân dân, kết hợp với bảo vệ và phát huy quyền lợi chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Điều này cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa quyền lực Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân trong tiến trình phát triển đất nước.

2. Ý nghĩa của Cương lĩnh năm 1991

Cương lĩnh năm 1991 đã có những đóng góp quan trọng trong việc chỉ rõ phương hướng, giải pháp cho cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ý nghĩa của Cương lĩnh này thể hiện ở các điểm sau:

- **Xác định con đường phát triển đúng đắn:** Cương lĩnh đã xác định rõ mục tiêu và con đường đi của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đảm bảo sự kết hợp giữa phát triển kinh tế thị trường và các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Điều này giúp Đảng và Nhà nước có định hướng chính xác trong các chính sách phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn hội nhập quốc tế.
- **Tạo nền tảng lý luận vững chắc cho đổi mới:** Cương lĩnh khẳng định rằng việc đổi mới đất nước không phải là từ bỏ chủ nghĩa xã hội mà là một quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Đặc biệt, trong thời kỳ này, việc xác định và triển khai "kinh tế thị trường định

"hướng xã hội chủ nghĩa" là một sự điều chỉnh quan trọng, giải quyết được những vấn đề thực tế mà nền kinh tế đang đối mặt.

- **Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng:** Cương lĩnh năm 1991 đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc lãnh đạo mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là trong việc giữ vững bản sắc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền và phát triển đất nước. Đây là một tín hiệu quan trọng về sự kiên định của Đảng đối với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đồng thời linh hoạt trong việc áp dụng các biện pháp thực tiễn.
- **Tạo sự đồng thuận trong xã hội:** Cương lĩnh 1991 đã tạo ra sự đồng thuận lớn trong xã hội khi đề ra các chính sách đổi mới trong bối cảnh đất nước và quốc tế đang thay đổi mạnh mẽ. Sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn đã giúp Đảng xây dựng được một chiến lược phát triển lâu dài, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.
- **Định hướng cho các giai đoạn phát triển tiếp theo:** Cương lĩnh 1991 đã chỉ ra các định hướng quan trọng cho những giai đoạn phát triển tiếp theo, đặc biệt là trong việc xây dựng cơ sở vật chất và hạ tầng cho nền kinh tế, phát triển nền văn hóa và nâng cao đời sống người dân, tạo tiền đề cho các bước tiếp theo của công cuộc đổi mới.

8. Anh/Chi hãy trình bày quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa trong thời kỳ mới được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996). Qua đó làm rõ trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra các quan điểm, định hướng quan trọng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh mới. Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế đất nước, nhằm xây dựng một nền kinh tế công nghiệp hiện đại, với trọng tâm là tăng cường năng lực sản xuất trong mọi lĩnh vực.

1. Quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại Đại hội VIII

Tại Đại hội VIII, Đảng đã khẳng định rằng **công nghiệp hóa, hiện đại hóa** là một nhiệm vụ trọng yếu của đất nước trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các quan điểm chủ yếu về công nghiệp hóa tại Đại hội VIII có thể tóm tắt như sau:

- **Xây dựng nền công nghiệp hiện đại, phát triển mạnh mẽ công nghiệp chế biến và sản xuất hàng hóa:** Đảng xác định công nghiệp hóa là quá trình quan trọng để xây dựng một nền kinh tế vững mạnh. Công nghiệp chế biến và sản xuất hàng hóa phải là trọng tâm, nhằm thúc đẩy sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng và tạo ra sản phẩm có giá trị cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

- **Công nghiệp hóa gắn liền với phát triển nông nghiệp, thúc đẩy phát triển nông thôn:** Đảng đã chỉ ra rằng công nghiệp hóa không thể tách rời khỏi phát triển nông nghiệp và nông thôn. Cần phải tăng cường đầu tư vào công nghiệp chế biến nông sản, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, tạo việc làm và nâng cao đời sống cho người dân nông thôn.
- **Đổi mới công nghệ và phát triển nguồn nhân lực:** Đảng nhấn mạnh vai trò quan trọng của **khoa học công nghệ** trong công nghiệp hóa. Công nghiệp hóa cần được xây dựng trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại, nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Cùng với đó, cần phải đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ cho sự phát triển của nền công nghiệp.
- **Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa:** Đại hội VIII khẳng định cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân theo hướng công nghiệp hóa, đặc biệt là các ngành công nghiệp mũi nhọn như **công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo, hóa chất, dệt may, và chế biến thực phẩm**. Cùng với đó là việc phát triển **công nghiệp nhẹ** để thúc đẩy sản xuất hàng tiêu dùng trong nước.
- **Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài:** Đảng xác định rằng công nghiệp hóa cần phải gắn liền với việc **hội nhập kinh tế quốc tế** và **thu hút đầu tư nước ngoài**. Điều này sẽ giúp Việt Nam tiếp cận với các công nghệ hiện đại, phát triển hạ tầng và nâng cao năng lực sản xuất, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển mạnh mẽ.

2. Trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Là công dân và một thành viên trong xã hội, mỗi người đều có vai trò và trách nhiệm trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp này có thể được hiểu qua những hành động sau:

- **Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp:** Để đóng góp vào công nghiệp hóa, mỗi người cần không ngừng **học hỏi và nâng cao kỹ năng chuyên môn** của mình. Việc học hỏi kiến thức mới, cải thiện kỹ năng công nghệ và quản lý sẽ giúp tạo ra những giá trị thiết thực cho sự phát triển của ngành công nghiệp trong nước.
- **Ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc:** Trong môi trường làm việc hiện nay, việc **ứng dụng khoa học công nghệ** vào mọi hoạt động là điều cần thiết. Mỗi cá nhân có thể chủ động tìm hiểu và áp dụng công nghệ vào công việc hàng ngày, từ đó nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu lãng phí và tăng cường hiệu quả sản xuất.
- **Hỗ trợ và phát triển các sản phẩm công nghiệp trong nước:** Để thúc đẩy công nghiệp hóa, mỗi người cần quan tâm đến việc **tiêu dùng các sản phẩm nội địa**. Sử dụng hàng hóa sản xuất trong nước không chỉ giúp các ngành công nghiệp phát triển mà còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh.

- **Thúc đẩy tinh thần sáng tạo và khởi nghiệp:** Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập, sự sáng tạo và tinh thần **khởi nghiệp** là rất quan trọng. Mỗi người có thể đóng góp vào công nghiệp hóa bằng cách **tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới**, đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có tiềm năng phát triển, từ đó tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cho xã hội.
- **Tích cực tham gia vào công tác quản lý và phát triển cộng đồng:** Mỗi người cũng cần đóng vai trò trong việc **quản lý và phát triển cộng đồng** thông qua việc hỗ trợ xây dựng các dự án cộng đồng liên quan đến công nghiệp và môi trường. Điều này có thể giúp tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển bền vững của nền công nghiệp trong tương lai.

9. Anh/Chị hãy làm rõ quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được thông qua tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7/1998). Qua đó, hãy nêu trách nhiệm của bản thân để đóng góp vào việc giữ gìn, phát huy, truyền bá các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (7/1998) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra một quan điểm quan trọng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan điểm này nhấn mạnh việc **phát triển nền văn hóa tiên tiến** nhưng phải giữ gìn **bản sắc dân tộc**, nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân và khẳng định vai trò của văn hóa trong việc phát triển toàn diện đất nước.

1. Quan điểm của Đảng về văn hóa tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII

Tại Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Đảng đã xác định những vấn đề cơ bản trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam, với các nội dung chủ yếu như sau:

- **Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:** Đảng khẳng định mục tiêu xây dựng một nền văn hóa không chỉ **tiên tiến** theo xu hướng hiện đại mà còn phải giữ được **bản sắc dân tộc**. Điều này đồng nghĩa với việc phải **bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống** của dân tộc, đồng thời tiếp thu và làm giàu nền văn hóa dân tộc từ các yếu tố hiện đại và tiên bộ của nhân loại.
- **Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội:** Đảng nhận thức rõ rằng văn hóa là yếu tố quan trọng trong việc **xây dựng con người mới**, phát triển xã hội và là động lực thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội phát triển bền vững. Văn hóa đóng vai trò quyết định trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.
- **Chú trọng phát triển văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế:** Đảng cũng đã chỉ ra rằng, trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, văn hóa Việt Nam cần phải **giao lưu và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới** nhưng phải giữ vững được **đặc trưng và giá trị văn hóa dân tộc**, không bị đồng hóa hay mất đi bản sắc.

- **Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của nhân dân:** Đảng chỉ ra rằng một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc phát triển nền văn hóa là **nâng cao đời sống văn hóa tinh thần** của nhân dân, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với các giá trị văn hóa cao đẹp, phát huy nhân tố con người trong công cuộc xây dựng đất nước.
- **Tăng cường vai trò của Đảng và Nhà nước trong việc lãnh đạo, chỉ đạo văn hóa:** Đảng khẳng định vai trò lãnh đạo của mình trong việc **xây dựng và phát triển văn hóa**, qua đó đảm bảo rằng nền văn hóa Việt Nam luôn giữ vững bản sắc và đáp ứng được yêu cầu phát triển của thời đại.

2. Trách nhiệm bản thân trong việc giữ gìn, phát huy, truyền bá các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc là vô cùng quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang hội nhập và phát triển mạnh mẽ. Các hành động cụ thể để đóng góp vào việc này bao gồm:

- **Tự giác học hỏi và trau dồi kiến thức về văn hóa dân tộc:** Mỗi người cần phải **nắm vững và hiểu biết sâu sắc về các giá trị văn hóa truyền thống** của dân tộc như lịch sử, ngôn ngữ, nghệ thuật, phong tục tập quán, tín ngưỡng và các di sản văn hóa. Điều này sẽ giúp cá nhân tự ý thức và phát huy những giá trị văn hóa đó trong cuộc sống hàng ngày.
- **Thực hành các giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống:** Mỗi cá nhân có thể giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống qua các hoạt động như **tôn vinh ngày lễ, Tết cổ truyền**, tham gia vào các hoạt động cộng đồng như lễ hội, bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa, bảo tồn nghề truyền thống, văn hóa ẩm thực và các sinh hoạt văn hóa dân gian.
- **Giữ gìn tiếng nói và chữ viết dân tộc:** Tiếng Việt là một phần không thể thiếu trong bản sắc văn hóa dân tộc. Việc **sử dụng tiếng Việt đúng cách**, gìn giữ và phát triển **chữ viết**, khuyến khích việc **đọc sách và nghiên cứu văn học dân gian** sẽ góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống và thúc đẩy phát triển nền văn hóa Việt Nam.
- **Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật:** Việc tham gia vào các **hoạt động văn hóa nghệ thuật** như ca múa nhạc, biểu diễn nghệ thuật dân gian, diễn xướng, hoặc tham gia các câu lạc bộ, đội nhóm văn hóa là cách hiệu quả để giữ gìn và phát huy những giá trị nghệ thuật truyền thống, đồng thời góp phần vào sự phát triển của nền văn hóa hiện đại.
- **Chủ động bảo vệ văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa:** Trong quá trình hội nhập quốc tế, mỗi cá nhân cần nhận thức được trách nhiệm bảo vệ **bản sắc văn hóa dân tộc** trước sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai. Điều này đòi hỏi mỗi người phải có **sự tinh táo trong việc tiếp thu, chọn lọc các yếu tố văn hóa ngoại lai**, tránh để mất đi bản sắc văn hóa dân tộc.

- **Truyền bá các giá trị văn hóa đến thế hệ trẻ:** Để bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, mỗi người, đặc biệt là những thế hệ đi trước, cần phải **dạy dỗ và truyền đạt lại những giá trị văn hóa** cho thế hệ trẻ. Việc này không chỉ giúp gìn giữ các giá trị văn hóa mà còn góp phần hình thành những thế hệ trẻ có ý thức về bản sắc văn hóa dân tộc.

10. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ bước trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001).

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam là một mốc quan trọng trong sự phát triển của Đảng, đánh dấu bước trưởng thành trong nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội đã đề ra những quan điểm mới, cụ thể và sát thực hơn về con đường phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, qua đó khẳng định sự kiên định mục tiêu xây dựng xã hội chủ nghĩa nhưng cũng đồng thời nhấn mạnh các yếu tố thực tiễn, linh hoạt trong quá trình phát triển.

1. Nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội IX

Trong Đại hội IX, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra những bước phát triển quan trọng trong nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam đã bắt đầu triển khai mạnh mẽ công cuộc đổi mới. Những nhận thức chủ yếu về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội IX có thể tóm tắt như sau:

- **Xác định rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội:** Đảng khẳng định con đường phát triển của Việt Nam là **xây dựng chủ nghĩa xã hội**, với mục tiêu xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Tuy nhiên, trong bối cảnh của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng nhấn mạnh rằng Việt Nam phải kết hợp linh hoạt các yếu tố từ **cơ chế thị trường** với **quản lý của nhà nước**, đồng thời giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.
- **Điều chỉnh và đổi mới mạnh mẽ trong phát triển kinh tế:** Đại hội IX đã nhận thức rõ rằng **xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa** là con đường phù hợp trong bối cảnh đất nước đang hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, quá trình phát triển phải **đảm bảo lợi ích của nhân dân, tăng trưởng bền vững**, phát triển công bằng và bảo vệ lợi ích quốc gia.
- **Đổi mới toàn diện và đồng bộ về chính trị, kinh tế, xã hội:** Đại hội đã nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng một **nền chính trị ổn định, dân chủ** trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, cần phát triển **nền kinh tế phát triển cao**, giải quyết các vấn đề xã hội như giáo dục, y tế, môi trường, và bảo đảm **công bằng xã hội** cho mọi người dân.
- **Đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội:** Đại hội IX cho thấy sự thay đổi trong tư duy của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã đi qua nhiều giai

đoạn thử thách, từ việc áp dụng các mô hình kế hoạch hóa tập trung, đến việc áp dụng cơ chế thị trường với vai trò của nhà nước. Đây là sự phát triển nhận thức về cách thức xây dựng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam và xu hướng phát triển của thế giới.

2. Những bước trưởng thành trong nhận thức của Đảng

Đại hội IX đánh dấu sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thể hiện qua các bước quan trọng sau:

- **Chuyển từ mô hình kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:** Trước Đại hội IX, Đảng đã nhận thức rằng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung không còn phù hợp trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Đại hội IX khẳng định sự cần thiết của việc xây dựng một nền **kinh tế thị trường hiện đại**, với sự điều tiết của Nhà nước, tạo điều kiện cho các lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ.
- **Đè cao vai trò của yếu tố con người và phát triển xã hội:** Một bước trưởng thành trong nhận thức của Đảng là sự tập trung vào yếu tố **con người** trong phát triển xã hội chủ nghĩa. Đại hội IX khẳng định rằng phát triển con người là mục tiêu chính trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều này đòi hỏi đầu tư vào **giáo dục, y tế, và đảm bảo đời sống tinh thần** của nhân dân, từ đó xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.
- **Hòa nhập với xu thế toàn cầu hóa nhưng giữ vững bản sắc dân tộc:** Đại hội IX cũng nhấn mạnh về việc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đảng khẳng định rằng Việt Nam phải **hòa nhập và học hỏi các giá trị tiên tiến** từ thế giới, nhưng đồng thời bảo vệ và phát huy **bản sắc văn hóa dân tộc**. Nhận thức này là bước tiến quan trọng trong việc xây dựng một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đặc sắc, phù hợp với điều kiện của đất nước.

3. Ý nghĩa của sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng

Sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng tại Đại hội IX có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam, bao gồm:

- **Giúp Đảng định hướng đúng đắn trong công cuộc đổi mới:** Sự nhận thức rõ ràng và linh hoạt trong việc kết hợp chủ nghĩa xã hội với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ sở để Đảng đưa ra những chủ trương phù hợp trong công cuộc đổi mới đất nước. Điều này đã giúp Việt Nam vượt qua nhiều thách thức, đẩy mạnh phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.
- **Tăng cường sự ổn định chính trị và xã hội:** Việc xác định rõ ràng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội giúp Đảng củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo ra một nền tảng chính trị vững chắc cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.
- **Khẳng định sự linh hoạt, sáng tạo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội:** Đại hội IX đã chỉ rõ rằng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải là một mô hình cứng nhắc, mà phải được xây dựng một

cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của đất nước, trong đó yếu tố đổi mới sáng tạo và áp dụng thực tiễn là yếu tố quan trọng.

11. Anh/Chi hãy trình bày đặc trưng mô hình xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được thông qua tại Đại hội toàn quốc lần thứ X (4-2006) và chỉ ra những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam (4-2006) là một cột mốc quan trọng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tại Đại hội này, Đảng đã khẳng định những đặc trưng cơ bản của mô hình xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng. Các đặc trưng này phản ánh sự phát triển và định hướng trong xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, phù hợp với thực tiễn và nhu cầu phát triển của đất nước.

1. Các đặc trưng của mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Đại hội X

Mô hình xã hội chủ nghĩa mà Đại hội X xác định có những đặc trưng nổi bật sau:

- **Kinh tế phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế:** Đại hội X xác định việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là con đường phát triển. Trong đó, Đảng nhấn mạnh sự cần thiết phát triển nền kinh tế năng động, sáng tạo, có sức cạnh tranh cao, đồng thời bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững. Điều này không chỉ nhằm tăng trưởng kinh tế mà còn bảo vệ lợi ích quốc gia và phát triển công bằng xã hội.
- **Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quyền lực của nhân dân:** Xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Đại hội X hướng đến phải tiếp tục giữ vững và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đồng thời bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Đại hội khẳng định rằng Đảng phải lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội, nhưng quyền lợi và nguyện vọng của nhân dân luôn được đặt lên hàng đầu.
- **Công bằng xã hội và cải thiện đời sống nhân dân:** Một trong những đặc trưng quan trọng của mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam là **công bằng xã hội**. Đảng cam kết xây dựng một xã hội không có phân biệt giai cấp, bảo đảm sự công bằng trong phân phối của cải, tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người. Đặc biệt, Đại hội X nhấn mạnh việc **cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân**, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế trong xã hội.
- **Phát triển văn hóa, giáo dục và con người:** Đảng xác định **phát triển con người** là yếu tố trung tâm trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội X đề ra mục tiêu xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo vệ và phát huy các giá trị truyền thống, đồng thời khuyến khích sự phát triển sáng tạo của con người, tăng cường giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí.

- **An ninh quốc phòng và giữ vững độc lập, chủ quyền:** Đại hội X đặc biệt nhấn mạnh việc bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, cũng có quốc phòng, an ninh để phát triển kinh tế - xã hội. Đặc trưng này phản ánh quan điểm của Đảng về việc xây dựng một nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và sự ổn định chính trị.

2. Khó khăn và thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng quá trình này vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức lớn, bao gồm:

- **Tác động của quá trình toàn cầu hóa:** Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mang lại nhiều cơ hội, nhưng cũng tạo ra những thách thức lớn đối với nền kinh tế Việt Nam. Các yếu tố như **cạnh tranh quốc tế, biến động giá cả toàn cầu và sự phụ thuộc vào nền kinh tế thế giới** khiến Việt Nam phải đổi mới với nguy cơ bị chi phối bởi các yếu tố bên ngoài. Điều này đặt ra yêu cầu cho Việt Nam phải vừa mở cửa, vừa bảo vệ lợi ích quốc gia và phát triển bền vững.
- **Chênh lệch giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội:** Một trong những thách thức lớn trong xây dựng xã hội chủ nghĩa là vấn đề **bất bình đẳng xã hội**. Mặc dù đã có nhiều chính sách an sinh xã hội, nhưng khoảng cách giàu nghèo, giữa các vùng miền, các nhóm dân tộc vẫn còn lớn. Điều này cần được giải quyết để đảm bảo công bằng xã hội thực sự, giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo.
- **Chất lượng nguồn nhân lực và công nghiệp hóa, hiện đại hóa:** Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã phát triển nhanh chóng, nhưng chất lượng nguồn nhân lực vẫn còn hạn chế. Việt Nam đang đối mặt với thách thức về **hệ thống giáo dục, kỹ năng lao động, và năng suất lao động** thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực và thế giới. Điều này ảnh hưởng đến quá trình **công nghiệp hóa, hiện đại hóa** đất nước.
- **Công tác xây dựng Đảng và tăng cường kỷ luật, kỷ cương:** Công tác xây dựng Đảng và chỉnh đốn Đảng tiếp tục là vấn đề quan trọng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặc dù Đảng đã đạt được những thành tựu lớn trong việc lãnh đạo đất nước, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề về **tham nhũng, lãng phí, vi phạm kỷ luật Đảng**. Những yếu kém này cần phải được khắc phục để đảm bảo Đảng lãnh đạo đất nước vững mạnh.
- **Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:** Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh chóng cũng đặt ra những thách thức về **bảo vệ môi trường**. Các vấn đề như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, và sử dụng tài nguyên không bền vững đòi hỏi Việt Nam phải xây dựng các chính sách phát triển bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với thiên nhiên.

12. Anh/Chi hãy trình bày những điểm bổ sung, phát triển của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua lần đầu tiên vào năm 1991 và đã có những bổ sung, phát triển quan trọng vào năm 2011. Những thay đổi này phản ánh sự phát triển trong nhận thức của Đảng về quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới. Sau đây là những điểm bổ sung, phát triển chính của Cương lĩnh năm 2011 so với Cương lĩnh năm 1991:

1. **Bổ sung về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

- **Cương lĩnh 1991:** Đề cập đến việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng chủ yếu khẳng định đây là con đường cần thiết để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời tập trung vào việc phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn quá độ.
- **Cương lĩnh 2011:** Bổ sung và làm rõ hơn về vai trò của **kinh tế thị trường**, đặc biệt là sự kết hợp giữa **kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế khác**, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Cương lĩnh mới nhấn mạnh việc phát triển nền kinh tế theo hướng **hội nhập quốc tế và đa dạng hóa các hình thức sở hữu** nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, bền vững, đồng thời nâng cao năng suất lao động, hiệu quả và sức cạnh tranh quốc gia.

2. **Nhấn mạnh tầm quan trọng của đổi mới sáng tạo và khoa học công nghệ**

- **Cương lĩnh 1991:** Đề cập đến việc phát triển các ngành công nghiệp, xây dựng cơ sở vật chất, phát triển sản xuất, nhưng chưa chú trọng nhiều đến đổi mới sáng tạo và khoa học công nghệ.
- **Cương lĩnh 2011:** Bổ sung một nội dung quan trọng về **đổi mới sáng tạo và phát triển khoa học công nghệ** như một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Cương lĩnh 2011 xác định vai trò của **khoa học công nghệ** trong việc nâng cao năng suất lao động, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. **Mở rộng và làm rõ về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và bảo vệ quyền con người**

- **Cương lĩnh 1991:** Đề cập đến mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhưng chưa làm rõ những yêu cầu cụ thể trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và bảo vệ quyền con người.
- **Cương lĩnh 2011:** Bổ sung một cách rõ ràng về **xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa**, bảo đảm **quyền con người**, quyền tự do, bình đẳng, quyền làm chủ của nhân dân. Đặc biệt, Cương lĩnh 2011 nêu rõ việc xây dựng một hệ thống pháp luật công bằng, minh bạch và bảo vệ quyền lợi của công dân, từ đó củng cố nền tảng chính trị, phát huy dân chủ, góp phần xây dựng xã hội công bằng, văn minh.

4. **Đề cao tính toàn diện trong việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ**

- **Cương lĩnh 1991:** Tập trung vào việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và bảo vệ độc lập, chủ quyền, nhưng chủ yếu trong khuôn khổ bảo vệ nền tảng chính trị, bảo vệ xã hội chủ nghĩa.
- **Cương lĩnh 2011:** Cương lĩnh bổ sung các nội dung liên quan đến **bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ** trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, đối phó với các nguy cơ an ninh phi truyền thống như **biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, và an ninh năng lượng**. Cương lĩnh 2011 làm rõ hơn sự kết hợp giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng để bảo vệ chủ quyền quốc gia trong tình hình mới.

5. **Phát triển mạnh mẽ về lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường**

- **Cương lĩnh 1991:** Chú trọng đến phát triển văn hóa, nhưng chưa thể hiện đầy đủ về bảo vệ môi trường và phát triển xã hội toàn diện.
- **Cương lĩnh 2011:** Làm rõ hơn việc **phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**, gắn với **bảo vệ môi trường** và **phát triển bền vững**. Cương lĩnh mới nhấn mạnh **phát triển con người**, chú trọng đến **công bằng xã hội, giảm nghèo**, và **phát triển các dịch vụ công** (giáo dục, y tế) với mục tiêu nâng cao chất lượng sống của người dân. Bên cạnh đó, bảo vệ môi trường, ứng phó với **biến đổi khí hậu** và phát triển bền vững cũng là yêu tố trọng tâm.

6. **Đề cao yếu tố hội nhập quốc tế và quan hệ đối ngoại**

- **Cương lĩnh 1991:** Đề cập đến việc xây dựng quan hệ quốc tế nhưng chủ yếu tập trung vào việc bảo vệ độc lập, chủ quyền và đấu tranh chống đế quốc.
- **Cương lĩnh 2011:** Cương lĩnh bổ sung nội dung quan trọng về **hội nhập quốc tế, đẩy mạnh hợp tác kinh tế** và tham gia **các tổ chức quốc tế**. Đặc biệt, Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh **sự cần thiết phải chủ**

động hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập.

13. Anh/Chi hãy trình bày một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay được thể hiện thông qua Nghị quyết số 12-NQ/TW do Hội nghị Trung ương 4 khóa XI ban hành ngày 16/1/2012. Qua đó, hãy đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay.

Nghị quyết số 12-NQ/TW được ban hành tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XI nhằm đề ra các giải pháp cấp bách để xây dựng Đảng, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi mà Đảng đang đổi mới với nhiều khó khăn và thách thức. Dưới đây là một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng mà Nghị quyết đã chỉ rõ:

1. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên

- Nguyên nhân:** Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, có những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Điều này ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, làm giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.
- Hậu quả:** Tình trạng này không chỉ làm giảm hiệu quả công tác Đảng, mà còn ảnh hưởng đến việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng trong thực tế.

2. Tình trạng tham nhũng, lãng phí và tiêu cực trong cán bộ, đảng viên

- Nguyên nhân:** Một số cán bộ, đảng viên lợi dụng quyền lực để tham nhũng, gây thất thoát tài sản của Nhà nước, làm xói mòn niềm tin của nhân dân vào Đảng.
- Hậu quả:** Tham nhũng, lãng phí làm cản trở quá trình phát triển kinh tế, gây bất bình trong xã hội, và làm suy yếu năng lực lãnh đạo của Đảng.

3. Yếu kém trong công tác kiểm tra, giám sát

- Nguyên nhân:** Công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng chưa thực sự mạnh mẽ, chưa kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm của cán bộ, đảng viên.
- Hậu quả:** Điều này tạo ra môi trường dung túng cho những hành vi vi phạm, làm mất đi tính kỷ luật trong Đảng.

4. Tình trạng yếu kém trong công tác tổ chức, cán bộ

- Nguyên nhân:** Việc bổ nhiệm, tuyển chọn cán bộ còn thiếu minh bạch, có sự chênh choạc trong công tác phát hiện và đào tạo cán bộ.
- Hậu quả:** Các cán bộ thiếu phẩm chất, năng lực, không đủ khả năng lãnh đạo, quản lý, dẫn đến hiệu quả công việc thấp.

Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay

Để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong bối cảnh hiện nay, Nghị quyết số 12-NQ/TW đã đề ra một số giải pháp sau:

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

- Đẩy mạnh việc **học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**, tổ chức các lớp huấn luyện, đào tạo để giúp đảng viên nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình đối với Đảng và nhân dân.
- Thực hiện nghiêm túc công tác **giáo dục chính trị** trong Đảng, tập trung vào việc cung cấp lý tưởng cách mạng, đạo đức cách mạng cho đảng viên, đặc biệt là thế hệ trẻ trong Đảng.

2. Kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện suy thoái, tham nhũng trong Đảng

- Thực hiện các biện pháp mạnh mẽ và kiên quyết để **đẩy lùi tham nhũng** và **tiêu cực** trong Đảng, đặc biệt là thông qua **kiểm tra, giám sát** chặt chẽ việc thực hiện các quy định của Đảng và pháp luật.
- Thúc đẩy **xử lý kỷ luật nghiêm minh** đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi sai phạm, đặc biệt là tham nhũng, lãng phí.

3. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ

- Tuyển chọn cán bộ** một cách công tâm, minh bạch, đảm bảo các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực thực tiễn.
- Xây dựng và triển khai **chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ** phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chú trọng đến phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ trong hệ thống Đảng.

- Cải tiến công tác **kiểm tra, giám sát** cán bộ, đảng viên, đặc biệt là trong việc đánh giá năng lực, phẩm chất và đạo đức.

4. Nâng cao vai trò của tổ chức Đảng trong mọi lĩnh vực

- Đẩy mạnh công tác **tổ chức xây dựng Đảng**, không chỉ ở các cấp Đảng, mà còn nâng cao vai trò của các tổ chức Đảng trong doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị và tổ chức xã hội.
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đó tạo sự đồng thuận trong Đảng và nhân dân.

5. Đổi mới công tác phát triển đảng viên

- Chú trọng phát triển đảng viên** từ các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, công nhân, nông dân, trí thức, những người có đủ phẩm chất và năng lực.
- Đảm bảo công tác **phát triển đảng viên** phải luôn đi đôi với việc **nâng cao chất lượng** đảng viên, không chạy theo số lượng mà bỏ qua chất lượng.

14. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (6/2014). Qua đó, làm rõ đóng góp của bản thân vào việc xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp.

Tại **Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (6/2014)**, Đảng đã xác định những quan điểm chỉ đạo quan trọng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Các quan điểm này không chỉ nhấn mạnh sự phát triển kinh tế mà còn đặc biệt chú trọng đến yêu tố văn hóa, con người như một nền tảng của sự phát triển bền vững.

1. Văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực phát triển đất nước

Đảng khẳng định rằng **văn hóa** là nền tảng tinh thần của xã hội, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp khích lệ cho toàn dân tộc và phát huy mạnh mẽ các nguồn lực trong công cuộc phát triển đất nước. Cải cách văn hóa sẽ góp phần **nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**, đặc biệt là phát triển con người toàn diện, từ đó đáp ứng được yêu cầu của phát triển bền vững.

2. Phát triển con người là yếu tố quyết định, trọng tâm của phát triển văn hóa

Một trong những mục tiêu cốt lõi trong chiến lược xây dựng và phát triển văn hóa là **phát triển con người toàn diện**. Điều này bao gồm việc **nâng cao đạo đức, tri thức, năng lực sáng tạo và lối sống văn minh**, góp phần tạo ra những công dân có nhân cách tốt, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

3. Đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Đảng chủ trương xây dựng một **nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**. Điều này không chỉ thể hiện qua việc bảo tồn các giá trị truyền thống mà còn phải kết hợp với **sự tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại**. Việc phát huy các giá trị văn hóa sẽ giúp tạo dựng một xã hội phát triển hài hòa giữa phát triển kinh tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Phát huy vai trò của gia đình trong xây dựng con người mới

Đảng cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của gia đình trong việc **giáo dục và hình thành nhân cách** cho con người. Gia đình được xem là **ngôi trường đầu tiên** giáo dục những giá trị đạo đức, truyền thống tốt đẹp và **lối sống văn minh** cho thế hệ trẻ.

5. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Để phát triển văn hóa bền vững, Đảng đề ra yêu cầu cần tạo ra **môi trường văn hóa lành mạnh** trong các lĩnh vực như giáo dục, truyền thông, văn học nghệ thuật. Cùng với đó, việc **ngăn chặn các tệ nạn xã hội** và **phòng chống các hành vi xấu** trong đời sống xã hội là rất cần thiết để bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp.

Đóng góp của bản thân vào việc xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp

Trong bối cảnh quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng văn hóa và con người Việt Nam, mỗi cá nhân đều có thể đóng góp vào việc **xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp** theo các cách thức sau:

1. Rèn luyện phẩm hạnh và đạo đức cá nhân

Mỗi cá nhân cần **nâng cao nhận thức về đạo đức**, chủ động rèn luyện phẩm chất, **đạo đức** trong công việc và cuộc sống, luôn thực hiện các giá trị cốt lõi như **chân, thiện, mĩ**, đồng thời xây dựng lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết.

2. Tự học và phát triển bản thân

Mỗi người có trách nhiệm **phát triển bản thân về tri thức** và năng lực chuyên môn, từ đó đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và đất nước. Tinh thần cầu tiến, học hỏi không ngừng sẽ giúp tạo ra một xã hội năng động, sáng tạo.

3. Tích cực tham gia hoạt động cộng đồng

Để góp phần vào việc xây dựng văn hóa tốt đẹp trong xã hội, cần tích cực tham gia các hoạt động xã hội, văn hóa và cộng đồng, đóng góp vào các công tác thiêng nguyệt, bảo vệ môi trường, tuyên truyền các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống.

4. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Mỗi cá nhân có thể **bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc** thông qua việc **gìn giữ các truyền thống tốt đẹp**, học hỏi và thực hành những phong tục, tập quán, các nghi lễ văn hóa đặc sắc của dân tộc.

5. Phát huy trách nhiệm trong gia đình

Đặc biệt, trong gia đình, chúng ta cần chú trọng việc **dạy dỗ con cái**, giáo dục thế hệ trẻ về **đạo đức, nhân cách, tình yêu đất nước** và tinh thần **tôn trọng các giá trị văn hóa**. Gia đình chính là yếu tố quan trọng trong việc tạo dựng nhân cách, hình thành lối sống văn hóa cho mỗi cá nhân.

15. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được thông qua tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013). Để đáp ứng với yêu cầu trên, sinh viên cần làm gì?

Tại **Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013)**, Đảng đã đề ra các quan điểm chỉ đạo về việc **đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo** nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Những quan điểm này đều hướng đến mục tiêu phát triển con người toàn diện, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. Đổi mới phương thức giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực

Đảng chủ trương **đổi mới phương thức giáo dục** từ việc chỉ tập trung vào truyền đạt kiến thức sang việc **phát triển phẩm chất, năng lực** của người học. Điều này đồng nghĩa với việc giáo dục cần khuyến khích sự sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và phát triển tư duy độc lập cho học sinh, sinh viên. Quan điểm này yêu cầu phải **gắn giáo dục với thực tiễn cuộc sống**, tạo ra những con người có thể đối mặt với các thách thức trong xã hội hiện đại.

2. Đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống giáo dục

Đảng chỉ đạo việc **xây dựng hệ thống giáo dục đồng bộ** từ giáo dục mầm non, tiểu học đến trung học, đại học và giáo dục nghề nghiệp, trong đó các cấp học phải bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau. Đồng thời, cần xây dựng một chương trình giáo dục vừa đảm bảo yêu cầu **chuẩn hóa** vừa phải **linh hoạt** để phù hợp với đặc thù từng vùng miền và nhu cầu phát triển xã hội.

3. Tăng cường tính liên thông giữa giáo dục và thị trường lao động

Đảng nhấn mạnh cần **tăng cường kết nối giữa giáo dục và nhu cầu thị trường lao động**, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các ngành nghề trọng điểm phục vụ sự phát triển kinh tế của đất nước. Hệ thống giáo dục cần gắn với **đổi mới công nghệ**, sáng tạo và **khả năng thích ứng với thay đổi** của thị trường lao động trong nền kinh tế toàn cầu hóa.

4. Phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa

Đảng chỉ ra rằng việc phát triển giáo dục ở các **vùng sâu, vùng xa** là một yếu tố then chốt trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực toàn diện của đất nước. Đảng yêu cầu các cấp chính quyền và các cơ quan liên quan phải tạo ra **cơ hội giáo dục công bằng** cho tất cả mọi người, đặc biệt là ở các vùng còn khó khăn.

5. Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ năng lực và phẩm chất

Một trong những quan điểm quan trọng là cần **nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên**. Đảng chỉ đạo việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, đảm bảo giáo viên không chỉ có **chuyên môn vững vàng** mà còn có

phẩm chất đạo đức tốt, khả năng tiếp cận phương pháp giảng dạy hiện đại, giúp học sinh phát triển toàn diện.

6. Đảm bảo sự phát triển toàn diện của người học

Đảng yêu cầu giáo dục phải không chỉ chú trọng đến **phát triển trí tuệ** mà còn phải chú trọng đến **phát triển thể chất, đạo đức và nhân cách** của học sinh, sinh viên. Giáo dục cần tạo ra những con người có **tâm hồn trong sáng, lòng yêu nước, và tinh thần đoàn kết** trong xã hội.

Để đáp ứng với yêu cầu trên, sinh viên cần làm gì?

Để đáp ứng yêu cầu của việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, sinh viên cần thực hiện một số hành động cụ thể để phát triển toàn diện bản thân và đóng góp vào sự nghiệp đổi mới giáo dục:

1. Chủ động học hỏi và nâng cao kiến thức

Sinh viên cần chủ động học tập, không chỉ học theo sách vở mà cần **phát triển tư duy sáng tạo**, tìm hiểu thông tin mới từ nhiều nguồn khác nhau và áp dụng kiến thức vào thực tế. Việc nâng cao **kỹ năng tự học** sẽ giúp sinh viên thích ứng nhanh chóng với môi trường học tập và làm việc thay đổi liên tục.

2. Rèn luyện phẩm chất đạo đức và nhân cách

Sinh viên cần xây dựng **lối sống có trách nhiệm**, trung thực, tôn trọng người khác và có **ý thức cộng đồng**. Bên cạnh việc học tập, sinh viên cũng nên tích cực tham gia các hoạt động **xã hội, tình nguyện**, giúp đỡ cộng đồng để rèn luyện **phẩm hạnh**, nâng cao **nhận thức đạo đức** và đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

3. Tăng cường kỹ năng mềm

Để đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, sinh viên cần **rèn luyện các kỹ năng mềm** như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và khả năng lãnh đạo. Đây là những kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể **hoàn thiện bản thân** và trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai.

4. Định hướng nghề nghiệp rõ ràng

Sinh viên cần có **kế hoạch phát triển nghề nghiệp** rõ ràng ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Việc định hướng nghề nghiệp giúp sinh viên chủ động trong việc học tập, chọn lựa ngành nghề phù hợp với năng lực và sở thích cá nhân, qua đó tăng cơ hội việc làm và đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng tạo

Sinh viên nên tích cực tham gia các **hoạt động nghiên cứu khoa học**, tìm hiểu những vấn đề thực tiễn trong xã hội, từ đó **phát triển khả năng sáng tạo**. Các hoạt động này không chỉ giúp sinh viên nâng cao kiến thức mà còn rèn luyện **khả năng giải quyết vấn đề** và **tư duy phản biện**.

16. Anh/Chi hãy trình bày sáu nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới được thông qua tại Đại hội XII (1/2016). Để phát huy nhân tố con người, sinh viên cần phải làm gì?

Tại **Đại hội XII (1/2016)**, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra **sáu nhiệm vụ trọng tâm** nhằm đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới đất nước trong giai đoạn mới. Các nhiệm vụ này là cần cù để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo ổn định chính trị và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- **Đẩy mạnh xây dựng hệ thống thể chế**, pháp luật phục vụ cho phát triển kinh tế, đặc biệt là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảm bảo quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển và tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh.

2. Tăng cường đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính và xây dựng nhà nước pháp quyền

- Đảng chỉ đạo việc **tiếp tục đổi mới sáng tạo**, cải cách hành chính, xây dựng một chính phủ điện tử minh bạch, hiệu quả. Cải cách hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước phải phù hợp với yêu cầu thực tiễn và phát triển của xã hội.

3. Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- **Đầu tư vào khoa học công nghệ**, phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao. Đẩy mạnh việc **chuyển đổi số**, xây dựng nền kinh tế số, khai thác các tiềm năng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để tạo ra đột phá trong phát triển kinh tế.
 - 4. **Tăng cường hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế quốc gia**
 - Đẩy mạnh **hội nhập quốc tế** sâu rộng, tham gia vào các tổ chức kinh tế, chính trị quốc tế. Đồng thời, nâng cao **vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam** trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo lợi ích quốc gia trong các thỏa thuận quốc tế.
 - 5. **Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**
 - **Đổi mới căn bản giáo dục** và đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực **chất lượng cao**, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế thị trường hiện đại. Đảm bảo người dân có đủ kỹ năng, kiến thức để tham gia vào nền kinh tế tri thức và phát triển bền vững.
 - 6. **Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân**
 - Tạo ra những **chính sách phát triển xã hội**, chăm lo đời sống người dân, giảm nghèo bền vững, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm sóc đối tượng yếu thế trong xã hội. Đồng thời, đẩy mạnh công tác **xây dựng văn hóa và đạo đức xã hội**, phát huy các giá trị nhân văn.
-

Để phát huy nhân tố con người, sinh viên cần phải làm gì?

Sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc đổi mới, bởi vì họ là **nguồn nhân lực chất lượng cao** trong tương lai. Để phát huy nhân tố con người trong công cuộc đổi mới, sinh viên cần thực hiện các bước sau:

1. Nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu

Sinh viên cần chủ động trong việc **học tập, nghiên cứu khoa học**, không chỉ học theo chương trình chính thức mà còn tìm hiểu, cập nhật các xu hướng phát triển mới, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học công nghệ, quản lý, và các lĩnh vực liên quan đến phát triển xã hội. **Tư duy sáng tạo** và khả năng **giải quyết vấn đề** là những yếu tố quan trọng mà sinh viên cần rèn luyện.

2. Rèn luyện phẩm chất đạo đức và nhân cách

Sinh viên cần xây dựng **phẩm chất đạo đức** vững vàng, sống có lý tưởng, **trách nhiệm với cộng đồng** và với xã hội. Việc **tu dưỡng đạo đức, trung thực, tôn trọng pháp luật** và các giá trị văn hóa sẽ giúp sinh viên không chỉ thành công trong học tập mà còn trong công việc và cuộc sống.

3. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội

Sinh viên cần tham gia vào các **hoạt động tình nguyện, xã hội, và công tác cộng đồng** để không chỉ phát triển kỹ năng mềm mà còn rèn luyện phẩm chất và **nâng cao tinh thần trách nhiệm** đối với xã hội. Các hoạt động này cũng giúp sinh viên hiểu rõ hơn về thực tế đời sống và nhu cầu của cộng đồng, từ đó có thể đóng góp những giải pháp thiết thực.

4. Định hướng nghề nghiệp và phát triển kỹ năng

Sinh viên cần có **kế hoạch phát triển nghề nghiệp rõ ràng** ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, sinh viên cần chủ động **rèn luyện kỹ năng mềm**, như **giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian**, và đặc biệt là **kỹ năng thích ứng** với môi trường làm việc thay đổi nhanh chóng.

5. Tư duy toàn cầu, sáng tạo trong công việc

Sinh viên cần có **tư duy toàn cầu**, hiểu rõ các vấn đề toàn cầu và vai trò của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Đồng thời, sinh viên cần phát huy **khả năng sáng tạo**, đặc biệt là trong việc áp dụng các kiến thức vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

6. Tích cực học hỏi và đổi mới bản thân

Sinh viên cần liên tục **học hỏi, đổi mới** **tư duy** để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện đại. Cùng với đó, **kỹ năng tự học** và khả năng **đón nhận thay đổi** là rất quan trọng trong quá trình phát triển nghề nghiệp.

17. Anh/Chi hãy trình bày quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới của Đảng tại Đại hội XIII (2021). Để “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước,

khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, trách nhiệm tiên phong của bản thân và sinh viên Việt Nam hiện nay là gì?

Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2021) đã đưa ra **quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới** với những định hướng rõ ràng nhằm xây dựng một **Việt Nam độc lập, tự cường, phồn vinh, hạnh phúc**. Các quan điểm trọng tâm bao gồm:

1. **Đảm bảo độc lập, tự chủ trong phát triển quốc gia**
 - Đảng khẳng định **độc lập tự chủ** là nguyên tắc xuyên suốt trong phát triển đất nước, đồng thời cần **tăng cường hội nhập quốc tế** để tận dụng cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực công nghệ cao, khoa học và đổi mới sáng tạo.
2. **Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với phát triển bền vững**
 - Phát triển **kinh tế theo hướng bền vững**, tập trung vào **nền kinh tế số**, công nghệ cao và phát triển mạnh các ngành công nghiệp chiến lược. Đảm bảo một nền **kinh tế tự chủ**, khắc phục sự phụ thuộc vào các yếu tố ngoại cảnh, bảo đảm **an ninh năng lượng, tài nguyên**.
3. **Tạo ra môi trường xã hội hài hòa, công bằng và dân chủ**
 - Đảng nhấn mạnh **phát triển con người** là trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia, với những giải pháp để bảo đảm **chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần** cho người dân, bảo vệ quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người nghèo và những đối tượng yếu thế.
4. **Đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia**
 - Đảng chỉ đạo **tiếp tục hoàn thiện thể chế**, cải cách hành chính, xây dựng **chính phủ điện tử**, chống tham nhũng và xây dựng một **nền hành chính trong sạch**, hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.
5. **Phát huy mạnh mẽ khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc**
 - Đảng kêu gọi **toàn thể dân tộc** đoàn kết, phát huy **khát vọng phát triển** đất nước thịnh vượng, hạnh phúc. Đặc biệt là khuyến khích người dân, nhất là lớp trẻ, tham gia vào quá trình đổi mới và phát triển đất nước.
6. **Nâng cao vị thế quốc gia trong cộng đồng quốc tế**
 - Đảng khẳng định mục tiêu **tăng cường hội nhập quốc tế** để nâng cao **vị thế đất nước**, tiếp tục phát triển quan hệ đối ngoại trên cơ sở **đoàn kết, hợp tác quốc tế**, bảo vệ lợi ích quốc gia, giữ gìn an ninh quốc gia và hòa bình khu vực.

Trách nhiệm tiên phong của bản thân và sinh viên Việt Nam hiện nay

Để “**khoi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc**”, trách nhiệm của mỗi cá nhân, đặc biệt là **sinh viên** trong thời kỳ mới rất quan trọng. Dưới đây là một số trách nhiệm cụ thể mà sinh viên Việt Nam cần thực hiện:

1. Học tập và nâng cao trình độ chuyên môn

Sinh viên cần **nâng cao chất lượng học tập**, không ngừng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Việc **phát triển năng lực cá nhân**, đặc biệt trong các ngành mũi nhọn như công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật, y tế, sẽ đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế quốc gia.

2. Phát huy tinh thần sáng tạo và khởi nghiệp

Sinh viên cần chủ động **phát triển ý tưởng sáng tạo**, nghiên cứu khoa học, và khởi nghiệp. **Tinh thần đổi mới sáng tạo** là động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Sinh viên có thể tham gia vào các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, và nghiên cứu khoa học để đóng góp vào **cuộc phát triển nền kinh tế số, công nghệ cao, môi trường xanh, và năng lượng tái tạo**.

3. Đề cao đạo đức, bản lĩnh chính trị và ý thức trách nhiệm

Sinh viên cần rèn luyện **đạo đức, bản lĩnh chính trị**, gắn kết với các giá trị văn hóa dân tộc. Cần có ý thức rõ ràng về **trách nhiệm công dân**, bảo vệ lợi ích quốc gia và dân tộc, tham gia vào các hoạt động **xã hội, cộng đồng** để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

4. Gắn kết giữa học tập và công hiến cho cộng đồng

Sinh viên cần tích cực tham gia vào các hoạt động **xã hội, từ thiện, tình nguyện**, góp phần giải quyết các vấn đề của cộng đồng. Đặc biệt, sinh viên có thể tham gia vào các chiến dịch **tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người nghèo, và phát triển nông thôn**. Những hành động này không chỉ góp phần phát triển cộng đồng mà còn giúp sinh viên hình thành phẩm chất và đạo đức cao đẹp.

5. Tích cực học hỏi, mở rộng tầm nhìn quốc tế

Sinh viên cần **mở rộng tầm nhìn quốc tế**, tiếp thu các xu hướng phát triển toàn cầu, tham gia vào các chương trình trao đổi văn hóa, hợp tác quốc tế để **nâng cao hiểu biết về thế giới**, từ đó vận dụng vào phát triển đất nước.

6. Chủ động tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Sinh viên không chỉ học tập mà còn phải có **tinh thần công hiến**, giúp đỡ những người khó khăn, đóng góp vào các dự án phát triển **kinh tế, văn hóa, xã hội** của đất nước. Tinh thần yêu nước và khát vọng phát triển mạnh mẽ đất nước cần được thể hiện rõ nét qua từng hành động cụ thể của sinh viên.

18. Anh/Chị hãy trình bày những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay. Qua đó, anh/chị tâm đắc nhất bài học nào? Vì sao?

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) cho đến nay, qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và giành được những thành tựu quan trọng. Sau đây là những **bài học lớn** mà Đảng rút ra từ quá trình lãnh đạo cách mạng:

1. Bài học về sự kiên định và linh hoạt trong chiến lược cách mạng

Đảng ta luôn kiên định mục tiêu **độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**, nhưng cũng rất linh hoạt trong việc điều chỉnh chiến lược cách mạng tùy theo từng hoàn cảnh lịch sử. Chẳng hạn, trong giai đoạn **1930-1945**, Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc với sự sáng tạo trong việc lựa chọn phương pháp đấu tranh, từ **đấu tranh chính trị** đến **khởi nghĩa vũ trang**. Khi chiến tranh diễn ra, Đảng đã linh hoạt thay đổi chiến lược phù hợp với tình hình, chẳng hạn như **chiến lược kháng chiến chống Pháp**, rồi đến **kháng chiến chống Mỹ**.

2. Bài học về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc

Một trong những yếu tố quyết định thành công trong quá trình lãnh đạo cách mạng là **khối đại đoàn kết dân tộc**. Đảng luôn coi trọng việc **tập hợp lực lượng** từ nhiều tầng lớp nhân dân, bảo đảm sự đồng thuận của toàn xã hội trong mọi cuộc đấu tranh, đặc biệt là trong **kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ** và trong **công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh**. Đại đoàn kết là một trong những nền tảng quan trọng để Đảng củng cố và phát triển sức mạnh cách mạng, vượt qua mọi thử thách.

3. Bài học về tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng

Trong mọi giai đoạn, Đảng luôn chú trọng đến công tác xây dựng **lãnh đạo trong sạch, vững mạnh**. Đảng đã không ngừng cải cách tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo và đặc biệt là đấu tranh chống **tham nhũng, tiêu cực**, bảo vệ đạo đức cách mạng. Một Đảng lãnh đạo trong sạch, vững mạnh mới có thể dẫn dắt nhân dân vượt qua những thử thách của lịch sử. Công tác xây dựng Đảng được chú trọng trong suốt quá trình cách mạng, từ những ngày đầu thành lập cho đến nay.

4. Bài học về sự đoàn kết, phát huy sức mạnh của đội ngũ trí thức và quân đội nhân dân

Đảng nhận thức được tầm quan trọng của **trí thức, quân đội và người dân** trong việc thực hiện mục tiêu cách mạng. Đặc biệt, **quân đội nhân dân** luôn là lực lượng nòng cốt trong mọi cuộc kháng chiến, bảo vệ đất nước, đồng thời **trí thức** đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển nền kinh tế, khoa học, văn hóa của đất nước.

5. Bài học về sáng tạo, đổi mới và khả năng thích ứng với sự thay đổi của tình hình

Đảng ta đã không ngừng **đổi mới tư duy**, sáng tạo và thích ứng với các điều kiện thực tế trong mọi thời kỳ. Điều này thể hiện rõ qua các **Chỉ thị, Nghị quyết** của Đảng, nhất là việc triển khai các **Chương trình đổi mới, đổi mới kinh tế** (1986) và **cải cách chính trị** trong những năm qua. Đặc biệt là việc phát triển **nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**, mở ra thời kỳ đổi mới, phát triển mạnh mẽ.

Bài học tâm đắc nhất

Bài học về sự kiên định và linh hoạt trong chiến lược cách mạng là bài học mà tôi tâm đắc nhất.

Lý do là vì sự kiên định trong mục tiêu chiến lược **độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội** của Đảng, kết hợp với khả năng linh hoạt trong **phương pháp đấu tranh** trong từng giai đoạn lịch sử, đã giúp Đảng luôn đi đúng hướng, dù trong hoàn cảnh khó khăn. Những sự điều chỉnh chiến lược linh hoạt trong từng thời điểm đã giúp Đảng duy trì được sự lãnh đạo tối ưu trong suốt quá trình cách mạng.

- **Ví dụ** là trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, mặc dù đối mặt với một kẻ thù rất mạnh mẽ, Đảng đã không chỉ dựa vào sức mạnh quân sự mà còn vận dụng các phương thức chiến lược đa dạng như **chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích** kết hợp với **đấu tranh ngoại giao** để đạt được chiến thắng.
- Ngoài ra, trong quá trình **xây dựng đất nước** sau chiến tranh, Đảng đã kịp thời nhận ra sự cần thiết phải **đổi mới kinh tế**, mở cửa hội nhập quốc tế mà vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tính **linh hoạt** trong chiến lược của Đảng giúp đất nước có thể vượt qua mọi thử thách và tiếp tục phát triển trong suốt các giai đoạn lịch sử, đó là một bài học vô giá mà tôi học hỏi từ sự lãnh đạo của Đảng.